

xanh, cho nên mặt trăng bị tổn giảm; đó là duyên thứ hai để mặt trăng mỗi ngày mỗi giảm. Lại nữa, cung điện mặt trời có sáu mươi tia sáng, tia sáng này chiếu vào cung điện mặt trăng, ánh chiếu khiến cho không hiện, do đó nơi có ánh chiếu, nơi ấy của mặt trăng bị tổn giảm; đó là duyên thứ ba để ánh sáng mặt trăng tổn giảm.

“Lại nữa, vì duyên gì mà ánh sáng cung điện mặt trăng đầy dần? Có ba nhân duyên khiến cho ánh sáng mặt trăng đầy dần. Những gì là ba? Một, mặt trăng hướng về phương vị chánh cho nên ánh sáng mặt trăng đầy. Hai, các thần cung điện mặt trăng hết thảy đều mặt y phục màu xanh và Nguyệt tiên tử vào ngày rằm ngồi vào giữa, cùng nhau hưởng lạc, ánh sáng chiếu khắp, lấp át ánh sáng chư Thiên, nên ánh sáng đầy khắp. Giống như bó đuốc lớn được đốt lên trong đám đèn đuốc, sẽ át hẳn ánh sáng các ngọn đèn. Nguyệt tiên tử cũng lại như vậy. Vào ngày rằm, ở giữa chúng chư Thiên, át hẳn tất cả các ánh sáng khác, chỉ có ánh sáng của ông độc chiếu, cũng như vậy. Đó là duyên thứ hai. Ba, Nhật tiên tử tuy đã có sáu mươi tia sáng chiếu soi cung điện mặt trăng, nhưng trong vào ngày rằm, Nguyệt tiên tử cũng có thể dùng ánh sáng chiếu nghịch lại, khiến cho nó không thể che khuất được. Đó là ba nhân duyên cho cung điện mặt trăng tròn đầy mà không bị tổn giảm.

“Lại nữa vì duyên gì mà mặt trăng có bóng đen? Vì cái bóng cây Diêm-phù in vào trong mặt trăng, nên mặt trăng có bóng.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Tâm hãy như mặt trăng, trong mát không nóng bức, khi đến nhà đàm-việt³⁹¹, chuyên niệm không tán loạn.

“Lại vì duyên gì mà có các sông ngòi? Vì mặt trời mặt trăng có độ nóng. Do độ nóng này mà có nung đốt. Do có nung đốt nên có mồ hôi. Do mồ hôi mà thành sông ngòi. Do đó thế gian có sông ngòi.

“Vì nhân duyên gì mà thế gian có năm loại hạt giống? Có cuồng phong dữ từ thế giới chưa bị hủy diệt thổi hạt giống đến sanh ở quốc độ này. Một là hạt từ rễ; hai, hạt từ cọng; ba, hạt từ đốt; bốn, hạt từ ruột rỗng; năm, hạt từ hạt. Đó là năm loại hạt. Vì nhân duyên này mà thế gian có năm loại hạt giống xuất hiện.

³⁹¹. Đàm-việt 檀越, phiên âm của Skt., Pāli: dāna-pati, Hán dịch: thí chủ 施主.

“Lúc ở Diêm-phù-đề đang là giữa trưa thì ở Phất-vu-đãi mặt trời lặn. Ở Câu-da-ni mặt trời mọc, ở Uất-đơn-viết là nửa đêm. Câu-da-ni giữa trưa thì ở Diêm-phù-đề mặt trời lặn. Uất-đơn-viết mặt trời mọc, ở Phất-vu-đãi là nửa đêm; ở Uất-đơn-viết giữa trưa thì ở Câu-da-ni mặt trời lặn; ở Phất-vu-đãi mặt trời mọc, thì Diêm-phù-đề là nửa đêm. Nếu ở Phất-vu-đãi là giữa trưa, thì ở Uất-đơn-viết mặt trời lặn; ở Diêm-phù-đề mặt trời mọc, thì ở Câu-da-ni là nửa đêm. Phương Đông của Diêm-phù-đề, thì là phương Tây ở Phất-vu-đãi; phương Tây của Diêm-phù-đề là phương Đông của Câu-da-ni; phương Tây của Câu-da-ni là phương Đông của Uất-đơn-viết; phương Tây của Uất-đơn-viết là phương Đông của Phất-vu-đãi.

“Diêm-phù-đề³⁹², sở dĩ được gọi là Diêm-phù vì ở dưới có núi vàng cao ba mươi do-tuần, do cây Diêm-phù³⁹³ sanh ra nên được gọi là vàng Diêm-phù³⁹⁴. Cây Diêm-phù có trái của nó như tai nấm³⁹⁵, vị của nó như mật; cây có năm góc³⁹⁶ lớn, bốn mặt bốn góc, ở trên có một góc. Những trái ở bên góc phía Đông của nó được Càn-thát-bà³⁹⁷ ăn. Trái ở góc phía Nam của nó được người bảy nước ăn. Bảy nước³⁹⁸ là: một, nước Câu-lâu; hai, Câu-la-ba; ba, Tỳ-đề; bốn, Thiện-tỳ-đề; năm, Mạn-dà; sáu, Bà-la; bảy, Bà-lệ. Trái ở góc phía Tây được hải trùng³⁹⁹ ăn. Trái ở góc phía Bắc được cầm thú ăn. Trái ở phía góc trên được Tinh tú thiên ăn. Phía Bắc của bảy nước lớn có bảy hòn núi đen lớn⁴⁰⁰, một là

³⁹². Diêm-phù-đề 閻浮提; Skt.: Jambudvīpa, Pāli: Jambudīpa. Các bản TNM: Diêm-phù-địa 閻浮地.

³⁹³. Diêm-phù-thọ 閻浮樹; Skt., Pāli: jambu, tên loại cây lớn ở Ấn Độ, tên khoa học: Eugenia jambolana.

³⁹⁴. Diêm-phù kim, nói đủ: Diêm-phù-đàn kim 閻浮檀金 (Skt.: Jambonada-suvarna; Pāli: Jambonada-suvaṇṇa), thứ vàng xuất xứ từ cát của con sông chảy qua rừng cây Jambu.

³⁹⁵. Tẩm 竹; TNM: đan 篾.

³⁹⁶. Cô 孤; TNM: 觚.

³⁹⁷. Càn-thát-bà 乾闥婆; Pāli: Gandhabba, Skt.: Gandharva.

³⁹⁸. Bảy nước: 1. Câu-lâu 拘樓; 2. Câu-la-ba 拘羅婆; 3. Tỳ-đề 毗提; 4. Thiện-tỳ-đề 善毗提; 5. Mạn-dà 漫陀; 6. Bà-la 婆羅; 7. Bà-lệ 婆梨.

³⁹⁹. Hải trùng 海蟲, loài sâu biển (?).

⁴⁰⁰. Bảy Hắc sơn 黑山: 1. Lôa thổ 裸土; 2. Bạch hạc 白鶴; 3. Thủ cung 守宮; 4. Tiên sơn 仙山; 5. Cao sơn 高山; 6. Thiền sơn 禪山; 7. Thổ sơn 土山.

Lõa thổ, hai là Bạch hạc, ba là Thủ cung, bốn là Tiên sơn, năm là Cao sơn, sáu là Thiên sơn, bảy là Thổ sơn. Trên mặt của bảy núi đen này có bảy vị Tiên nhơn Bà-la-môn. Trú xứ của bảy Tiên nhơn⁴⁰¹ này, một là Thiện đế, hai là Thiện quang, ba là Thủ cung, bốn là Tiên nhơn, năm là Hộ cung, sáu là Già-na-na, bảy là Tăng ích.”

Phật bảo Tỳ-kheo⁴⁰²:

“Khi kiếp sơ⁴⁰³, chúng sanh sau khi ném vị đất, rồi tồn tại một thời gian lâu dài. Những ai ăn nhiều, nhan sắc trở nên thô kệch, khô héo. Những ai ăn ít, nhan sắc tươi sáng, mịn màng. Từ đó về sau mới phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có hơn có kém và sinh ra thị phi với nhau, nói rằng: ‘Ta hơn người; người không bằng ta.’ Do tâm của chúng phân biệt kia và ta, ôm lòng cạnh tranh, cho nên vị đất tiêu hết. Sau đó sinh ra một loại da đất⁴⁰⁴, hình dáng giống như cái bánh mỏng; màu sắc, hương vị của nó rất là thanh khiết. Bấy giờ chúng sanh tụ tập lại một chỗ, tất cả đều áo nő buồn khóc, đấm ngực mà nói: ‘Ối chao là tai họa! Vị đất nay bỗng biến mất.’ Giống như hiện nay người được đầy ắp vị ngon, bảo là ngon lành, nhưng sau đó lại bị mất đi nên lấy làm buồn lo. Kia cũng như vậy buồn lo hối tiếc. Sau đó, chúng ăn lớp da đất, dần quen cái vị của nó. Những ai ăn nhiều thì nhan sắc trở thành thô kệch khô héo. Những ai ăn ít thì nhan sắc tươi sáng mịn màng. Từ đó mới phân biệt nhan sắc tướng mạo của chúng sanh có xấu có đẹp và sinh chuyện thị phi với nhau, nói rằng: ‘Ta hơn người. Người không bằng ta.’ Do tâm chúng phân biệt kia và ta, ôm lòng cạnh tranh, nên nấm đất cạn tiêu hết.

“Sau đó lại xuất hiện một loại da ngoài của đất⁴⁰⁵, càng lúc càng

⁴⁰¹. Thất tiên nhân trú xứ 七仙人住處: 1. Thiện đế 善帝; 2. Thiện quang 善光; 3. Thủ cung 守宮; 4. Tiên nhân 仙人; 5. Hộ cung 護宮; 6. Già-na-na 伽那那; 7. Tăng ích 增益.

⁴⁰². Từ đây trở xuống, tham chiếu kinh số 5 “Tiểu Duyên”.

⁴⁰³. Kiếp sơ 劫初, thời kỳ nguyên thủy; Pāli: aggañña; Skt.: kalpāgra.

⁴⁰⁴. Hán: địa bì 地皮; ở trên, kinh số 5 “Tiểu Duyên”: địa phì 地肥. Huyền Tráng: địa bì bính 地皮餅; Chân Đế: địa bì càn 地皮乾; Pāli: bhūmipappaṭaka; Skt.: pṛthivīparpaṭaka. Xem cht.17, kinh số 5 “Tiểu Duyên”.

⁴⁰⁵. Hán: địa phu 地膚; Huyền Tráng, Chân Đế: lâm đằng 林藤, dây leo rừng; Pāli: badālatā; Skt.: vanalatā.

dày thêm, màu của nó như thiên hoa⁴⁰⁶, mềm mại của nó như thiên y, vị của nó như mật. Bấy giờ, các chúng sanh lại lấy nó cùng ăn, sống lâu ngày ở thế gian. Những ai càng ăn nhiều thì nhan sắc càng sút kém. Những ai ăn ít thì nhan sắc tươi sáng mịn màng. Từ đó phân biệt nhan sắc tương mạo của chúng sanh có xấu có đẹp và do thế mà sinh chuyện thị phi với nhau rằng: ‘Ta hơn người. Người không bằng ta.’ Vì tâm chúng phân biệt ta và người, sinh lòng cạnh tranh, nên lớp da ngoài của đất tiêu hết.

“Sau đó, lại xuất hiện loại lúa té⁴⁰⁷ mọc tự nhiên, không có vỏ trấu⁴⁰⁸, không cần phải gia thêm chế biến mà chúng đã đầy đủ các thứ mỹ vị. Bấy giờ, chúng sanh tụ tập nhau lại nói: ‘Ối chao là tai họa! Nay màng đất bỗng nhiên biến mất.’ Giống như hiện tại người gặp họa gặp nạn thì than rằng: ‘Khổ thay!’ Bấy giờ chúng sanh áo nã, buồn than, cũng lại như vậy.

“Sau đó, chúng sanh cùng nhau lấy lúa té tự nhiên này ăn và thân thể chúng, trở nên thô xấu, có hình dáng nam nữ, nhìn ngắm nhau, sinh ra dục tưởng; họ cùng nhau tìm nơi vắng làm hành vi bất tịnh, các chúng sanh khác thấy than rằng: ‘Ôi, việc làm này quấy! Tại sao chúng sanh cùng nhau sinh ra chuyện này?’ Người nam làm việc bất tịnh kia, khi bị người khác quở trách, tự hối hận mà nói rằng: ‘Tôi đã làm quấy.’ Rồi nó gieo mình xuống đất. Người nữ kia thấy người nam này vì hối lỗi mà gieo mình xuống đất, không đứng lên, liền đưa thức ăn đến. Chúng sanh khác thấy vậy, hỏi người nữ rằng: ‘Người đem thức ăn này để cho ai?’ Đáp: ‘Chúng sanh hối lỗi kia đọa lạc⁴⁰⁹ thành kẻ làm điều bất thiện, tôi đưa thức ăn cho nó.’ Nhân lời nói này, nên thế gian liền có danh từ ‘người chồng bất thiện’⁴¹⁰ và vì việc đưa

⁴⁰⁶. Thiên hoa 天華.

⁴⁰⁷. Hán: canh mē 稗米; Huyền tráng: hương đạo 香稻; Chân Đế: xá-ly (lợi) 舍利; Skt.: śāli, Pāli: sāli. Xem cht. 18, kinh số 5 “Tiểu duyên”.

⁴⁰⁸. Hán: khang khoái 糜蒯; Pāli: kāṇa-thusa.

⁴⁰⁹. Hán: đọa 墓; Pāli: patti, nghĩa đen: té, đọa lạc; chuyển thành nghĩa: tội lỗi.

⁴¹⁰. Hán: phu chủ bất thiện 夫主不善. Định nghĩa danh từ chồng (Hán: phu chủ); Pāli: pati (người chồng), coi như đồng âm với patti, do gốc động từ PAD: rơi, té, đọa lạc.

cơm cho chồng nên được gọi là vợ⁴¹¹.

“Sau đó, chúng sanh bèn làm chuyện dâm dật, pháp bất thiện tăng. Để tự che giấu, chúng tạo ra nhà cửa. Do vì nhân duyên này, bắt đầu có danh từ ‘nhà’⁴¹².

“Sau đó, sự dâm dật của chúng sanh càng ngày càng tăng, nhân đây đã trở thành chồng vợ. Có các chúng sanh khác, khi tuổi thọ hết, hành hết, phước hết, từ cõi trời Quang âm sau khi mạng chung lại sinh vào thế gian này, ở trong thai mẹ, nhân đây thế gian có danh từ ‘mang thai’⁴¹³.

“Bấy giờ, trước tiên tạo thành Chiêm-bà, kế đến tạo thành Già-thi, Ba-la-nại và tiếp theo là thành Vương xá⁴¹⁴. Lúc mặt trời mọc thì bắt đầu kiến tạo, tức thì lúc mặt trời mọc hoàn thành⁴¹⁵. Do nhân duyên này nên thế gian liền có tên thành, quách, quận, ấp, là chỗ nhà vua cai trị.

“Bấy giờ, khi chúng sanh bắt đầu ăn lúa tẻ mọc tự nhiên, sáng sớm gặt thì chiều tối lại chín, chiều tối gặt thì sáng sớm lại chín. Sau khi được gặt, lúa sinh trở lại, hoàn toàn không có thân cuống lúa.

“Rồi thì, có chúng sanh thầm nghĩ rằng: ‘Sao ta mỗi ngày mỗi gặt chi cho mệt nhọc? Nay hãy gom lấy đủ cho nhiều ngày.’ Nó bèn gặt gộp lại, chứa số lương đủ cho nhiều ngày. Người khác sau đó gọi nó: ‘Nay chúng ta hãy cùng đi lấy lúa.’ Người này bèn trả lời: ‘Tôi đã chứa đủ sẵn rồi, không cần lấy thêm nữa. Anh muốn lấy, cứ tùy ý đi lấy một mình.’ Người kia bèn nghĩ thầm: ‘Gã này có thể lấy đủ lương cho hai ngày, sao ta không thể lấy đủ cho ba ngày?’ Người ấy bèn chứa dư ba ngày lương. Lại có những người khác gọi nó: ‘Hãy cùng đi lấy lương.’ Nó liền đáp: ‘Ta đã lấy dư ba ngày lương rồi. Các người muốn lấy, tùy ý đi mà lấy.’ Các người kia bèn nghĩ: ‘Người kia có thể lấy ba ngày lương, sao ta không thể lấy năm ngày lương?’ Rồi chúng lấy năm ngày

⁴¹¹. Nguồn gốc của danh từ vợ; bhariyā (vợ), do động từ bharati: mang cho.

⁴¹². Nguồn gốc của từ Pāli: gaha (nhà), do gūhati: che dấu.

⁴¹³. Hán: xǔ thai 處胎; Pāli: gabba.

⁴¹⁴. Các thành: Chiêm-bà 瞳婆; Pāli: Campā; Già-thi 伽尸; Pāli: Kāsi; Bà-la-nại 婆羅奈; Pāli: Bārāṇasī; Vương xá 王舍; Pāli: Rājagaha.

⁴¹⁵. Có lẽ xác định ngữ nguyên của nagara, thành trì hay đô thị, là do Naga: mặt trời.

lương. Bấy giờ, chúng sanh tranh nhau cất chứa lương dư, nên lúa té ấy bèn sanh ra vỏ trấu; sau khi được gặt, không mọc trở lại nữa; chỉ còn trơ cọng khô mà thôi.

“Bấy giờ chúng sanh tụ tập lại một chỗ, áo nǎo buồn khóc, đấm ngực than: ‘Ôi, đây là một tai họa!’ và tự thương trách rằng: ‘Chúng ta vốn đều do biến hóa mà sinh, ăn bằng niêm, tự thân phát ánh sáng, có thần túc bay trên không, an vui không ngại. Sau đó vị đất bắt đầu sinh ra, sắc vị đầy đủ. Khi ấy chúng ta ném thử vị đất này, rồi tồn tại lâu trong đời này. Những ai ăn nhiều thì nhan sắc trở thành thô xấu. Những ai ăn nó ít thì nhan sắc tươi sáng, mịn màng; từ đó tâm chúng sanh có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn, bảo rằng: ‘Sắc ta hơn. Sắc ngươi không bằng.’ Do kiêu mạn, tranh nhau sắc, nên vị đất tiêu diệt. Lại sanh ra lớp da đất, có đầy đủ sắc hương vị. Chúng ta lúc ấy cùng thu lấy để ăn, tồn tại lâu dài ở thế gian. Những ai ăn nhiều thì da sắc trở thành thô xấu. Những ai ăn ít đi thì da sắc tươi sáng mịn màng, từ đó có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn bảo rằng: ‘Sắc ta hơn, sắc ngươi không bằng.’ Vì tranh nhau về sắc mà kiêu mạn nên lớp da đất biến mất và xuất hiện lớp da ngoài của đất, càng lúc càng dày lên, đủ cả sắc, hương, mùi vị. Chúng ta khi ấy lại cùng nhau thu lấy ăn, tồn tại dài ở thế gian. Những ai ăn nhiều thì sắc da trở thành thô xấu. Những ai ăn ít thì sắc da tươi sáng mịn màng, từ đó có phân biệt ta và người, sinh tâm kiêu mạn bảo rằng: ‘Sắc ta hơn, sắc ngươi không bằng.’ Vì sắc tranh nhau mà kiêu mạn, nên lớp da ngoài của đất biến mất, để rồi sinh ra loại lúa té mọc tự nhiên, đầy đủ sắc, hương, vị. Chúng ta lúc ấy lại cùng nhau thu lấy ăn, sớm mai thu hoạch buổi chiều lại chín, buổi chiều thu hoạch sáng mai lại chín, vì thu hoạch xong thì sinh trở lại nên không cần phải gom thu. Nhưng vì chúng ta lúc này tranh nhau tích lũy, nên lúa này sinh ra vỏ trấu và sau khi thu gặt xong không sinh trở lại nữa, mà hiện tại chỉ còn có rễ và thân mà thôi. Nay chúng ta hãy cùng nhau phân phổi ruộng nhà, phân chia bờ cõi.’

“Rồi chúng phân chia ruộng đất, vạch bờ cõi khác nhau, phân biệt của người và của ta. Sau đó mọi người tự cất giấu lúa thóc của mình, trộm lấy lúa ruộng người khác. Các chúng sanh khác trông thấy, nên nói: ‘Việc ngươi làm là quấy! Việc ngươi làm là quấy! Tại sao cất

giấu vật của chính mình, mà đi trộm tài vật của người?' Liền quở trách rằng: 'Từ nay về sau không được tái phạm việc trộm cắp nữa!' Nhưng những việc trộm cắp như vậy vẫn tái phạm không dứt, mọi người lại phải quở trách: 'Việc ngươi làm sai quấy! Tại sao không chịu bỏ?' Bèn lấy tay mà đánh, lôi đến giữa đám đông, báo cáo cùng mọi người rằng: 'Người này tự cất giấu thóc lúa, đi trộm lúa ruộng của người.' Người ăn trộm nói lại: 'Người kia đã đánh tôi.' Mọi người nghe xong, ấm ức rơi lệ, đấm ngực nói rằng: 'Thế gian trở nên xấu ác, nên đã sinh ra pháp ác này chăng?' Nhân đấy mà sinh ra ưu kết nhiệt não khổ báo; rằng: 'Đây là cội nguồn của của sinh, già, bệnh, chết; là nguyên nhân rơi vào đường ác. Do có ruộng nhà, bờ cõi riêng khác, nên sinh ra tranh giành kiện tụng, đưa đến oán thù, không ai có thể giải quyết. Nay chúng ta hãy lập lên một người chủ bình đẳng⁴¹⁶, để khéo léo giữ gìn nhơn dân, thưởng thiện phạt ác. Mọi người trong chúng ta đều cùng nhau giảm bớt phần của mình để cung cấp cho người chủ này.'

"Lúc đó, trong chúng có một người hình thể vạm vỡ, dung mạo đoan chánh, rất có oai đức. Mọi người bảo rằng: 'Nay, chúng tôi muốn tôn bạn lên làm chủ, để khéo léo giữ gìn nhơn dân, thưởng thiện phạt ác. Chúng tôi sẽ giảm bớt phần của mình mà cung cấp.' Người này nghe xong, liền nhận làm chủ. Ai đáng thưởng thì thưởng; ai đáng phạt thì phạt. Từ đây mới bắt đầu có danh từ dân chủ⁴¹⁷. Dân chủ ban đầu có con tên là Trần Bảo⁴¹⁸; Trần Bảo có con tên là Hảo Vị; Hảo Vị có con tên là Tịnh Trai; Tịnh Trai có con tên là Đảnh Sanh; Đảnh Sanh có con tên là Thiện Hành; Thiện Hành có

⁴¹⁶. Bình đẳng chủ 平等主, xem kinh số 5 "Tiểu Duyên" cht.20.

⁴¹⁷. Xem kinh số 5 "Tiểu Duyên": bắt đầu có danh từ vương 王; Pāli: rāja.

⁴¹⁸. Phả hệ dòng vua đầu tiên: Dân Chủ 民主, Trần Bảo 珍寶, Hảo Vị 好味, Tịnh Trai 靜齋, Đảnh Sanh 頂生, Thiện Hành 善行, Trạch Hành 宅行, Diệu Vị 妙味, Vị Đế 味帝, Thủy Tiên 水仙, Bách Trí 百智, Thị Dục 嗜欲, Thiện Dục 善欲, Đoạn Kết 斷結, Đại Đoạn Kết 大斷結, Bảo Tạng 寶藏, Đại Bảo Tạng 大寶藏, Thiện Kiến 善見, Đại Thiện Kiến 大善見, Vô Ưu 無優, Châu Chủ 洲渚, Thực Sanh 殖生, Nhạc Sơn 岳山, Thần Thiên 神天, Khiển Lực 遺力, Lao Xa 牢車, Thập Xa 十車, Bách Xa 百車, Lao Cung 牢弓, Bách Cung 百弓, Dưỡng Mục 養牧, Thiện Tư 善思.

con tên là Trạch Hành; Trạch Hành có con tên là Diệu Vị; Diệu Vị có con tên là Vị Đế; Vị Đế có con tên là Thủ Tiên; Thủ Tiên có con tên là Bách Trí; Bách Trí có con tên là Thị Dục; Thị Dục có con tên là Thiện Dục; Thiện Dục có con tên là Đoạn Kết; Đoạn Kết có con tên là Đại Đoạn Kết; Đại Đoạn Kết có con tên là Bảo Tạng; Bảo Tạng có con tên là Đại Bảo Tạng; Đại Bảo Tạng có con tên là Thiện Kiến; Thiện Kiến có con tên là Đại Thiện Kiến; Đại Thiện Kiến có con tên là Vô Ưu; Vô Ưu có con tên là Châu Chử; Châu Chử có con tên là Thực Sanh; Thực Sanh có con tên là Sơn Nhạc; Sơn Nhạc có con tên là Thần Thiên; Thần Thiên có con tên là Khiển Lực; Khiển Lực có con tên là Lao Xa; Lao Xa có con tên là Thập Xa; Thập Xa có con tên là Bách Xa; Bách Xa có con tên là Lao Cung; Lao Cung có con tên là Bách Cung; Bách Cung có con tên là Dưỡng Mục; Dưỡng Mục có con tên là Thiện Tư.

“Từ Thiện Tư trở về sau có mười họ, Chuyển luân thánh vương nối tiếp nhau không dứt: Một tên là Già-nậu-thô, hai tên là Đa-la-bà, ba tên là A-diệp-ma, bốn tên là Trì-thí, năm tên là Già-lăng-già, sáu tên là Chiêm-bà, bảy tên là Câu-la-bà, tám tên là Bác-đồ-la, chín tên là Di-tư-la, mười tên là Thanh Ma.

“Giòng Vua Già-nậu-thô có năm vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Đa-la-bà có năm vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua A-diếp-ma có bảy vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Trì-thí có bảy vị vua Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Già-lăng-già có chín vị vua Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Chiêm-bà có mười bốn vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Câu-la-bà có ba mươi một vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Bát-xà-la có ba mươi hai vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Di-tư-la có tám vạn bốn ngàn vị Chuyển luân thánh vương. Giòng vua Thanh Ma có một trăm lẻ một vị Chuyển luân thánh vương. Và vị vua cuối cùng có tên là Đại Thiện Sanh Tùng.

“Vua Thanh Ma⁴¹⁹ của giòng thứ mười có vương tử tên là Ô-la-bà. Vua Ô-la-bà có vương tử tên là Cù-la-bà. Vua Cù-la-bà có vương tử tên là Ni-cầu-la. Vua Ni-cầu-la có vương tử tên là Sư Tử Giáp. Vua

⁴¹⁹. Thanh Ma vương, xem kinh số 20: “A-ma-trú”.

Sư tử Giáp có vương tử tên là Bạch Tịnh vương⁴²⁰. Vua Bạch Tịnh vương có vương tử tên là Bồ-tát⁴²¹. Bồ-tát có con tên là La-hầu-la. Do bản duyên này mà có tên gọi Sát-ly⁴²².

“Bấy giờ, có một chúng sanh suy nghĩ như vậy: ‘Tất cả mọi sở hữu như gia đình, quyền thuộc, muôn vật ở thế gian đều là gai nhọn, ung nhọt, nay nên lìa bỏ, vào núi hành đạo, ở nơi vắng vẻ mà tu duy.’ Rồi thì, người liền lìa bỏ gai nhọn là gia đình, vào núi, ở nơi vắng vẻ, ngồi dưới gốc cây mà tu duy, hằng ngày ra khỏi núi, vào thôn xóm mà khất thực. Mọi người trong thôn thấy vậy, càng cung kính cúng dường. Mọi người đều cùng khen ngợi rằng: ‘Người này có thể lìa bỏ hệ lụy của gia đình để vào núi tìm đạo.’ Vì người này có thể xa lìa được pháp ác bất thiện, nên nhân đó mà gọi là Bà-la-môn⁴²³.

“Trong chúng Bà-la-môn có người không hành Thiền được, nên ra khỏi rừng núi, du hành trong nhân gian và tự nói: ‘Ta không thể tọa thiền.’ Nhân đó gọi là Vô Thiền Bà-la-môn⁴²⁴. Rồi đi qua các thôn xóm, nó làm pháp bất thiện, thi hành pháp độc, nhân đó tương sinh, nên được gọi đó là độc⁴²⁵. Do nhân duyên này mà có chủng tánh Bà-la-môn ở thế gian.

“Trong chúng sanh kia, chúng học tập các thứ nghề để tự mưu sống, nhân đây nên có chủng tánh Cư sĩ ở thế gian.

“Trong chúng sanh kia, chúng học tập các kỹ nghệ để tự nuôi sống, nhân đây mới có chủng tánh Thủ-đà-la ở thế gian.

“Trước đó trong thế gian đã có giòng họ Thích này xuất hiện rồi, sau đó mới có giòng Sa-môn. Trong giòng Sát-ly có người tự tư duy: ‘Thế gian ân ái là ô uế, bất tịnh, đáng gì mà tham đắm?’ Rồi người ấy lìa bỏ gia đình, cao bồi râu tóc, mặc pháp phục mà cầu đạo và

⁴²⁰. Bạch Tịnh vương 白淨王, hoặc dịch là Tịnh Phạn vương 淨飯王; Pāli: Sudhodana, vua nước Ca-tỳ-la-vệ (Pāli: Kapilavatthu), phụ vương của Đức Thích Tôn.

⁴²¹. Chỉ Đức Thích Tôn.

⁴²². Ngũ nguyên của từ Sát-ly, xem cht.22, kinh số 5 “Tiểu Duyên”.

⁴²³. Ngũ nguyên của từ Bà-la-môn, xem cht.23 kinh số 5 “Tiểu Duyên”.

⁴²⁴. Vô thiền Bà-la-môn 無禪婆羅門, kinh Tiểu Duyên: Bất thiền Bà-la-môn; xem cht.24, kinh số 5 “Tiểu Duyên”.

⁴²⁵. Hán: độc 毒.

nói: ‘Ta là Sa-môn! Ta là Sa-môn!’

“Trong chúng tánh Bà-la-môn, chúng tánh Cư sĩ, chúng tánh Thủ-đà-la, có người suy nghĩ: ‘Thế gian ân ái là ô uế, bất tịnh, đáng gì mà tham đắm?’ Rồi người ấy lìa bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục mà cầu đạo và nói: ‘Ta là Sa-môn! Ta là Sa-môn!’

“Nếu trong chúng Sát-ly, có người thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện; sau khi hành bất thiện rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ phải thọ khổ. Hoặc có Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện; sau khi hành bất thiện rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ phải thọ khổ.

“Chúng tánh Sát-ly thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, khi thân hoại mạng chung nhất định sẽ thọ lạc. Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, khi thân hoại mạng chung nhất định sẽ được thọ lạc.

“Thân của người Sát-ly thân có hai loại hành, miệng và ý cũng có hai loại hành. Sau khi thân, miệng và ý đã hành hai loại ấy rồi, thân hoại mạng chung nhất định sẽ thọ báo hoặc khổ hoặc lạc. Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la, thân, miệng, ý có hai loại hành. Sau khi thân, miệng và ý đã hành hai loại này rồi, thân hoại mạng chung chắc chắn sẽ thọ báo hoặc khổ hoặc vui.

“Trong chúng Sát-ly, như có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia cầu đạo. Vì ấy tu tập bảy giác ý. Với tín tâm kiên cố vị ấy xuất gia hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này, tự thân tác chứng: ‘Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Ở trong chúng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la, có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia cầu đạo. Vì ấy tu tập bảy giác ý. Vì ấy do lòng tin kiên cố mà xuất gia hành đạo, tu phạm hạnh vô thượng, ở ngay trong đời này mà tự thân tác chứng: ‘Sự sanh của ta đã dứt, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Trong bốn chúng tánh này, đều có thể thành tựu Minh và Hành, chứng đắc A-la-hán, là đệ nhất tối thượng.”

Bấy giờ, Phạm thiên liền nói kệ:

*Thọ sanh, Sát-ly nhất,
Hay tập các chủng tánh.
Minh Hạnh thành đầy đủ,
Là nhất trong Trời, Người."*

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Phạm thiên kia nói bài kệ này rất hay, chứ không phải không hay; là khéo lanh thọ, chứ không phải không khéo lanh thọ, được Ta ấn chứng. Vì sao? Vì Ta nay, là Như Lai, Chí Chân, là Đẳng Chánh Giác, cũng nói như bài kệ này:

*"Sát-ly sanh là nhất,
Hay tập các chủng tánh,
Minh Hạnh thành đầy đủ,
Là nhất trong trời, người."*

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ thực hành.

*Trường A-hàm hoàn tất.
Quy mạng Nhất thiết trí.
Tất cả chúng an vui.
Chúng sanh trú vô vi,
Tôi cũng ở trong đó.*



SỐ 2

KINH THẤT PHẬT¹

Hán dịch: Tống Pháp Thiên

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở nước Xá-vê, rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc².

Bấy giờ, có chúng Đại Bí-sô³ khi ôm bát ăn⁴, đến đạo tràng Ca-lý-lê, cùng nhau ngồi suy nghĩ⁵:

“Trong thời quá khứ có Đức Phật nào xuất hiện? Dòng họ, danh hiệu, tuổi thọ ngắn dài của các vị ấy như thế nào?”

Sau khi suy nghĩ như vậy, họ hỏi nhau nhưng vẫn không thể biết được.

¹. Bản hán: *Phật Thuyết Thất Phật kinh*, Tống Pháp Thiên dịch (Đại I, No.2, tr.150a-154b). Tham chiếu: *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, Hậu Tần Hoằng Thủ Phật-đà-da-xá cộng Trúc Phật Niệm dịch, "Đệ nhất phẩm sơ Đại Bản kinh Đệ nhất", Đại I, No.1(1), tr.1b-10c.

². No.2: *Kỳ thọ Cấp cô độc viên* 祇樹級孤獨圓: rừng cây Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc; No.1(1): *Kỳ thọ hoa lâm khố*, dữ Đại Tỳ-kheo chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu 祇樹華林窟, 與大比丘眾千二百五十人俱: động Hoa lâm vườn cây Kỳ-đà, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi.

³. Bí-sô 菩薩, No.1(1): Tỳ-kheo hay Tỷ-khưu 比丘.

⁴. Nguyên văn: trì bát thực thời 持鉢食時, khi ôm bát ăn; chính xác: “sau khi ăn xong”. Xem “kinh Đại Bản”, cth.3.

⁵. No.2: *nghệ Ca-lý-lê đạo tràng cộng tọa tư duy* 詣迦里梨道場, 共坐思惟, “đến đạo tràng Ca-lý-lê, cùng nhau ngồi suy nghĩ”; No.1(1): ư khất thực thời tập Hoa lâm đường các cộng nghị ngôn 於乞食時集華林堂各共議言 “(Sau) khi khất thực, tụ tập ở Hoa lâm đường, cùng nhau bàn luận rằng:”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết các Bí-sô này suy nghĩ sự việc ấy. Ngài rời chỗ ngồi, đến đạo tràng Ca-lý-lê, ngồi kiết già.

Các Bí-sô cúi đầu lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, chắp tay cung kính, nhất tâm chiêm ngưỡng Phật.

Thế Tôn hỏi:

“Này các Bí-sô! Các Thầy đang nghĩ về chuyện gì?”

Bí-sô thưa:

“Chúng con suy nghĩ: Trong thời quá khứ có vị Phật nào ra đời, với dòng họ, danh hiệu, tuổi thọ ngắn dài như thế nào, nhưng không ai biết được.”

Phật hỏi các Bí sô:

“Các Thầy muốn biết không?”

Các Bí sô thưa:

“Nay đã đúng lúc, ngưỡng mong Thế Tôn dạy cho chúng con.”

Phật dạy:

“Các Thầy lắng nghe! Ta sẽ nói về việc đó.

“Thời quá khứ, cách đây chín mươi mốt kiếp có Phật Tỳ-bà-thi, là Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian.

“Cách đây ba mươi mốt kiếp, có Phật Thi-kí, Phật Tỳ-xá-phù⁶, là Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở thế gian.

“Vào kiếp thứ sáu trong hiền kiếp có Phật Câu-lưu-tôn, là Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở thế gian.

“Vào kiếp thứ bảy, có Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, là Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở thế gian.

“Vào kiếp thứ tám, có Phật Ca-diếp-ba⁷, là Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện trong thế gian.

“Vào kiếp thứ chín, Ta là Phật Thích-ca Mâu-ni, xuất hiện ở thế gian, là Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác.

“Trong kiếp quá khứ, Phật Tỳ-bà-thi, Phật Thi-kí, Phật Tỳ-xá-phù giảng dạy Thi-la⁸, là giới luật thanh tịnh và công hạnh để thành tựu trí tuệ tối thượng.

⁶. Tỳ-xá-phù 毘舍浮; No.1(1): Tỳ-xá-bà 毘舍婆.

⁷. Ca-diếp-ba 遍葉波; No.1(1): Ca-diếp 遍葉.

⁸. Thi-la 罪羅, phiên âm Skt.: Śīla, hay Pāli: Sīla.

“Trong hiền kiếp, Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp-ba, cũng giảng dạy luật nghi thanh tịnh và pháp thiền định giải thoát. Pháp của Ta giảng dạy cũng như vậy.

“Này các Bí-sô! Phật Tỳ-bà-thi, thời quá khứ, thuộc giòng Sát-đế-ly, phát tâm tịnh tín, mà xuất gia, thành đạo Chánh giác. Phật Thi-kí, Phật Tỳ-xá-phù cũng thuộc giòng Sát-đế-ly. Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp thuộc giòng Bà-la-môn. Ta sinh trong cung vua Tịnh Phạn, dòng Sát-đế-ly.”

Bấy giờ, để trùng tuyên ý nghĩa này, Thế Tôn bèn nói bài kệ:

*Ta nói đời quá khứ,
Vào kiếp chín mươi mốt;
Có Phật Tỳ-bà-thi,
Xuất hiện trong thế gian.
Trong kiếp ba mươi mốt,
Thi-kí, Tỳ-xá-phù;
Bậc Chánh Đẳng Giác ấy,
Thuộc giòng Sát-đế-ly.
Như Lai Câu-lưu-tôn,
Câu-na-hàm, Ca-diếp;
Cả ba Thế Tôn này,
Đều thuộc Bà-la-môn.
Ta ở cõi Diêm-phù,
Con đức vua Tịnh Phạn;
Tu giác ngộ thành Phật,
Thuộc giòng Sát-đế-ly.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

“Các Thầy hãy lắng nghe: Ta lại nói về tộc họ của bảy Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác. Phật Tỳ-bà-thi, Phật Thi-kí, Phật Tỳ-xá-phù, thuộc họ Kiều-trần⁹. Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp-ba, thuộc họ Ca-diếp. Thích-ca Như Lai thuộc họ Cù-dàm.”

Thế Tôn lặp lại bằng kệ:

⁹. Kiều-trần 橘陳, No.1(1): Câu-ly-nhã 拘利若.

*Như Lai Tỳ-bà-thi,
Thi-khí, Tỳ-xá-phù;
Cả ba vị Phật này,
Đều mang họ Kiều-trần.
Như Lai Câu-lưu-tôn,
Câu-na-hàm, Ca-diếp;
Cả ba vị Phật này,
Đều mang họ Ca-diếp.
Ta ở cõi Diêm-phù,
Sinh trong cung Tịnh Phạn;
Nên mang họ Cù-đàm,
Xuất gia chứng Bồ-đề.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Ta nói về tuổi thọ dài ngắn của bảy Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác.

“Phật Tỳ-bà-thi, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện trong thế gian, sống tám vạn tuổi. Phật Thi-khí, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, xuất hiện trong thế gian, sống bảy vạn tuổi. Phật Tỳ-xá-phù, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện trong thế gian, sống sáu vạn tuổi. Phật Câu-lưu-tôn, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, xuất hiện trong thế gian, sống bốn vạn tuổi. Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, xuất hiện trong thế gian, sống ba vạn tuổi. Phật Ca-diếp-ba, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác xuất hiện trong thế gian, sống hai vạn tuổi. Ta hóa độ chúng sanh trong đời năm trước, sống một trăm tuổi.”

Thế Tôn lặp lại bằng kệ:

*Như Lai Tỳ-bà-thi,
Thi-khí, Tỳ-xá-phù;
Đức Phật Câu-lưu-tôn,
Câu-na-hàm, Ca-diếp.
Chư Phật khi ra đời,
Đều theo tuổi thọ người;
Tám vạn rồi bảy vạn,
Sáu vạn xuống bốn vạn.*

*Ba vạn đến hai vạn,
Phật Thích-ca cũng vậy;
Xuất hiện, đời năm trước,
Loài người thọ trăm tuổi.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Nay Ta nói về tên, danh hiệu cha mẹ, quốc gia, thành phố của bảy vị Phật Như Lai.”

“Phụ vương của Phật Tỳ-bà-thi tên là Mân-độ-ma¹⁰, mẹ tên Mân-độ-ma, kinh thành cũng tên Mân-độ-ma.

“Phụ vương Thi-kí Như Lai tên A-lỗ-noa¹¹, mẹ cũng tên A-lỗ-noa; kinh thành tên A-lỗ-phược-đế¹².

“Phụ vương Tỳ-xá-phù Như Lai tên Tô-bát-la-để-đô, mẹ tên Bát-la-bà-phược-để, kinh thành tên A-nô-bát-ma¹³.

“Cha của Phật Câu-lưu-tôn tên Dã-nghê-dã-na-đa, hiệu Sát-mô-sát-ma, mẹ tên Vĩ-xá-khư, kinh thành tên Sát-ma¹⁴.

“Cha của Phật Câu-na-hàm Mâu-ni tên Dã-nghê-dã-na-đô, mẹ tên Ô-đa-la; vua hiệu Thâu-bộ, kinh thành tên Thâu-bà-phược-đế¹⁵.

“Cha của Ca-diếp Như Lai tên Tô-một-ra-hạ-ma, mẹ tên Một-ra-hạ-ma-ngu-bát-đa; vua hiệu Ngật-lý-kế, kinh thành tên

¹⁰. Tên cha, mẹ, thành phố cùng là tên Mân-độ-ma 滿度摩; No.1(1) Bàn-dầu 盤頭.

¹¹. Tên cha A-lỗ-noa 阿嚕拏; No.1(1) Minh Tướng 明相, hay 將曉 (阿盧那 A-lô-na).

¹². Tên mẹ và kinh thành lúc đó là A-lỗ-phược-đế 阿嚕縛帝 hay A-lỗ-noa-phược-đế 阿嚕拏縛帝; No.2: mẹ là Quang Diệu 光耀, thành Quang tướng 光相.

¹³. Tô-bát-la-để-đô 鮫鉢囉底都, Bát-la-bà-phược-để 鉢囉婆縛底, A-nô-bát-ma 阿努鉢麼; No.1(1): Thiện Đặng 善燈; Xứng Giới 稱戒; Vô dụ 無喻.

¹⁴. Cha tên Dã-nghê-dã-na-đa 野倪也那多, mẹ tên Vĩ-xá-khư 尾舍佞性, vua vào lúc đó hiệu Sát-mô-sát-ma 殺謨殺摩, thành Sát-ma 殺摩; No.1(1): cha tên Tự Đắc 祀得; mẹ tên Thiện Chi 善枝, hiệu An hòa 安和; thành An hòa 安和城.

¹⁵. Cha tên Dã-nghê-dã-na-đô 野倪也那睹, tên mẹ Ô-đa-la 烏多囉, vua thời đó hiệu Thâu-bộ 輸部, thành Thâu-bà-phược-đế 輸婆縛帝; No.1(1): Cha tên Đại Đức 大德, mẹ Thiện Thắng 善勝; vua thời đó hiệu Thanh Tịnh 清淨, đô thành tên là Thanh tịnh 清淨城.

Ba-la-nại¹⁶.

“Nay, Ta Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, phụ vương ta tên Tịnh Phạn, mẹ tên Ma-ha Ma-da; kinh thành tên Ca-tỳ-la.”

Thế Tôn lặp lại bằng kệ:

*Bản sinh của chư Phật,
Tỳ-bà-thi Như Lai;
Cha tên Mân-dô-ma,
Mẹ Mân-dô-ma-dé.
Kinh đô thành quách lớn,
Cũng tên Mân-dô-ma;
Lúc đó nước ấy giàu,
Nhân dân sống an lạc.
Phật Thi-kí Thế Tôn,
Phụ vương A-lô-noa;
A-lô-noa-phuợc-dé,
Là tên của mẹ Phật.
Thành Ngài ở cùng tên,
A-lô-na-phuợc-dé;
Nhân dân sống phồn thịnh,
Giàu có thường an ổn.
Tỳ-xá-phù Như Lai,
Phụ vương và mẹ tên;
Tô-bát-ra-dé-dô,
Bát-la-bà-phuợc-dé.
Kinh thành của nước ấy,
Tên A-nô-ba-ma.
Thời đó sống an ổn,
Không có các tai hại.
Thế Tôn Câu-lưu-tôn,
Tên thân phụ của Ngài;*

¹⁶. Cha tên Tô-một-ra-hạ-ma 鮫沒囉賀摩, mẹ Một-ra-hạ-ma-nga-bát-đa 没囉賀摩
虞鉢多, vua thời đó hiệu Ngật-lý-kế 訖里計, thành Ba-la-nại 波羅奈; No.1(1):
cha tên Phạm Đức 梵德, mẹ Tài Chủ 財主; vua thời đó là Cấp-tỳ 汲毗; thành Ba-
la-nại 波羅奈 như No.2.

*Dā-nghē-dā-na-đa,
 Mẹ tên Vī-xá-khu.
 Vua Sát-mô-sát-ma;
 Kinh thành tên Sát-ma;
 Nhân dân sống thời ấy,
 Tôn trọng điều hiền thiện.
 Câu-na-hàm Mâu-ni,
 Dā-nghē-dā-na-đồ,
 Là tên cha của Ngài;
 Mẹ tên Ô-đa-la.
 Quốc vương hiệu Thâu-bộ,
 Thành Thâu-bà-phược-dế;
 Cao rộng thật tráng lệ;
 Chúng sanh không cực nhọc.
 Cha Phật Ca-diếp-ba,
 Tô-một-ra-hạ-ma;
 Mẹ tên gọi Một-ra,
 Hạ-ma-ngu-bát-đa.
 Quốc vương Ngật-lý-kế,
 Thành đô Ba-la-nại;
 Chúng sanh trong thành ấy,
 Ngày đêm sống an ổn.
 Nay chõ sinh của Ta,
 Phụ vương hiệu Tịnh Phạn;
 Mẹ Ma-ha Ma-da,
 Thành tên Ca-tỳ-la.
 Như trên phân biệt rõ,
 Tên cha mẹ, nước, thành;
 Của bảy Phật Như Lai,
 Chánh Đẳng Giác như vậy.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Ta nói về đệ tử Thanh văn của bảy vị
Phật Như Lai. Đệ tử đại trí của Tỳ-bà-thi Như Lai, Ứng Cúng, Chánh

Đảng Giác, tên Khiếm-noa-để-tả¹⁷, là bậc đệ nhất trong chúng Thanh văn.

“Đệ tử đại trí của Thi-khí Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đảng Giác, tên Bộ-tam-bà-phược¹⁸, là bậc đệ nhất trong chúng Thanh văn.

“Đệ tử đại trí của Tỳ-xá-phù Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đảng Giác, tên Dã-thâu-đa-la¹⁹, là bậc đệ nhất trong chúng Thanh văn.

“Đệ tử đại trí của Câu-lưu-tôn Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đảng Giác, tên Tán-nhī-phược²⁰, là bậc đệ nhất trong chúng Thanh văn.

“Đệ tử đại trí của Câu-na-hàm Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đảng Giác, tên Tô-lỗ-noa-đa-la²¹, là bậc đệ nhất trong chúng Thanh văn.

“Đệ tử đại trí của Ca-diếp-ba Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đảng Giác, tên Bà-ra-đặc-phược-nhạ²², là bậc đệ nhất trong chúng Thanh văn.

“Ta, Bậc Ứng Cúng, Chánh Đảng Giác, có đệ tử đại trí tên Xá-lợi-phất²³ là bậc đệ nhất trong chúng Thanh văn.”

Thế Tôn lặp lại bằng kệ:

*Tỳ-bà-thi Như Lai,
Có đệ tử đại trí,
Tên Khiếm-noa-để-tả.
Phật Thi-khí Thế Tôn,
Có đệ tử đại trí,
Tên Bộ-tam-bà-phược.
Tỳ-xá-phù Như Lai,
Có đệ tử đại trí,*

¹⁷. Khiếm-noa-để-tả 欠擎底寫; No.1(1): có hai đệ tử Khiêm-trà 驚茶 (hay Khiêm-dồ 驚茶) và Đề-xá 提舍 (hay Chất-sa 質沙).

¹⁸. Bộ-tam-bà-phược 部三婆縛; No.1(1): A-tỳ-phù 阿毗浮 và Tam-bà-bà 三婆婆.

¹⁹. Dã-thâu-đa-la 野輸多囉; No.1(1): Phù-du 扶遊 và Uất-đa-ma 鬱多摩.

²⁰. Tán-nhī-phược 散爾縛; No.1(1): Tát-ni 罷尼 và Tỳ-lâu 毗樓.

²¹. Tô-lỗ-noa-đa-la 鮫嚕擎多囉; No.1(1): Thư-bàn-na 舒盤那 và Uất-đa-lâu 鬱多樓.

²². Bà-la-đặc-phược-nhạ 婆羅特縛惹; No.1(1): Đề-xá 提舍 và Bà-la-bà 婆羅婆.

²³. Xá-lợi-phất 舍利弗; No.1(1), ngoài Xá-lợi-phất 舍利弗, kể thêm Mục-kiền-liên 目犍連.

Tên Dā-thâu-đa-la.
Câu-lưu-tôn Như Lai,
Có đệ tử đại trí,
Tên là Tán-nhī-phược.
Câu-na-hàm Mâu-ni,
Có đệ tử đại trí,
Tô-lô-noa-đa-la.
Phật Thế Tôn Ca-diếp,
Có đệ tử đại trí,
Bà-la-đặc-phược-nha.
Nay Ta, Ứng Chánh Giác,
Có đệ tử đại trí,
Tên là Xá-lợi-phất.
Bảy vị Phật tử ấy,
Đều đệ nhất đại trí,
Ở trong chúng Thanh văn.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Ta nói về đệ tử thị giả của bảy vị Phật Như Lai.

“Thị giả của Tỳ-bà-thi Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên A-thâu-ca²⁴.

“Thị giả của Thi-kí Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên Sát-ma-ca-rô²⁵.

“Thị giả của Phật Tỳ-xá-phù, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên Ô-ba-phiến-đổ²⁶.

“Thị giả của Phật Câu-lưu-tôn, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên Một-đề-du²⁷.

“Thị giả của Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên Tô-rô-đế-lý-dā²⁸.

²⁴. A-thâu-ca 阿輸迦; No.1(1): Vô ưu 無優.

²⁵. Sát-ma-ca-lô 殺摩迦嚕; No.1(1): Nhẫn Hành 忍行.

²⁶. Ô-ba-phiến-đổ 烏波扇睹; No.1(1): Tịch Diệt 寂滅.

²⁷. Một-đề-du 沒提踰; No.1(1): Thiện Giác 善覺.

²⁸. Tô-rô-đế-lý-dā 鮫嚕帝里野; No.1(1): An Hòa 安和.

“Thị giả của Ca-diếp Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, tên Tát-lý-phược-mật-đát-la²⁹.

“Nay Ta, Bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, có thị giả tên A-nan-dà³⁰. ”

Thế Tôn lặp lại bằng kệ:

*Phật tử A-thâu-ca,
Và Sát-ma-ca-rô;
Với Ô-ba-phiến-dổ,
Tôn giả Một-đè-du.
Tô-rô-đé-lý-dã,
Tát-phược-mật-đát-ra;
Bí-sô A-nan-dà,
Đều là thị giả Phật.
Thường hành tâm từ bi,
Thành tựu được chánh định;
Thông đạt các pháp tướng,
Đây đủ đại trí tuệ.
Đa văn lại thông minh,
Là bậc Thầy đại pháp;
Đệ nhất ở trong chúng;
Danh tiếng khắp mươi phương,
Trời người đều quy kính;
Sức tinh tấn kiên cố;
Đoạn sạch các phiền não.
Chứng quả không sinh diệt.
Thị giả Phật Thế Tôn,
Tự thân thường được lợi;
Thành tựu hơn Phật tử,
Của chư Phật là vậy.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Ta nói về chúng Thanh văn do bảy Phật Như Lai hóa độ.

²⁹. Tát-lý-phạ-mật-đát-ra 薩里縛蜜怛囉; No.1(1): Thiện Hữu 善友.

³⁰. A-nan-dà 阿難陀; No.1(1), cùng tên.

“Hội thuyết pháp thứ nhất của Tỳ-bà-thi Như Lai có sáu vạn hai ngàn Bí-sô đắc quả A-la-hán; hội thuyết pháp thứ hai có mười vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán; hội thuyết pháp thứ ba có bảy vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán.

“Hội thuyết pháp thứ nhất của Thi-kí Như Lai có mười vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán; hội thuyết pháp thứ hai có tám mươi ức Bí-sô đắc quả A-la-hán; hội thuyết pháp thứ ba có bảy vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán.

“Hội thuyết pháp thứ nhất của Tỳ-xá-phù Như Lai có tám vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán; hội thuyết pháp thứ hai có bảy vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán; hội thuyết pháp thứ ba có sáu vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán.

“Câu-lưu-tôn Như Lai thuyết pháp một hội có bốn vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán.

“Phật Câu-na-hàm Mâu-ni thuyết pháp một hội có ba vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán.

“Phật Ca-diếp thuyết pháp một hội có hai vạn Bí-sô đắc quả A-la-hán.

“Hiện nay, Ta thuyết pháp một hội có một ngàn hai trăm năm mươi Bí-sô đắc quả A-la-hán.”

Thế Tôn lập lại bằng kệ:

*Tỳ-bà-thi Như Lai,
Thi-kí, Tỳ-xá-phù,
Thế Tôn Câu-lưu-tôn,
Câu-na-hàm, Ca-diếp,
Và Thích-ca Mâu-ni.
Khi chư Phật ra đời,
Chúng Thanh văn được độ,
Số có bảy mươi ức,
Chín vạn thêm ba ngàn,
Hai trăm năm mươi người,
Đều chứng A-la-hán,
Không tái sinh đời sau.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Phật Tỳ-bà-thi, Phật Thi-kí, Phật Tỳ-xá-phù, cho đến nay Ta xuất hiện ở thế gian, trụ trì giáo hóa, nêu giảng giáo pháp, giáo hóa, dẫn dắt các hữu tình, về giới hạnh luật nghi, thọ trì y bát, cầu chứng Bồ-đề, không có pháp nào sai khác nhau cả.”

Thế Tôn nói kệ:

*Kiếp quá khứ đến nay,
Tỳ-bà-thi các Phật;
Chúng Bí-sô được độ,
Thành tựu đại trí tuệ.
Đốc tu nơi Chánh đạo,
Các phần pháp Bồ-đề;
Năm căn và Năm lực,
Bốn niệm, Bốn thần túc.
Bảy giác, Tám thánh đạo,
Cùng với Tam-ma-dịa;
Các căn được tịch tĩnh,
Thông đạt nơi pháp tang.
Khai ngộ các quần sinh,
Tuệ mạng được tăng trưởng;
Trong hiền kiếp như vậy,
Thật là chưa từng có.
Phật dùng trí đại bi,
Tự giác và giác tha;
Đại thần thông uy đức,
Được nêu bày như vậy.*

Thế Tôn nói kệ xong, cùng các Bí-sô rời chỗ ngồi, trở về vườn Cấp cô độc.

Qua đêm ấy, đến sáng sớm hôm sau, các chúng Bí-sô rời thất của mình, đi đến đạo tràng Ca-lý-lê. Họ hỏi nhau về việc các Đức Như Lai trong thời gian quá khứ nhập Đại Niết-bàn, xa lìa hý luận, đoạn trừ hỗn luân hồi, không còn lối lầm. Bậc Đại Trượng Phu như vậy, có đại trí tuệ như vậy, trì giới như vậy, thiền định như vậy, giải thoát như vậy, uy đức như vậy, chủng tộc như vậy, giáng thế lợi sinh, thật ít có, không thể nghĩ bàn.

Thế Tôn biết ý nghĩ của các Bí-sô, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến đạo tràng Ca-lý-lê, ngồi kiết già, hỏi chúng Bí-sô:

“Các Thầy bàn luận về việc gì?”

Các Bí-sô bạch:

“Chúng con nghe nói Đức Như Lai trong quá khứ nhập Đại Niết-bàn, xa lìa các hý luận, cắt đứt luân hồi, không còn lối lầm. Bậc Đại Trưởng Phu như vậy, có trí tuệ như vậy, trì giới như vậy, thiền định như vậy, giải thoát như vậy, uy đức như vậy, chủng tộc như vậy, giáng thế lợi sinh, rất là ít có, không thể nghĩ bàn.”

Phật hỏi:

“Này các Bí-sô! Tại sao các Thầy nói những điều như thế?”

Bí-sô bạch Phật:

“Phật có pháp giới thanh tịnh, chứng Chân giác trí, hiểu biết tất cả, nương mong giảng giải.”

Phật dạy:

“Này các Bí-sô! Các Thầy lắng nghe, Ta sẽ nói về việc ấy.

“Vào thời quá khứ, có quốc vương lớn hiệu Mān-đô-ma; vương phi của vua tên Mān-đô-ma-đế. Khi ấy, Phật Tỳ-bà-thi từ cung trời Đâu-suất giáng sinh xuống cõi Diêm-phù, nhập vào bụng mẹ, an trú trong thai, phóng ra ánh sáng chiếu khắp các cõi trong thế gian, không còn chỗ tối tăm, đến cả các cảnh giới ác, địa ngục, nơi ánh sáng mặt trời mặt trăng không thể chiếu tới. Ánh sáng của Phật đến đâu, nơi ấy bỗng sáng rực lên. Hữu tình ở những nơi ấy được trông thấy nhau, liền lên tiếng: Tại sao ở đây lại có chúng sanh khác?”

Thế Tôn nói kệ:

*Bồ-tát từ Đâu-suất,
Khi xuống cõi Diêm-phù;
Như mây bay gió thoổi,
Nhanh chóng vào thai mẹ.
Thân phóng ánh sáng lớn,
Chiếu rực cõi trời người;
Địa ngục núi Thiết vi,
Đều không còn tối tăm.*

*Tất cả chúng Đại tiên,
Các cảnh giới cõi Phật;
Đều tập hợp nhau lại,
Hộ vệ thân mẹ ngài.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các thầy lắng nghe. Khi Đại Bồ-tát ấy từ trời Đâu-suất giáng sinh xuống Diêm-phù, vào thai mẹ, Dạ-xoa Bộ-ma lớn tiếng tuyên bố: Vị Đại Bồ-tát có uy đức lớn, Bậc Đại Trượng Phu này, bồ thân Trời, thân A-tu-la, ở trong thai mẹ để thọ thân người. Lần lượt trời Tử thiêng vương, trời Dao-lợi, trời Dạ-ma cho đến các cõi trời Phạm phụ v.v... nghe lời này, đồng xướng lên: Bồ-tát giáng thần ở trong thai mẹ, tất cả phải vân tập đến.”

Thế Tôn nói kệ:

*Bồ-tát từ Đâu-suất;
Khi giáng thần thai mẹ;
Đại Dạ-xoa Bộ-ma;
Tuyên bố: đức Bồ-tát.
Từ bồ thân cõi trời;
Và thân A-tu-la;
An trú trong thai mẹ,
Để thọ bão thân người.
Tử thiêng, Dao-lợi thiêng,
Dạ-ma và Đâu-suất;
Cho đến cõi Phạm thiêng,
Đều nghe rõ việc này.
Bồ-tát xuống nhân gian,
Thân sắc vàng vi diệu;
Chư Thiên đều tập họp,
Tâm ý rất vui mừng.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe: Khi Đại Bồ-tát ấy từ trời Đâu-suất giáng sinh xuống Diêm-phù, có bốn Đại thiên tử đầy đủ uy đức, thân mặc áo giáp, tay cầm cung đao, hộ vệ Bồ-tát, loài người và phi nhân đều không thể gây tổn hại.”

Thế Tôn lặp lại kệ:

*Khi Bồ-tát giáng sinh,
Đế Thích, trời Dao-lợi;
Sai Tứ đại thiên vương,
Đều đủ đại uy lực.
Thân mang áo giáp vàng,
 Tay cầm cung đao thương,
 Luôn luôn hộ vệ Ngài;
Loài La-sát, phi nhân.
Không dám gây náo hại,
Ngài an trú thai mẹ;
Như ở cung điện lớn,
Thường thọ các diệu lạc.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy từ cõi trời Đâu-suất giáng sinh xuống cõi Diêm-phù, ở trong thai mẹ; thân Ngài thanh tịnh tỏa ánh sáng rực rỡ như ngọc Ma-ni; tâm ý mẹ ngài an vui không có phiền não.”

Thế Tôn nói kệ:

*Bồ-tát ở trong thai,
Thanh tịnh không vết nhiễm;
Trong sáng như lưu-ly,
Quý báu như Ma-ni.
Ánh sáng chiếu thế gian,
Như mặt trời không mây;
Thành tựu đệ nhất nghĩa,
Xuất sinh trí tối thượng.
Khiến mẹ không ưu não,
Thường làm các việc thiện;
Hữu tình đều quy ngưỡng,
Ngự ngôi Sát-dê-ly.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy từ trời Đâu-suất

giáng sinh xuống cõi Diêm-phù, ở trong thai mẹ; chưa từng nghe người mẹ có dục nhiễm và tham đắm năm trân, sắc v.v...”

Thế Tôn nói kệ:

*Bồ-tát ở trong thai,
Khiến tâm mẹ thanh tịnh;
Không nghe tên nhiễm ô,
Xa lìa tội năm dục.
Đoạn trừ gốc tham ái,
Không có các khổ não;
Thân tâm thường an ổn,
Luôn luôn được an lạc.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy từ trời Đâu-suất giáng sinh xuống cõi Diêm-phù ở trong thai mẹ; người mẹ tự thọ trì năm giới cận sự. Một, không sát sanh. Hai, không trộm cắp. Ba, không dâm dục. Bốn, không nói dối. Năm, không uống rượu. Mẹ Bồ-tát sinh Ngài nơi hông bên phải. Sau đó mệnh chung, sinh lên cõi trời.”

Thế Tôn nói kệ:

*Bồ-tát ở trong thai,
Mẹ ngài giữ năm giới;
Hông phải sinh đồng tử,
Khi sinh không khổ não.
Cũng như trời Đế Thích,
Thọ năm dục vi diệu;
Sau đó, khi mạng chung,
Liền sanh lên cõi trời.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông phải mẹ, quả đất chấn động. Thân Ngài màu sắc như vàng ròng không có uế nhiễm, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả cảnh giới trong thế gian. Những cảnh giới ác, nơi tối tăm như địa ngục bỗng nhiên sáng rực. Những chúng sanh nơi đó cũng trông thấy nhau. Tất cả đều như ngõ ngàng nói: Tại sao nơi đây lại có chúng sanh khác?”

Thế Tôn nói kệ:

*Khi Bồ-tát giáng sinh,
Cả quả đất chuyển động;
Thân thể như vàng ròng,
Không nhiễm những trần cấu.
Đại thân thông, uy đức,
Chiếu sáng khắp nơi nơi;
Chúng sanh nơi tối tăm,
Đều được nhìn thấy nhau.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải, mè ngài không mệt nhọc, không ngồi không nằm. Bồ-tát với đại uy đức của Bậc Đại Trượng Phu, tâm không mờ tối, chân không đạp đất, có bốn Đại Thiên vương đỡ thân Đồng tử.”

Thế Tôn nói kệ:

*Khi Bồ-tát giáng sinh,
Tâm mè không tán loạn;
Không ngồi cũng không nằm,
Tự tại và vui thích.
Uy đức Đại Trượng Phu,
Tâm lìa các ám muội;
Tứ thiên bồng chân Ngài,
Chân Ngài không dung đất.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải, thân thể Ngài thanh tịnh như ngọc lưu ly quý báu không bị dính những vật bất tịnh như máu, mủ, nước dãi. Cũng như ngọc Ma-ni, như y phục của trời Kiều-thi-ca, tất cả bụi bặm không thể dính vào.”

Thế Tôn nói kệ:

*Khi Bồ-tát giáng sinh,
Thân thể Ngài thanh tịnh;
Xa lìa những bất tịnh,
Như máu mủ nước dãi.*

*Như y phục vua trời,
Như ngọc quý Ma-ni;
Tâm sạch thân sáng rực,
Bụi bẩn không dính được.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải, có hai vị Thiên tử từ trên hư không, tuôn hai vòi nước một mát, một ấm để tắm rửa Đồng tử.”

Thế Tôn nói kệ:

*Khi Bồ-tát giáng sinh,
Hai vị trời trên không;
Tắm rửa thân Đồng tử,
Bằng hai vòi nước sạch.
Ấm, mát cho thích nghi,
Biểu thị tròn phước tuệ;
Thành tựu đại vô úy,
Xem khắp cả chúng sanh.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải; Ngài đủ ba mươi hai tướng, hình dáng đoan nghiêm, mắt thanh tịnh thấy xa mười do-tuần.”

Thế Tôn nói kệ:

*Khi Bồ-tát giáng sinh,
Các tướng đều đầy đủ;
Mắt trong lại đoan nghiêm,
Thấy xa mươi do-tuần.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải, nhìn đến cõi trời Dao-lợi. Thiên Đế Thích cũng thấy Đồng tử này chính là thân Phật, liền cầm lọng trắng che thân Đồng tử. Lạnh nóng gió bụi, tất cả các vật xấu không xâm phạm được.”

Thế Tôn nói kệ:

*Khi Bồ-tát mới sinh,
Nhìn xa hơn Dao-lợi;*

*Như y phục vua trời,
Như ngọc quý Ma-ni;
Tâm sạch thân sáng rực,
Bụi bãm không dính được.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải, có hai vị Thiên tử từ trên hư không, tuôn hai vòi nước một mát, một ấm để tắm rửa Đồng tử.”

Thế Tôn nói kệ:

*Khi Bồ-tát giáng sinh,
Hai vị trời trên không;
Tắm rửa thân Đồng tử,
Bằng hai vòi nước sạch.
Ấm, mát cho thích nghi,
Biểu thị tròn phước tuệ;
Thành tựu đại vô úy,
Xem khắp cả chúng sanh.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải; Ngài đủ ba mươi hai tướng, hình dáng đoan nghiêm, mắt thanh tịnh thấy xa mười do-tuần.”

Thế Tôn nói kệ:

*Khi Bồ-tát giáng sinh,
Các tướng đều đầy đủ;
Mắt trong lại đoan nghiêm,
Thấy xa mười do-tuần.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải, nhìn đến cõi trời Dao-lợi. Thiên Đế Thích cũng thấy Đồng tử này chính là thân Phật, liền cầm lọng trắng che thân Đồng tử. Lạnh nóng gió bụi, tất cả các vật xấu không xâm phạm được.”

Thế Tôn nói kệ:

*Khi Bồ-tát mới sinh,
Nhìn xa hơn Dao-lợi;*

*Đế Thích cũng thấy Ngài,
Vội cầm lọng trăng lớn.
Đến che thân cho Ngài,
Lạnh nóng gió bụi nắng;
Và các thứ độc hại,
Không thể xâm phạm được.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải, mẫu hậu, nhũ mẫu và dương mẫu cùng các cung nhân vây quanh để giữ gìn, che chở, tắm rửa, xoa chất thơm, hầu hạ Ngài chu toàn.”

Thế Tôn nói kệ:

*Khi Đồng tử mới sinh,
Ba người mẹ nuôi dưỡng;
Cùng với các cung nhân,
Thường vây quanh bên Ngài.
Tắm rửa xoa hương thơm,
Khiến Ngài luôn an ổn;
Hầu cận suốt ngày đêm,
Không lúc nào rời khỏi.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải, hình dáng Ngài doan nghiêm đủ ba mươi hai tướng. Vua Mân-độ-ma liền triệu vị thầy xem tướng đến xem tướng cho Đồng tử. Vì Bà-la-môn ấy tâu: Nếu Ngài sống tại gia thì thọ pháp Quán đǐnh, giữ ngôi vị Chuyển luân vương, làm chủ cả thiên hạ, đủ ngàn người con uy đức không sợ hãi. Hàng phục các quân đội khác mà không cần đến binh đao cung kiếm. Nếu Ngài xuất gia tu hành chắc chắn thành Bậc Chánh Đẳng Giác.”

Thế Tôn nói kệ:

*Tướng sư Bà-la-môn,
Xem tướng đồng tử này;
Tâu với vua cha rằng,
Bậc đủ ba hai tướng.
Như trăng giữa muôn sao,*

*Ít có trong thế gian;
Nếu Ngài ở cung điện,
Tất làm vua Chuyển luân.
Thống lĩnh cả bốn châu,
Sinh một ngàn thái tử;
Nếu xuất gia tu hành,
Liền chứng Vô thượng giác.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy sinh ra nơi hông bên phải, thân Ngài màu vàng ròng, tướng mạo đoan nghiêm, như hoa sen mọc trong nước không dính bụi trần. Tất cả mọi loài chiêm ngưỡng Ngài không chán. Âm thanh Ngài nói ra dịu dàng nhỏ nhẹ thanh nhã lưu loát, như chim Ca-vī-la ở Tuyết sơn. Chim này rất thích ăn hoa, hót lên giọng thanh nhã dịu dàng. Chúng sanh nghe tiếng hót đều ưa thích. Âm thanh ngôn ngữ của đồng tử cũng vậy.”

Thế Tôn nói kệ:

*Đồng tử lúc mới sinh,
Thân thể màu vàng ròng;
Cũng như hoa sen hồng,
Bụi trần không dính được.
Tiếng nói Ngài thanh nhã,
Như tiếng chim Ca-vī;
Mọi người khi được nghe,
Ưa thích không biết chán.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo chúng Bí-sô:

“Các Thầy lắng nghe! Khi Đại Bồ-tát ấy còn là đồng tử đã xa lìa gian tà dối trá, tâm ý thuần chính, tự giác giác tha thường hành chánh pháp. Mọi người đều tôn trọng phục vụ như Thiên Đế Thích tôn kính cha mẹ. Do đó, ngài tên là Tỳ-bà-thi.”

Thế Tôn nói kệ:

*Tỳ-bà-thi Như Lai,
Khi còn là Đồng tử;
Thông minh đại trí tuệ,
Xa lìa sự dối trá.*

*Tự giác và giác tha,
Tu tập theo Chánh pháp;
Mọi người thường ái kính,
Như vị trời Đế Thích.
Kính phụng dưỡng cha mẹ,
Danh tiếng khắp thế gian;
Nên hiệu Tỳ-bà-thi,
Lợi ích cho chúng sanh.*



SỐ 3

KINH PHẬT TỲ-BÀ-THI¹

Hán dịch: Tống Pháp Thiên

QUYẾN THƯỢNG²

Lúc bấy giờ, Phật bảo các Bí-sô:

Thời quá khứ có đại quốc vương tên Mân-đô-ma. Vua có một Thái tử tên Tỳ-bà-thi. Sống lâu ngày trong thâm cung, Thái tử muốn đi dạo xem công viên³, nên bảo Du-nga⁴, người đánh xe:

“Hãy bố trí xe ngựa đằng hoàng để ta đi du ngoạn.”

Du-nga vâng lệnh đến chuồng ngựa, xếp đặt xe ngựa đem tới trước Thái tử. Thái tử lên xe, ra ngoài, thấy một người bệnh, bèn hỏi:

“Tại sao người này hình dáng tiêu tụy, sức lực bạc nhược như vậy?”

Du-nga đáp:

“Đây là người bệnh.”

Thái tử hỏi:

“Bệnh là gì?”

¹. Bản hán, *Tỳ-bà-thi Phật kinh*, Tống Pháp Thiên dịch (Đại 1, №.3, tr.154b-159a).

Tham chiếu: *Phật Thuyết Trưởng A-hàm kinh*, Hậu Tần Hoằng thi Phật-dà-da-xá cộng Trúc Phật Niệm dịch, 'Đệ nhất phần sơ Đại Bản kinh Đệ nhất', (Đại I, №.1(1), tr.1b-10c).

². Hán, quyển thượng, tiếp theo №.2, nói về Đức Phật Tỳ-bà-thi từ khi dạo bốn cửa thành cho đến khi thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

³. Hán: Viên lâm 園林; №.1(1): Viên quán.

⁴. Du-nga 瑞哦; №.1(1) không nói tên người đánh xe.

Du-nga trả lời:

“Bốn đại giả hợp, hư huyễn không thật, chống trái nghịch nhau, liền sinh khổ nǎo, đó gọi là bệnh.”

Thái tử hỏi:

“Ta có thoát khỏi bệnh không?”

Du-nga đáp:

“Thân thể huyễn hóa của Ngài cũng là tứ đại không khác. Nếu không tự bảo hòa cũng không thoát bệnh.”

Thái tử nghe nói, lòng cảm thấy không vui, liền bảo quay xe trở về hoàng cung, ngồi trầm tư về cái khổ của bệnh là thật, không hư dối, tâm không an ổn.”

Thế Tôn nói kệ:

*Thái tử Tỳ-bà-thi,
Đạo xem quanh vườn rừng;
Bỗng thấy người bệnh hoạn,
Hình sắc rất tiêu tuy.
Liền hỏi người đánh xe.
Biết mình không thoát bệnh,
Ngồi yên tự trầm tư:
Khổ bệnh, là thật có.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Vua Mān-đô-ma hỏi Du-nga:

“Thái tử đi ra ngoài trở về, tại sao không vui?”

“Du-nga đáp:

“Thái tử ra ngoài đạo xem phong cảnh, thấy một người bệnh hình sắc tiêu tuy. Thái tử không biết, hỏi ‘Người ấy là người gì?’ Du-nga trả lời: ‘Đó là người bệnh.’ Thái tử hỏi: ‘Ta có thoát khỏi bệnh không?’ Du-nga đáp: ‘Thân thể của Ngài cũng đồng bốn đại huyễn hóa không khác; nếu không tự bảo hòa cũng không thoát khỏi bệnh.’ Thái tử liền bảo quay xe trở về cung; suy nghĩ về sự khổ của bệnh nên không vui.”

Vua Mān Đô Ma nghe việc này, nhớ lại lời của thầy tướng ngày trước: ‘Nếu tại gia thì thọ phép Quán đảnh⁵ nối ngôi vua Chuyển luân.

⁵. Quán đảnh 灌頂, nghi thức rưới nước lên đỉnh đầu để làm lễ tức vị cho vua hay lập thái tử theo pháp cổ xưa của Ấn Độ.

Nếu xuất gia thì dốc chí tu hành thì chứng đắc quả Phật.' Nghĩ vậy, nên trong cung cho bày các loại ngũ dục tuyệt vời để mua vui Thái tử, làm Ngài say đắm, bỏ chí xuất gia.

Thế Tôn nói kệ:

*Phụ vương Mân-đô-ma
Biết con đạo chơi về,
Thân tâm không được vui.
Sợ Thái tử xuất gia;
Dùng thú vui tuyệt diệu,
Sắc, thanh, hương, vị, xúc;
Làm thỏa lòng Thái tử,
Để sau kế nghiệp vua.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Sau đó, Thái tử Tỳ-bà-thi bảo Du-nga:

“Hãy bố trí xe ngựa đàng hoàng để ta đi du ngoạn.”

Du-nga vâng lệnh, đến chuồng ngựa, xếp đặt xe ngựa đem tới trước Thái tử. Ra khỏi thành, Thái tử thấy một người già, tóc râu đều bạc, thân tâm suy nhược, run rẩy, hơi thở phèu phào, chống gậy đi về phía trước. Thái tử hỏi:

“Đây là người gì?”

Du-nga đáp:

“Đây là người già.”

Thái tử hỏi:

“Sao gọi là người già?”

Du-nga đáp:

“Thân ngũ uẩn huyền hóa, bốn tướng biến đổi, bắt đầu từ đứa bé, không bao lâu trưởng thành rồi già lão, mắt mờ, tai điếc, thân tâm suy tàn, gọi là già.”

Thái tử hỏi:

“Ta có thoát khỏi già không?”

Du-nga thưa:

“Sang hèn tuy khác nhưng thân hư giả này không khác; ngày qua tháng lại cũng phải già suy.”

Thái tử nghe nói không vui, trở về cung, ngồi yên trầm tư về sự

đau khổ của già, không thể nào thoát được.

Thế Tôn nói kệ:

*Thái tử Tỳ-bà-thi,
Bỗng thấy một người già;
Tóc râu đều bạc phơ,
Sức suy tàn, chõng gãy.
Ngài nhập định tư duy:
Tất cả pháp hữu vi;
Thay đổi từng sát na,
Không ai thoát khỏi già.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

“Vua Mân-đô-ma thấy Thái tử không vui, hỏi Du-nga:

“Tại sao tâm tình con ta không vui?

Du-nga đáp:

“Thái tử ra ngoài thấy một người già. Ngài hỏi: ‘Đây là người gì?’ Du-nga đáp: ‘Đây là người già.’ Thái tử lại hỏi: ‘Già là gì?’ Du-nga đáp: ‘Thân năm uẩn huyễn hóa, bốn tướng biến đổi, bắt đầu từ đứa bé, không bao lâu trưởng thành rồi già lão, mắt mờ, tai điếc, thân tâm suy tàn, gọi đó là già.’ Thái tử hỏi: ‘Ta có thoát khỏi già không?’ Du-nga thưa: ‘Sang hèn tuy khác nhưng thân giả hợp này không khác. Ngày qua tháng lại, cũng phải già suy.’ Thái tử nghe nói không vui, trở về, ngồi yên lặng trầm tư, thật không sao thoát khỏi già. Do đó Ngài không vui.”

Vua cha nghe việc này, nhớ đến lời của thầy tướng ngày trước: ‘Nếu tại gia làm vua Chuyển luân. Nếu xuất gia chắc chắn chứng quả Phật.’ Vua Mân-đô-ma nghĩ vậy, nên dùng năm dục tuyệt vời mua vui Thái tử làm Ngài ưa thích bỏ chí xuất gia.

Thế Tôn nói kệ:

*Phụ vương Mân-đô-ma,
Thấy con lòng không vui;
Nhớ lời thầy tướng nói,
Sợ Thái tử xuất gia.
Liên dùng vui năm dục,
Thỏa lòng cho Thái tử;*

*Như vua trời Đế Thích,
Vui trong vườn hoan hỷ.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Sau đó, Thái tử Tỳ-bà-thi bảo Du-nga:

“Hãy bố trí xe ngựa đàng hoàng, ta muốn đi du ngoạn.”

Du-nga đến chuồng ngựa, xếp đặt xe cộ đem tới trước Thái tử.

Thái tử đi ra ngoài, thấy có nhiều người vây quanh một chiếc xe tang, khóc lóc thảm thiết. Thái tử hỏi:

“Đây là người gì?”

Du-nga đáp:

“Đây là người chết.”

Thái tử hỏi:

“Người chết là gì?”

Du-nga đáp:

“Con người sống trong thế giới trôi nổi này, tuổi thọ có dài ngắn. Ngày nào đó, hơi thở dứt thì thần thức lìa khỏi xác, vĩnh biệt thân quyến ra ở luôn nơi gò hoang, thân thuộc buồn khóc, đây là chết.”

Thái tử hỏi:

“Ta có thoát khỏi chết không?”

Du-nga đáp:

“Ba cõi không an, làm sao thoát khỏi sinh tử? Cho nên, không ai thoát khỏi chết cả.”

Thái tử nghe nói, thân tâm buồn rầu, bảo quay xe trở về cung, ngồi yên lặng suy nghĩ về pháp vô thường, chẳng thể ưa thích, làm sao ta thoát được khổ này.

Thế Tôn nói kệ:

*Thái tử Tỳ-bà-thi,
Thấy người chết nên hỏi.
Người đánh xe trả lời,
Không ai thoát chết được.
Ngồi yên tự suy nghĩ,
Thật đúng không nghi ngờ;
Ta phải làm thế nào,
Để thoát khỏi vô thường.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Vua Mân-đô-ma hỏi Du-nga:

“Tại sao Thái tử không vui?”

Du-nga đáp:

“Thái tử đi ra khỏi thành thấy một người chết, hỏi: ‘Đó là người gì?’ Du Nga đáp: ‘Đó là thây chết.’ Thái tử hỏi: ‘Chết là gì?’ Du-nga đáp: ‘Con người sống trong thế giới trôi nổi này, tuổi thọ có dài ngắn. Ngày nào đó, đứt hơi thở, thần thức lìa khỏi xác, vĩnh biệt thân quyến ra ở luôn nơi gò hoang, thân quyến buồn khóc, đó gọi là chết.’ Thái tử hỏi: ‘Ta có thoát khỏi chết không?’ Du-nga đáp: ‘Ba cõi không yên, làm sao thoát được sinh tử? Cho nên không ai thoát khỏi chết cả.’ Thái tử nghe nói, bảo quay xe trở về cung, yên lặng trầm tư, thật không thể thoát chết, do đó không vui.”

Nhà vua nghe lời này nhớ đến lời thầy tướng ngày trước: ‘Nếu tại gia làm Luân vương, nếu xuất gia chứng quả Phật.’ Nhà vua đem năm loại dục để mua vui cho Thái tử, khiến người say đắm, bỏ chí xuất gia.

Thế Tôn nói kệ:

*Quốc vương Mân-đô-ma,
Biết Thái tử Tỳ-thi,
Nhìn thấy người qua đời,
Than thở lòng không vui.
Vua dùng cảnh vui thú,
Sắc, thanh, hương, vị, xúc;
Làm Thái tử ưa thích,
Bỏ chí nguyện xuất gia.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Sau đó, Thái tử Tỳ-bà-thi bảo Du-nga:

“Hãy bố trí xe ngựa đàng hoàng, ta muốn đi du ngoạn.”

Du-nga nghe xong, liền đến chuồng ngựa, xếp đặt xe cộ đem tới cho Thái tử. Thái tử lên xe ra ngoài, thấy một Bí-sô⁶, cạo bald râu tóc, mặc ca sa. Thái tử hỏi:

⁶. Bí-sô 菩 薩, cũng gọi là Tỷ-khưu; No.1(1): gấp một Sa-môn 沙門.

“Đây là người gì?”

Du-nga đáp:

“Đây là người xuất gia.”

Thái tử hỏi:

“Người xuất gia là gì?”

Du-nga đáp:

“Người giác ngộ lão bệnh tử, vào cửa giải thoát, thực hành nhẫn nhục từ bi, cầu an lạc Niết-bàn, vĩnh viễn cắt đứt sự ân ái của thân quyến, chí nguyện làm Sa-môn; gọi là người xuất gia.”

Thái tử nghe xong vui mừng đến trước vị Bí-sô, tán thán:

“Lành thay! Lành thay! Thực hành các pháp thiện từ bi, nhẫn nhục, bình đẳng thì có thể dứt bỏ phiền não hướng đến an lạc. Ta cũng mong muốn làm như vậy. Thái tử nói xong trở về cung, phát lòng tin, hành pháp xuất gia, tác thành tướng mạo Sa-môn.”

Thế Tôn nói kệ:

*Thái tử ra khỏi thành,
Đạo xem các phong cảnh.
Chợt thấy người già bệnh,
Hiện tượng vô thường kia.
Tâm tư suy nghĩ mãi,
Đau khổ vấn vương lòng.
Lại thấy người xuất gia,
Cạo bỏ sạch râu tóc;
Mặc ca sa hoai sắc,
Đièm đạm dáng trang nghiêm;
Hành từ bi bình đẳng,
Nhẫn nhục các pháp thiện.
Nên Ngài xin xuất gia,
Từ bỏ năm dục lạc,
Cha mẹ cùng quyến thuộc,
Quốc thành cùng vật quý.
Mang hình tướng Sa-môn,
Nhẫn nhục, tự điều phục;
Trừ hẳn tâm tham ái,
Siêng năng cầu giải thoát.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Tại thành Mān-đô-ma có tám vạn người thấy Tỳ-bà-thi từ bỏ ngôi của phụ vương, xuất gia cạo tóc mang hình tướng Sa-môn, nên họ suy nghĩ:

“Thái tử thuộc dòng họ cao thượng lại từ bỏ năm dục để tu phạm hạnh. Chúng ta nên xuất gia theo. Họ nghĩ như thế rồi, liền xuất gia làm Sa-môn.”

Thế Tôn nói kệ:

*Người đại trí tối thượng,
Số này có tám vạn;
Tùy thuận Tỳ-bà-thi,
Xuất gia tu phạm hạnh.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí sô:

Sau khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi đã xuất gia rồi, cùng với tám vạn người kia, rời khỏi thành phố của mình, du hành các nơi, đến một làng nọ kết hạ an cư. Sau khi mãn hạ, Ngài suy nghĩ: ‘Tại sao Ta lại như người say mê du hành các nơi vậy?’ Nghĩ như vậy tâm Ngài thanh tịnh đi đến chỗ ở cũ. Nửa đêm, Ngài lại suy nghĩ: ‘Tại sao ta sử dụng sự phú quý của thế gian? Chúng sanh do tham ái nên luân hồi sanh tử, bị khổ ràng buộc liên tục không chấm dứt.’ Ngài lại suy nghĩ: ‘Nguyên nhân của khổ là già chết. Già chết do nhân duyên gì phát sinh?’ Ngài nhập chánh định⁷ quán sát kỹ về pháp này, thấy có già chết là do có sự sinh. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của sinh do nhân duyên gì phát sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, thấy từ hữu mà có. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của hữu do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do thủ sinh ra hữu. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của thủ do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do ái sinh ra thủ. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của ái do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do thọ sinh ra ái. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của thọ do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do xúc sinh ra thọ. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của xúc do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp

⁷. Hán: Tam-ma-địa, 三摩地: chánh định, định ý, là xa lìa hôn trầm trạo cử, chuyên tâm trú vào một cảnh (đối tượng quán sát).

này, do lục nhập sinh xúc. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của lục nhập do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do danh sắc sinh lục nhập. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của danh sắc do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do thức sanh danh sắc. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của thức do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do hành sinh ra thức. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của hành do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát pháp này, do vô minh sanh hành. Như vậy, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử ưu bi khổ nã. Như vậy là sự tập hợp thành một khối khổ lớn⁸.

Bấy giờ Bồ-tát Tỳ-bà-thi lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ lão tử? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này: sinh bị diệt thì lão tử diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về sinh? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do hữu diệt thì sinh diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về hữu? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do thủ diệt thì hữu diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về thủ? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do ái diệt thì thủ diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về ái? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do thọ diệt thì ái diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về thọ này? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do xúc diệt thời thọ diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về xúc này? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do lục nhập diệt thì xúc diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về lục nhập? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do danh sắc diệt thì lục nhập diệt. Ngài suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về danh sắc? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do thức diệt thời danh sắc diệt. Ngài suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về thức? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do hành diệt thì thức diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về hành?

^{8.} Hán: Tập thành nhất đại khổ uẩn, 集成一大苦蘊; No.1(1): Khổ thanh ấm, 苦盛蔭; chỗ khác: thuần đại khổ tụ 純大苦聚; hay ngũ ấm xí thanh khổ 五陰熾盛苦.

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Tại thành Mân-đô-ma có tám vạn người thấy Tỳ-bà-thi từ bỏ ngôi của phụ vương, xuất gia cao tóc mang hình tướng Sa-môn, nên họ suy nghĩ:

“Thái tử thuộc dòng họ cao thượng lại từ bỏ năm dục để tu phạm hạnh. Chúng ta nên xuất gia theo. Họ nghĩ như thế rồi, liền xuất gia làm Sa-môn.”

Thế Tôn nói kệ:

*Người đại trí tối thượng,
Số này có tám vạn;
Tùy thuận Tỳ-bà-thi,
Xuất gia tu phạm hạnh.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí sô:

Sau khi Bồ-tát Tỳ-bà-thi đã xuất gia rồi, cùng với tám vạn người kia, rời khỏi thành phố của mình, du hành các nơi, đến một làng nọ kết hạ an cư. Sau khi mãn hạ, Ngài suy nghĩ: ‘Tại sao Ta lại như người say mê du hành các nơi vậy?’ Nghĩ như vậy tâm Ngài thanh tịnh đi đến chỗ ở cũ. Nửa đêm, Ngài lại suy nghĩ: ‘Tại sao ta sử dụng sự phú quý của thế gian? Chúng sanh do tham ái nên luân hồi sanh tử, bị khổ ràng buộc liên tục không chấm dứt.’ Ngài lại suy nghĩ: ‘Nguyên nhân của khổ là già chết. Già chết do nhân duyên gì phát sinh?’ Ngài nhập chánh định⁷ quán sát kỹ về pháp này, thấy có già chết là do có sự sinh. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của sinh do nhân duyên gì phát sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, thấy từ hữu mà có. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của hữu do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do thủ sinh ra hữu. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của thủ do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do ái sinh ra thủ. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của ái do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do thọ sinh ra ái. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của thọ do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do xúc sinh ra thọ. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của xúc do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp

⁷. Hán: Tam-ma-địa, 三摩地: chánh định, định ý, là xa lìa hôn trầm trạo cử, chuyên tâm trú vào một cảnh (đối tượng quán sát).

này, do lục nhập sinh xúc. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của lục nhập do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do danh sắc sinh lục nhập. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của danh sắc do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do thức sanh danh sắc. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của thức do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát kỹ về pháp này, do hành sinh ra thức. Ngài lại suy nghĩ: Khổ của hành do nhân duyên gì sinh? Ngài nhập chánh định quán sát pháp này, do vô minh sanh hành. Như vậy, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử ưu bi khổ nã. Như vậy là sự tập hợp thành một khối khổ lớn⁸.

Bấy giờ Bồ-tát Tỳ-bà-thi lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ lão tử? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này: sinh bị diệt thì lão tử diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về sinh? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do hữu diệt thì sinh diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về hữu? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do thủ diệt thì hữu diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về thủ? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do ái diệt thì thủ diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về ái? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do thọ diệt thì ái diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về thọ này? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do xúc diệt thì thọ diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về xúc này? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do lục nhập diệt thì xúc diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về lục nhập? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do danh sắc diệt thì lục nhập diệt. Ngài suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về danh sắc? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do thức diệt thì danh sắc diệt. Ngài suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về thức? Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do hành diệt thì thức diệt. Ngài lại suy nghĩ: Làm sao diệt trừ nhân của khổ về hành?

⁸. Hán: Tập thành nhất đại khổ uẩn, 集成一大苦蘊; No.1(1): Khổ thanh ấm, 苦盛蔭; khổ khác: thuần đại khổ tụ 純大苦聚; hay ngũ ấm xí thanh khổ 五陰熾盛苦.

Ngài nhập chánh định quán sát về pháp này, do vô minh diệt thì hành diệt. Như vậy, vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão tử ưu bi khổ nã̄o diệt."

Như vậy, một khối khổ lớn, tự nó không sanh nữa.

Thế Tôn nói kệ:

*Bồ-tát Tỳ-bà-thi,
Trầm tư khổ già chết,
Dùng trí tìm nhân khổ,
Duyên gì sanh pháp gì?
Nhập định quán sát kỹ,
Biết rõ khổ do sinh;
Cho đến nhân của hành,
Biết từ vô minh khởi.
Lại quán diệt từ đâu,
Vô minh diệt hành diệt;
Cho đến hết lão tử,
Thì khổ uẩn không còn.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Khi ấy, Bồ-tát Tỳ-bà-thi lại quán về sắc, thọ, tưởng, hành, thức sanh diệt không ngừng, như huyễn như hóa không chân thật. Khi ngài quán như vậy, trí quán hiện tiền, tất cả nghiệp tập phiền não không còn sinh khởi, đắc đại giải thoát, thành Chánh đẳng giác. Thế Tôn nói kệ:

*Bồ-tát Tỳ-bà-thi,
Lại quán các pháp uẩn;
Nhập vào Tam-ma-địa⁹,
Khi trí quán hiện tiền.
Tập khí khổ hoặc nghiệp,
Tất cả đều không sanh;
Như lụa bị gió cuốn,
Không sát na nào ngừng.*

⁹. Tam-ma-địa, 三摩地: chánh định, xem cht.14.

*Thành tựu Phật Bồ-đề,
Quả Niết-bàn an lạc;
Như trăng tròn sáng chiếu,
Rạng rỡ khắp mươi phương.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

“Bồ-tát Tỳ-bà-thi khi chưa giác ngộ, thứ nhất nghi ngờ về sự mê loạn của tự thân. Thứ hai nghi ngờ về các phiền não tham sân cớ phát triển mãi. Ngài quán sát về các pháp duyên sanh như vậy, đắc đại giải thoát.”

Thế Tôn nói kệ:

*Thân Phật Như Lai kia,
Ngài chứng pháp khó chứng;
Quán sát pháp duyên sinh,
Đoạn trừ tham, sân, si.
Tận cùng đến bờ giác,
Thành tựu đại giải thoát;
Như mặt trời trên núi,
Chiếu sáng khắp nơi nơi¹⁰.*



¹⁰. No.3, đoạn này là phần kết của quyển thượng; No.1(1), thì không có đoạn này.

KINH PHẬT TỲ-BÀ-THI

QUYẾN HẠ¹¹

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Sau khi thành đạo, Phật Tỳ-bà-thi suy nghĩ:

“Nên thuyết pháp nơi nào trước để đem lại lợi lạc cho hữu tình? Ngài nghĩ kỹ, thấy thành lớn chỗ ngự của vua Mân-đô-ma, nhân dân phồn thịnh, cơ duyên thuần thực. Suy nghĩ như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục tay cầm bát, lần lượt đi khất thực, đến thành Mân-đô-ma, vào vườn An lạc Lộc dã, tạm trú ở đây với tâm tự tại, không sợ hãi.

Thế Tôn nói kệ:

*Bậc Nhị Túc¹², Chánh Biến,
Tự tại hành trì bát;
An trú vườn Lộc dã,
Không sợ, như sư tử.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Phật Tỳ-bà-thi bảo người giữ cửa:

“Ta muốn gặp thái tử Khiếm-noa và cận thần Đế-tô-rô. Ta đang ở vườn An lạc Lộc dã, muốn gặp hai vị đó.”

Người giữ cửa nghe nói, đến chỗ thái tử Khiếm-noa và cận thần

¹¹. Nói về việc sự truyền giáo, giáo giới độ đệ tử của Đức Phật Tỳ-bà-thi.

¹². Hán: Nhị túc 二足, gọi đủ là Nhị Túc Tôn, 二足尊, hay có chỗ gọi là Lưỡng Túc Tôn, 兩足尊: Tôn quý giữa loài hai chân, chỉ cho chư Thiên và loài người. Có chỗ giải thích là đầy đủ Phước và Trí, vì chữ Hán 足 vừa có nghĩa là 'cái chân' vừa có nghĩa là 'đầy đủ'.

Đế-tô-rô, trình bày sự việc:

“Phật Tỳ-bà-thi thành đạo Chánh giác, đến thành Mân-đô-ma, ở trong vườn An lạc Lộc dã, muốn gặp các ngài.”

“Thái tử Khiếm-noa nghe tâu, cùng Đế-tô-rô lên xe ra khỏi thành Mân-đô-ma, vào vườn An lạc Lộc dã, đến trước Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, mắt chăm chú chiêm ngưỡng tôn nhan của Phật không rời.

Bấy giờ, Phật Tỳ-bà-thi muốn cho Khiếm-noa vui vẻ phát lòng tin nên khai thị diệu pháp. Phật dạy:

“Như Phật quá khứ giảng dạy, nếu bố thí, trì giới, tinh tấn tu hành, xa lìa dục sắc phiền não lỗi lầm, sẽ được sinh nơi cõi trời thanh tịnh.”

Thái tử Khiếm-noa cùng Đế-tô-rô nghe lời dạy, tâm được thanh tịnh, như tâm của Phật Tỳ-bà-thi Chánh đẳng giác, sinh tâm hiểu biết chân chính, tâm không nghi ngờ, tâm thiện, tâm nhu hòa, tâm quảng đại, tâm vô ngại, tâm vô biên, tâm thanh tịnh. Đức Phật lại giảng nói, khai thị các pháp hành của Tứ đế là khổ, tập, diệt, đạo.

Bấy giờ, thái tử Khiếm-noa và Đế-tô-rô thông đạt Tứ đế, thấy pháp, biết pháp, đắc pháp, được pháp kiên cố, nương nơi pháp, trụ nơi pháp, bất động nơi pháp, không xả pháp, không luồng không nơi pháp¹³. Như tấm vải trắng không có các vết bẩn, tâm giác ngộ pháp cũng như vậy.

Lúc này, thái tử Khiếm-noa và Đế-tô-rô bạch Phật Tỳ-bà-thi:

“Kính bạch Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, con mong được xuất gia thọ giới của Thiện Thệ.”

Phật dạy:

“Lành thay! Nay đã đến lúc¹⁴.”

“Đức Phật cho cạo tóc và truyền giới Cụ túc cho hai người. Sau đó, Ngài vì hai người này hiện ba loại thần thông¹⁵, làm cho họ phát

¹³. Nghĩa là: không còn do dự đối với pháp.

¹⁴. Hán: Thiện tai! Kim chánh thị thời, 善哉! 今正是時; No.1(1): Thiện lai Tỳ-kheo 善來比丘. Theo Luật tạng, lúc bấy giờ các Đức Phật quá khứ cũng như hiện tại thường trực tiếp truyền giới Cụ túc cho đệ tử bằng cách nói như vậy.

¹⁵. Tức ba thị đạo 三示導: Thần biến thị đạo 神變示導, Ký tâm thị đạo 記心示導 và Giáo giới thị đạo 教誠示導.

tâm tinh tấn hướng đến Phật tuệ. Một, hiện biến hóa thần thông. Hai, hiện thuyết pháp thần thông. Ba, hiện điều phục thần thông. Thấy sự thị hiện như vậy, thái tử Khiếm-noa và Đế-tô-rô càng dũng mãnh tinh tấn, không bao lâu tương ứng với chân trí, đoạn sạch các lậu, thành A-la-hán. Thế Tôn nói kệ:

*Thế Tôn Tỳ-bà-thi,
Thuyết pháp vườn Lộc dã;
Khiếm-noa, Đế-tô-rô,
Đều đến nơi Phật ở.
Cúi đầu sát đánh lẽ,
Nhất tâm chiêm ngưỡng Ngài.
Phật dạy thí, trì giới,
Pháp khổ, tập, diệt, đạo.
Nghe xong càng tin nhận,
Hiểu pháp không sanh diệt;
Đều cầu xin xuất gia,
Thọ giới của Thiện Thệ.
Lại thấy sức thần thông,
Liền phát tâm tinh tấn;
Không lâu, đoạn hết lậu,
Chứng quả A-la-hán.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

“Các Thầy hãy lắng nghe! Nhân dân thành Mân-đô-ma phồn thịnh, có tám vạn người gieo trồng gốc thiện đời trước, nghe thái tử Khiếm-noa và Đế-tô-rô vì lòng tin chân chính xuất gia; Đức Phật thuyết pháp, hiện thần thông, cả hai đều chứng thánh quả. Họ đều suy nghĩ: ‘Thật sự có xuất gia như vậy, có phạm hạnh như vậy, có thuyết pháp như vậy, có điều phục như vậy. Đây là sự việc hiếm có trên thế gian, được nghe việc chưa từng nghe, chúng ta nên nguyện xuất gia.’ Sau khi nghĩ như thế, tám vạn người đều xả bỏ gia đình duyên sự, ra khỏi thành Mân-đô-ma, vào vườn An lạc Lộc dã, đến nơi Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đánh lẽ sát chân Phật, đứng qua một bên, chắp tay chăm chú chiêm ngưỡng Phật. Để cho họ phát sinh lòng tin, Phật nói:

“Diệu pháp mà chư Phật quá khứ đã dạy: người bố thí, trì giới,

tinh tấn, tu hành, thoát ly dục sắc, phiền não, các lối lầm, thì sinh về cõi trời thanh tịnh."

Tám vạn người nghe lời dạy, tâm được thanh tịnh, như tâm Phật Tỳ-bà-thi Chánh đẳng giác, sinh tâm hiểu biết chân chính, tâm không nghi ngờ, tâm thiện, tâm nhu hòa, tâm quảng đại, tâm vô ngại, tâm vô biên, tâm thanh tịnh. Phật lại giảng dạy, khai thị các pháp hành của Tứ đế là khổ, tập, diệt, đạo. Tám vạn người kia thông đạt Tứ đế, thấy pháp, biết pháp, đắc pháp, kiên cố nơi pháp, nương dựa nơi pháp, bất hoại nơi pháp, trụ nơi pháp, không dao động nơi pháp, không xả pháp, không luống không nơi pháp. Như tấm vải trắng không bị vết nhớp; tâm họ cũng như vậy.

Tám vạn người đồng bạch Phật:

"Cầu xin Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác thu nhận chúng con, cho phép chúng con được xuất gia thọ trì giới của Thiện Thệ."

Phật cho phép họ cao tóc thọ giới. Ngài lại hiện ba loại thần thông làm cho họ phát khởi tinh tấn. Một, biến hóa thần thông. Hai, thuyết pháp thần thông. Ba, điều phục thần thông. Sau khi Phật thi hiện như thế, tám vạn người dũng mãnh tinh tấn, không bao lâu đoạn tận phiền não, tâm ý giải thoát, chứng A-la-hán.

Thế Tôn nói kệ:

*Trong thành Mân-đô-ma,
Tám vạn người nghe được;
Khiêm-noa, Đế-tô-rô,
Xuất gia chứng thánh đạo.
Đều phát tâm thanh tịnh,
Đi đến nơi Đức Phật;
Nghe pháp tâm hoan hỷ,
Liền phát lòng dũng mãnh.
Chắp tay bạch Thế Tôn,
Cho con xin xuất gia;
Thọ trì đối giới luật,
Đã đúng lúc nhận họ.
Cao tóc cho thọ giới,*

*Rồi lại hiện thần thông;
Đoạn sạch các trói buộc,
Như diệt rừng Thi lợi.
Cháy sạch không còn sinh,
Thành tựu giải thoát lớn;
Các khổ nương như vậy,
Diệt hết không còn nữa.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Phật Tỳ-bà-thi độ đại chúng kia rồi, ra khỏi vườn An lạc Lộc dã đến thành Mân-độ-ma. Tám vạn Bí-sô cũng đến thành Mân-độ-ma, tới trước Thế Tôn, cúi đầu đánh lẽ sát chân Phật, ngồi qua một bên. Phật giảng dạy đầy đủ nhân duyên đắc đạo, làm cho họ thêm kiên cố.

Thế Tôn nói kệ:

*Làm việc rất khó làm,
Luân hồi dứt luân hồi;
Tám vạn người như vậy,
Đoạn sạch các trói buộc.
Cũng như Đế-tô-rô,
Và thái tử Khiếm-noa;
Tinh tấn cầu xuất gia,
Đều được quả giải thoát.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Phật Tỳ-bà-thi suy nghĩ: ‘Nên giảm bớt số đông Bí-sô đang ở nơi thành Mân-độ-ma; bảo sáu vạn hai ngàn Bí-sô đi khắp nơi, du hóa đến các thôn xóm, tùy ý tu tập. Sau sáu năm lại trở về thành Mân-độ-ma, thọ trì Ba-la-đề-mục-xoa¹⁶.’ Khi Phật suy nghĩ, trên hư không có một vị thiên tử, biết tâm niệm của Phật, bạch rằng:

“Lành thay! Nay đúng lúc bảo sáu vạn hai ngàn Bí-sô du hóa các thôn xóm, tùy ý tu hành, sau sáu năm lại trở về nước cũ¹⁷, thọ trì Ba-la-đề-mục-xoa.”

Đức Phật dạy:

¹⁶. Ba-la-đề-mục-xoa 波羅提目叉, No.1(1): Cụ túc giới 具足戒.

¹⁷. Hán: phục hoàn bốn quốc 復還本國; No.1(1): hoàn thủ thành, 還此城.

“Này các Bí-sô, nên sai sáu vạn hai ngàn người du hóa tới các thôn xóm, tùy ý tu hành, sau sáu năm lại trở về nước cũ, thọ trì Ba-la-đề-mục-xoa.”

Khi ấy, sáu vạn hai ngàn người nghe dạy, đi ra khỏi thành Mân-độ-ma, du hóa các phương.

Thế Tôn nói kệ:

*Vô Lâu, Đẳng Chánh Giác,
Điều Ngự, Đại Trượng Phu;
Hướng dẫn chúng quần sinh,
Đi đến đạo tịch tĩnh.

Sai đại chúng Bí-sô,
Chúng Thanh văn tối thương;
Sáu vạn hai ngàn người,
Ra khỏi thành Mân-độ.

Du hành các thôn xóm,
Như rồng uy thế lớn;
Tùy ý tự tu hành,
Sáu năm về chõ cũ.*

Thế Tôn nói kệ xong bảo các Bí-sô:

“Sáu vạn hai ngàn Bí-sô kia ra khỏi thành, đi đến các làng xóm tùy ý tu hành. Trải qua một năm, hai năm, cho đến sáu năm, các Bí-sô ấy bảo nhau:

“Đã hết sáu năm, nên trở về nước cũ.”

“Khi họ nói như vậy, Thiên nhân ở không trung lên tiếng:

“Nay đã đúng lúc trở về thành Mân-độ-ma, thọ trì Ba-la-đề-mục-xoa. Sáu vạn hai ngàn Bí-sô dùng thần lực của mình và uy đức của chư Thiên, trong chốc lát đã về thành Mân-độ-ma.

Thế Tôn nói kệ:

*Đại Bí-sô của Phật,
Sáu vạn hai ngàn người;
Du hóa khắp làng xóm,
Thời gian đủ sáu năm.
Tự nhớ trở về nước,
Thiên nhân lên tiếng nói;*

*Nên về thành Mān-đô,
Thợ trì giới thanh tịnh.
Nghe vậy rất vui mừng,
Cảm giác cả toàn thân;
Liền dùng sức thần thông,
Như cưỡi voi quý lớn.
Nhanh chóng về thành cũ,
Tự tại không trở ngại;
Vô Thương Nhị Túc Tôn¹⁸,
Xuất hiện ở thế gian.
Khéo giảng các luật nghi,
Độ thoát chúng quần sinh;
Nay Phật sẽ giảng dạy,
Ba-la-đề-mục-xoa.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

Sáu vạn hai ngàn Bí-sô kia vào thành Mān-đô-ma, đến trước Phật Tỳ-bà-thi cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, ngồi qua một bên. Phật dạy:
“Hãy lắng nghe! Ta sẽ giảng giải về Ba-la-đề-mục-xoa:

*Nhẫn nhục là tối thương,
Nhẫn được chứng Niết-bàn;
Phật quá khứ đã dạy:
Xuất gia làm Sa-môn,
Từ bỏ sự sát hại,
Bảy chi tội thân, miệng;
Giữ giới Cụ túc này,
Phát sinh đại trí tuệ.
Được thân Phật thanh tịnh,
Bậc Tối Thương thế gian;
Xuất sinh trí vô lậu,
Chấm dứt khổ sinh tử.*

Khi Thế Tôn nêu giảng về giới luật này, có chư Thiên, Thiên tử, dùng uy lực chư Thiên, rời khỏi thiên cung, đến trước Phật Tỳ-bà-thi,

¹⁸. Nhị Túc Tôn, 二足尊, xem cht.20.

đánh lẽ chắp tay, lắng nghe Ba-la-đề-mục-xoa.

Thế Tôn nói kệ:

*Vô lâu, không nghĩ bàn,
Phá tối, đến bờ giác;
Tất cả trời Thích, Phạm,
Đều nghe giới Đại Tiên.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

“Một hôm, trong tịnh thất, cạnh hang Thất diệp ở thành Vương xá, Ta ngồi suy nghĩ: ‘Khi Phật quá khứ Tỳ-bà-thi tuyên bố tạng Tỳ-nại-da¹⁹, e rằng có chư Thiên không đến nghe giới của Đại tiên. Nay Ta đến cõi trời để hỏi chúng Phạm thiên.’ Nghĩ như thế rồi, Ta nhập chánh định đến trời Thiện hiện²⁰ nhanh như người lực sĩ co duỗi cánh tay. Thiên tử nơi ấy, cúi đầu đánh lẽ sát chân Phật, bạch: ‘Lành thay Thế Tôn! Đã lâu Ngài không đến đây, con là đệ tử Thanh văn của Phật Tỳ-bà-thi Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngài thuộc giòng Sát-đế-lợi, họ Kiều-trần, xuất gia vì lòng tin, sống tám vạn tuổi. Phụ vương tên Mân-độ-ma, mẫu hậu tên Mân-độ-ma-đế, thái tử Khiếm-noa, Đế-tô-rô, xuất gia thọ giới, chứng A-la-hán. Vị thi giả Hiền thiện đệ nhất tên A-thâu-ca. Phật thuyết pháp ba hội, độ nhiều Thanh văn. Đại hội thứ nhất có sáu vạn hai ngàn người đắc quả A-la-hán. Đại hội thứ hai mười vạn người đắc quả A-la-hán. Đại hội thứ ba có tám vạn người đắc quả A-la-hán. Đức Phật Tỳ-bà-thi có sự tối thượng như vậy, xuất gia như vậy, chứng Bồ-đề như vậy, thuyết pháp như vậy, điều phục như vậy, làm cho các đệ tử mặc y mang bát như vậy, tu hành Phạm hạnh, xa lìa năm dục, đoạn phiền não đắc giải thoát, chứng pháp Vô sanh, chứng A-na-hàm... cũng như vậy.

Sau đó, là Phật Thi-kí, Phật Tỳ-xá-phù, Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp thuyết giảng pháp điều phục, mặc y mang bát, tu các phạm hạnh, xa lìa năm dục, đoạn phiền não chứng pháp vô sanh, chứng A-na-hàm... cũng như vậy.

Bấy giờ, có vô số trăm ngàn Thiên tử, cung kính vây quanh Thế

¹⁹. Tỳ-nại-da 毘奈耶; hay Tỳ-ni; No.1(1) không có sự kiện này.

²⁰. Thiện hiện 善現, một trong năm cõi Tịnh cư của Thánh giả A-na-hàm; No.1(1) không thấy đề cập.

Tôn cùng đi đến trời Thiện kiến²¹. Chư Thiên ở trời Thiện kiến thấy Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi cùng vô số trăm ngàn Thiên tử cung kính vây quanh Phật, đi đến trời Sắc cứu cánh²². Thiên vương kia từ xa thấy Thế Tôn, đánh lễ sát chân Thế Tôn, bạch:

“Lành thay Thế Tôn! Đã lâu Ngài không đến đây, con là đệ tử Thanh văn của Phật Tỳ-bà-thi Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngài thuộc dòng Sát-đế-ly, họ Kiều-trần sống tám vạn tuổi. Phụ vương tên Mān-đô-ma, mẹ tên Mān-đô-ma-đế. Đô thành cũng tên Mān-đô-ma. Thái tử Khiếm-noa, Đế-tô-rô, xuất gia thọ giới, chứng A-la-hán. Vị thi giả Hiền thiện đệ nhất tên A-thâu-ca. Phật thuyết pháp ba hội, độ nhiều chúng Thanh văn. Đại hội thứ nhất độ sáu vạn hai ngàn người đắc quả A-la-hán. Đại hội thứ hai độ mười vạn người đắc quả A-la-hán. Đại hội thứ ba độ tám vạn người đắc quả A-la-hán. Phật Tỳ-bà-thi có sự tối thượng như vậy, xuất gia như vậy, phạm hạnh như vậy, chứng Bồ-đề như vậy, thuyết pháp như vậy, điều phục như vậy, quy định các đệ tử mặc y mang bát, tu các phạm hạnh, xa lìa năm dục, đoạn phiền não, chứng pháp Vô sanh, chứng A-na-hàm...

“Sau đó là Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-phù, Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp, mặc y mang bát thuyết pháp điều phục, tu các phạm hạnh, xa lìa năm dục, chứng pháp vô sanh, chứng A-na-hàm...

“Nay, Bậc Đại Mâu-ni thuyết pháp phạm hạnh điều phục chúng sanh cũng như vậy.”

Thiên tử nói kệ:

*Vô Thượng Nhị Túc Tôn,
Nhập vào tam-ma-địa;
Dùng sức thân thông lớn,
Ra khỏi cõi Diêm-phù.
Đến cõi trời Thiện hiện,
Chỉ trong một chớp nhoáng;*

²¹. Thiện kiến 善見, một trong năm cõi Tịnh cư của Thánh giả A-na-hàm; No.1(1) có đề cập đến cõi này.

²². Sắc cứu cánh 色究竟, một trong năm cõi Tịnh cư của Thánh giả A-na-hàm. No.1(1): Nhất cứu cánh — 究竟.

Như lực sĩ duỗi tay,
Sát-na đến cõi ấy.
Thế Tôn rất hy hữu,
Vô lậu, không chướng ngại;
Thân thanh tịnh giải thoát,
Như sen không dính nước.
Trong trăm ngàn thế giới,
Không ai sánh bằng Phật;
Hàng phục Đại ma vương,
Như sông cuốn cỏ rác.
Các vị trời Thiện hiện,
Đều đến cúi đầu lạy;
Quy y Bậc Tối Thượng,
Chánh Giác Đại Từ Tôn.
Điều phục các chúng sanh,
Sáu căn đều thanh tịnh;
Phát sinh tuệ vô thượng,
Y pháp tu tinh tấn.
Quá khứ Tỳ-bà-thi,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác;
Thuyết diệu pháp ba hội,
Hóa độ chúng Thanh văn.
Luật nghi và phạm hạnh,
Giữ gìn không khuyết phạm;
Thanh tịnh và viên mãn,
Như trăng trong đêm rằm.
Phật Thi-kí Thế Tôn,
Như Lai Tỳ-xá-phù;
Hiền kiếp Câu-lưu-tôn,
Câu-na-hàm Mâu-ni.
Cùng với Phật Ca-diếp,
Các Như Lai như vậy;
Chúng Thanh văn được độ,
Đều chứng đắc, lậu hết.
Không có các phiền não,

*Thường tu bảy giác chi;
Hành trì Bát chánh đạo,
Xa lìa lỗi năm dục.
Thông đạt trí tuệ lớn,
Đều là bậc tri thức;
Như vua Tỳ-sa-môn,
Thường uống vị cam lồ.
Như ánh sáng mặt trời,
Tất cả Phật, Thế Tôn.
Uy nghi và pháp hành,
Lợi ích chúng quần sanh;
Mở bày các phương tiện,
Hướng dẫn đều giống nhau.*

Thế Tôn nói kệ xong, bảo các Bí-sô:

“Ta đến chỗ chư Thiên kia, nghe sự việc này, biết các Thiên nhân, đối với pháp hội của chư Phật, đều tùy hỷ, có người ưa thích thọ trì, đi đứng nằm ngồi, tư duy đọc tụng, không có các mê hoặc, đoạn trừ hẳn luân hồi, giải thoát an lạc.

Phật thuyết kinh này xong, mọi người đều hoan hỷ, tin thọ phụng hành.



SỐ 4

KINH THẤT PHẬT PHỤ MÃU TÁNH TỰ¹

Hán dịch: *Khuyết danh*

Nghe như vầy²:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ. Trong nước, có người phụ nữ có con trai tên là Vô Diên do đó được gọi là Mẹ Vô Diên³. Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo⁴ đến nhà bà Vô Diên, ngồi thọ trai trên điện. Sau khi thọ trai⁵, có khoảng mươi Tỳ-kheo, ở chỗ khuất⁶, bàn luận với nhau: Phật là bậc chúng ta tôn kính, thần uy vô cùng, biến hóa tự tại theo ý muốn, lẽ nào Ngài không biết Phật quá khứ và Phật tương lai, với tuổi thọ, tên họ cha mẹ, bao nhiêu đệ tử, sự tu hành và giáo pháp của các Ngài.

¹. Bản hán: *Thất Phật Phụ Mẫu Tánh Tự kinh*, vô danh dịch, thời Tiền Ngụy. Đại I, No.4, tr.159a-160a. Tham chiếu: *Phật Thuyết Trưởng A-hàm kinh*, Hậu Tần Hoằng thi niêm, Phật-dà-da-xá cộng Trúc Phật Niệm dịch, 'Đệ nhất phần sơ Đại Bản kinh Đệ nhất'. Đại I, No.1(1) tr.1a-10c.

². Nguyên Hán: Văn như thị 聞如是.

³. Vô Diên mẫu 無延母, phiên âm của Mṛgāramātṛ (Pāli: Migāramātu), dịch Lộc Tử mẫu 麗子母, tức bà Tỳ-xá-khu (Pāli: Visākā).

⁴. Ngũ bách Tỳ-kheo 五百比丘 (năm trăm Tỳ-kheo); No.1(1): Đại Tỳ-kheo chúng thiền nhị bách ngũ thập nhơn 大比丘眾千二百五十人 (chúng đại Tỳ-kheo một nghìn hai trăm năm mươi người).

⁵. Hán: phạn dī 飯已, (sau khi thọ trai); No.1(1): Ư khất thực hậu 於乞食後, (sau khi khất thực).

⁶. Hán: ư bình xứ 於屏處 (ở chỗ khuất); No.1(1): ở Hoa lâm đường 花林堂.

Phật băng thiên nhĩ nghe các Tỳ-kheo bàn luận về việc này; Ngài đến hỏi:

“Này các Tỳ-kheo, các thầy bàn luận về việc gì?”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Chúng con nghĩ rằng Phật có thần thông tối thượng, đạo đức vi diệu, hiểu biết cao xa, không ai có thể hơn Ngài được. Phật biết rõ chư Phật quá khứ, chư Phật tương lai, với tuổi thọ, tên họ cha mẹ, bao nhiêu đệ tử, sự tu hành và ý chí giáo lệnh.”

Phật nói:

“Lành thay! Lành thay! Đúng như vậy. Các thầy hành pháp Sa-môn, nên nhớ nghĩ những việc lành như vậy. Các thầy muốn nghe tên họ chư Phật quá khứ với cha mẹ, đệ tử các Ngài không?”

Các Tỳ-kheo thưa:

“Chúng con muốn nghe.”

Phật dạy:

“Các Thầy hãy lắng nghe! Đức Phật thứ nhất tên Duy-vệ⁷, nhập Niết-bàn đến nay đã chín mươi mốt kiếp. Phật thứ hai tên Thức⁸, nhập Niết-bàn đến nay cũng đã ba mươi mốt kiếp. Phật thứ ba tên Tùy-diệp⁹, nhập Niết-bàn đến nay đã ba mươi mốt kiếp. Trong kiếp Phi-địa-la¹⁰ sẽ có một ngàn Phật, thứ nhất tên Phật Câu-lâu-tần¹¹, Đức Phật thứ hai tên Phật Câu-na-hàm Mâu-ni¹², thứ ba tên Phật Ca-diếp¹³, thứ tư là Ta, Phật Thích-ca Vă-ni.

“Phật Duy-vệ họ Câu-lân¹⁴. Phật Thức cũng họ Câu-lân. Phật Tùy-diệp cũng họ Câu-lân. Phật Câu-lâu-tần họ Ca-diếp. Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, cũng họ Ca-diếp, Phật Ca-diếp cũng họ Ca-diếp. Nay, Ta, Phật Thích-ca Vă-ni họ Cù-dàm¹⁵.

⁷. Duy-vệ 維衛; No.1(1): Tỳ-bà-thi 毘婆尸.

⁸. Thức 式; No.1(1): Thi-khí 尸棄.

⁹. Tùy-diệp 隨葉; No.1(1): Tùy-xá-bà 毘舍婆.

¹⁰. Phi-địa-la kiếp 披地羅劫; No.1(1): Hiển kiếp 賢劫.

¹¹. Câu-lâu-tần 拘樓秦; No.1(1): Câu-lâu-tôn 拘樓孫.

¹². Câu-na-hàm Mâu-ni 拘那含牟尼.

¹³. Ca-diếp 迦葉.

¹⁴. Câu-lân 拘鄰; No.1(1): Câu-ly-nhā, 拘利若.

¹⁵. Cù-dàm瞿曇; Pāli: Gotama.

“Phật Duy-vệ dòng Sát-ly. Phật Thức cũng dòng Sát-ly. Phật Tùy-diệp cũng dòng Sát-ly. Phật Câu-lâu-tần dòng Bà-la-môn. Phật Câu-na-hàm Mâu-ni cũng dòng Bà-la-môn. Phật Ca-diếp cũng dòng Bà-la-môn. Đến nay, Ta, Phật Thích-ca Văn-ni dòng Sát-ly.

“Phật Duy-vệ, cha tên Bàn-biểu,¹⁶ vua dòng Sát-ly; mẹ tên Bàn-dầu-mạt-đà¹⁷, trị vì đất nước tên Sát-mạt-đề¹⁸.

“Phật Thức, cha tên A-luân-noa¹⁹, vua dòng Sát-ly; mẹ tên Ba-la-ha-việt-đề²⁰, trị vì đất nước tên A-lâu-na-hòa-đề²¹.

“Phật Tùy-diệp, cha tên Tu-ba-la-đề-hòa²², vua dòng Sát-ly; mẹ tên Da-xá-việt-đề²³, trị vì đất nước tên A-nâu-ưu-ma²⁴. Phật Câu-lâu-tần, cha tên A-chi-vi-dâu²⁵, dòng Bà-la-môn; mẹ tên Tùy-xá-ca²⁶. Quốc gia tên Luân-ha-lợi-đề-na²⁷. Quốc vương hiệu Tu-ha-đề²⁸.

“Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, cha tên Da-thiểm-bát đà²⁹, dòng Bà-la-môn; mẹ tên Uất-đa-la³⁰, nước tên Sai-ma-việt-đề³¹. Quốc vương hiệu Sai-ma³².

“Phật Ca-diếp, cha tên A-chi-đạt-da³³, dòng Bà-la-môn; mẹ

¹⁶. Bàn-biểu 案 票; No.1(1): Bàn-dầu 案 頭.

¹⁷. Bàn-dầu-mạt-đà 案 頭 末 陀; No.1(1), Bàn-dầu-bà-đề 案 頭 婆 提.

¹⁸. Sát-mạt-đề 殺 末 提; No.1(1): Bàn-dầu-bà-đề 案 頭 婆 提.

¹⁹. A-luân-noa 阿 輪 玖; No.1(1), Minh Tướng 明 相.

²⁰. Ba-la-ha-việt-đề 波 羅 呵 越 提; No.1(1), Quang Diệu 光 妙.

²¹. A-lâu-na-hòa-đề 阿 樓 那 (和+心) 提; No.1(1), Quang Tướng 光 相.

²². Tu-ba-la-đề-hòa 須 波 羅 提 (和+心); No.1(1)d, Thiện Đặng 善 燈.

²³. Da-xá-việt-đề 耶 舍 越 提; No.1(1), Xứng Giới 稱 戒.

²⁴. A-nâu-ưu-ma 阿 (...) 憂 摩; No.1(1), Vô Dụ 無 喻.

²⁵. A-chi-vi-dâu 阿 枝 違 兜; No.1(1), Tự Đắc 祀 得.

²⁶. Tùy-xá-ca 隨 舍 迹; No.1(1), Thiện Chi 善 枝.

²⁷. Luân-ha-lợi-đề-na 輪 詞 咯 提 那; No.1(1), An Hòa thành 安 和 城.

²⁸. Tu-ha-đề 須 詞 提; No.1(1), An Hòa, 安 和.

²⁹. Da-thiểm-bát đà 耶 眇 鉢 多; No.1(1)d, Đại Đức 大 德.

³⁰. Uất-đa-la 鬱 多 羅; No.1(1), Thiện Thắng 善 勝.

³¹. Sai-ma-việt-đề 差 摩 越 提 (có lē Skt.: Kṣemavatī; Pāli: Khemavātī); No.1(1): Thanh tịnh thành, 清 淨 城.

³². Sai-ma 差 摩 (có lē Skt.: Kwema; Pāli: Khema); No.1(1), Thanh Tịnh 清 淨.

³³. A-chi-đạt-da 阿 枝 達 耶; No.1(1), Phạm Đức 梵 德.

tên Đàn-na-việt-đề-da³⁴, nước hiệu Ba-la-tư³⁵. Quốc vương hiệu Kỳ-thẬm-đọa³⁶.

“Nay, Ta Phật Thích-ca Văn-ni, cha tên Duyệt-đầu-đàn³⁷, vua dòng Sát-ly; mẹ tên Ma-ha Ma-da³⁸. Nước tên Ca-duy-la-vệ³⁹, Đại vương đời trước tên Bàn-đề⁴⁰.

“Phật Duy-vệ thọ tám vạn tuổi⁴¹. Phật Thức thọ bảy vạn tuổi⁴². Phật Tùy-diệp thọ sáu vạn tuổi⁴³. Phật Câu-lâu-tần thọ bốn vạn tuổi⁴⁴. Phật Câu-na-hàm Mâu-ni thọ ba vạn tuổi⁴⁵. Phật Ca-diếp thọ hai vạn tuổi⁴⁶. Ta, Phật Thích-ca Văn thọ trên dưới một trăm tuổi.

“Con Phật Duy-vệ tên Tu-viết-đa-kiện-đà⁴⁷. Con Phật Thức tên A-đâu-la⁴⁸. Con Phật Tùy-diệp tên Tu-ba-la-viết⁴⁹. Con Phật Câu-lâu-tần tên Uất-đa-la⁵⁰. Con Phật Câu-na-hàm Mâu-ni tên Đọa-di-đà-tiên-na⁵¹. Con Phật Ca-diếp tên Sa-đa-hòa⁵². Nay, con Ta, Phật Thích-ca Văn-ni tên La-vân⁵³.

“Phật Duy-vệ đắc đạo thành Phật dưới cây Ba-đà-la⁵⁴. Phật Thức

³⁴. Đàn-na-việt-đề-da 檀那越提耶; No.1(1): Tài Chủ 財主.

³⁵. Ba-la-tư 波羅私; No.1(1), Ba-la-nại 波羅奈城.

³⁶. Kỳ-thẬm-đọa 其甚墮; No.1(1), Cấp-tỳ 汲毗.

³⁷. Duyệt-đầu-đàn 閱頭檀; No.1(1), Tịnh Phạn 淨飯.

³⁸. Ma-ha Ma-da 摩訶摩耶; No.1(1), Đại Thanh Tịnh Diệu 大清淨妙.

³⁹. Ca-duy-la-vệ 迦維羅衛; No.1(1), Ca-tỳ-la-vệ 迦毗羅衛.

⁴⁰. Bàn-đề 烊提, không rõ.

⁴¹. No.4, tuổi thọ của Phật; nhưng No.1(1), tuổi thọ loài người đương thời.

⁴². Xem cht.41.

⁴³. No.1(1), người thời bấy giờ thọ bảy vạn tuổi.

⁴⁴. Xem cht.41.

⁴⁵. Xem cht.41.

⁴⁶. Xem cht.41.

⁴⁷. Tu-viết-đa-kiện-đà 須曰多鞬陀; No.1(1), Phương Ưng 方膺.

⁴⁸. A-đâu-la 阿兜羅; No.1(1) sđd.: Vô Lượng, 無量.

⁴⁹. Tu-ba-la-viết 須波羅曰; No.1(1) sđd.: Diệu Giác 妙覺.

⁵⁰. Uất-đa-la 鬱多羅; No.1(1) sđd.: Thượng Thắng 上勝.

⁵¹. Đọa-di-đà-tiên-na 墮夷陀先那; No.1(1) sđd.: Đạo Sư 道師.

⁵². Sa-đa-hòa 沙多和; No.1(1) sđd.: Tập Quân 集軍.

⁵³. La-vân 羅云; No.1(1) sđd.: La-Hầu-La 羅候羅.

⁵⁴. Ba-đà-la 波陀羅; No.1(1) sđd.: Ba-ba-la 波波羅.

đắc đạo thành Phật dưới cây Phân-đồ-ly⁵⁵. Phật Tùy-diệp đắc đạo thành Phật dưới cây Tát-la⁵⁶. Phật Câu-lâu-tần đắc đạo thành Phật dưới cây Tư-lợi⁵⁷. Phật Câu-na-hàm Mâu-ni đắc đạo thành Phật dưới cây Ô-tạm⁵⁸. Phật Ca-diếp đắc đạo thành Phật dưới cây Ni-câu-loại⁵⁹. Nay, Ta thành Phật Thích-ca Vă-ni dưới cây A-bái-đa⁶⁰. Thị giả Phật Duy-vệ tên A-luân⁶¹. Thị giả Phật Thức tên Sai-ma-yết⁶². Thị giả Phật Tùy-diệp tên Phục-chi-diệp⁶³. Thị giả Phật Câu-lâu-tần tên Phù-đề⁶⁴. Thị giả Phật Câu-na-hàm Mâu-ni tên Tát-chất⁶⁵. Thị giả Phật Ca-diếp tên Tát-ba-mật⁶⁶. Ta, Phật Thích-ca Vă-ni, thị giả tên A-nan⁶⁷.⁶⁸

“Phật Duy-vệ có đệ tử đệ nhất tên Tắc, đệ nhị tên Chất-hàm⁶⁹. Phật Thức có đệ tử đệ nhất tên A-tỷ-vụ, đệ nhị tên Tam-tham⁷⁰. Phật Tùy-diệp có đệ tử đệ nhất tên Phật-đề, đệ nhị tên Uất-đa⁷¹. Phật Câu-lâu-tần có đệ tử đệ nhất tên Tăng-kỳ, đệ nhị tên Duy-

⁵⁵. Phân-đồ-ly 分塗利; No.1(1) sđd.: Phân-đà-ly 分陀利.

⁵⁶. Tát-la 薩羅; No.1(1) sđd.: Bà-la 婆羅.

⁵⁷. Tư-lợi 斯利; No.1(1) sđd.: Thi-ly-sa 戸利沙.

⁵⁸. Ô-tạm 烏暫; No.1(1) sđd.: Ô-tạm-bà-la 烏暫婆羅.

⁵⁹. Ni-câu-loại 尼拘類; No.1(1) sđd.: Ni-câu-luật 尼拘律.

⁶⁰. A-bái-đa 阿沛多; No.1(1) sđd.: Bát-đa 鉢多.

⁶¹. A-luân 阿輪; No.1(1), sđd.: Vô Ưu 無優.

⁶². Sai-ma-yết 差摩竭; No.1(1) sđd.: Nhẫn-Hành 忍行.

⁶³. Phục-chi-diệp 復枝葉; No.1(1) sđd.: Tịch Diệt 寂滅.

⁶⁴. Phù-đề 浮提; No.1(1) sđd.: Thịện Giác 善覺.

⁶⁵. Tát-chất 薩質; No.1(1) sđd.: An Hòa 安和.

⁶⁶. Tát-ba-mật 薩波蜜; No.1(1) sđd.: Thịện Hữu 善友.

⁶⁷. A-nan 阿難; No.1(1) sđd.: A-nan 阿難.

⁶⁸. No.4, đoạn văn này (từ Thị giả đến A-nan) để cập đến những người hầu cận của các Đức Phật. Nhưng theo bản No.1(1) lại để cập đến con của các Đức Phật. Ở đây, nếu đem đối chiếu hai đoạn của chủ đề này, thì chúng ta thấy có những điểm đồng dì như trên.

⁶⁹. Tắc và Chất-hàm 塞 và 質含; No.1(1) sđd.: Khiên-trà và Đè-xá 齋茶 và 提舍.

⁷⁰. A-tỷ-vụ và Tam-tham 阿比務 và 三參; No.1(1) sđd.: A-tỷ-phù và Tam-bà-bà 阿毗浮 và 三婆婆.

⁷¹. Phật-đề và Uất-đa 佛提 và 鬱多; No.1(1) sđd.: Phò-du và Uất-đa-ma 扶遊 và 鬱多摩.

lưu⁷². Phật Câu-na-hàm Mâu-ni có đệ tử đệ nhất tên Chuyển Luân, đệ nhị tên Uất-đa⁷³. Phật Ca-diếp có đệ tử đệ nhất tên Chất-da-luân, đệ nhị tên Ba-đạt-hòa⁷⁴. Nay đệ tử đệ nhất của Ta, Phật Thích-ca Văn-ni là Xá-lợi-phất-la, đệ nhị tên Ma-ha Mục-kiền-liên⁷⁵.

“Phật Duy-vệ thuyết ba hội kinh cho các Tỳ-kheo. Hội thuyết kinh thứ nhất có mười vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Hội thuyết kinh thứ hai có chín vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Hội thuyết kinh thứ ba có tám vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán.

“Phật Thức cũng có ba hội thuyết kinh. Hội thuyết Kinh thứ nhất có chín vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Hội thuyết kinh thứ hai có tám vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Hội thuyết kinh thứ ba có bảy vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán.

“Phật Tùy-diệp có hai hội thuyết kinh. Hội thuyết kinh thứ nhất có bảy vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Hội thuyết kinh thứ hai có sáu vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán.

“Phật Câu-lâu-tần thuyết pháp một hội, có bốn vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán.

“Phật Câu-na-hàm Mâu-ni thuyết pháp một hội, có ba vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán.

“Phật Ca-diếp thuyết pháp một hội, có hai vạn Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán.

“Ta, Phật Thích-ca Văn-ni thuyết pháp một hội, có một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo đều đắc quả A-la-hán.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Không thể đo lường và xưng tán hết trí của Phật. Các Thầy nên thọ trì về sự xuất hiện, cha mẹ, quốc vương, sự giáo hóa của bảy Đức Phật.”

⁷². Tăng-kỳ và Duy-lưu 僧耆 và 維留; No.1(1) sđd.: Tát-ni và Tỳ-lâu 薩尼 và 晚樓.

⁷³. Chuyển Luân và Uất-đa 轉輪 và 鬻多; No.1(1) sđd.: Thư-bàn-na và Uất-đa-lâu 舒盤那 và 鬻多樓.

⁷⁴. Chất-da-luân và Ba-đạt-hòa 質耶輪 và 波達和; No.1(1) sđd.: Đế-xá và Bà-la-bà 提舍 và 婆羅婆.

⁷⁵. Xá-lợi-phất-la và Ma-ha Mục-kiền-liên 舍利弗羅 và 摩訶目乾連; No.1(1) sđd.: Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên 舍利弗 và 目乾連.

Phật lại dạy các Tỳ-kheo:

“Kinh luật không thể không học. Đạo pháp không thể không hành trì. Đức Phật như người lái chiếc thuyền trong biển lớn, cả ngàn vạn người đều nương nhờ vào người lái để đi qua biển. Đức Phật dạy mọi người hành pháp thiện, đắc đạo quả và hóa độ thế gian cũng như vậy.”

Các Tỳ-kheo nghe kinh này vui mừng, làm lễ rồi lui ra.



SỐ 5

KINH PHẬT BÁT-NÊ-HOÀN¹

Hán dịch: Tây Tấn, Bạch Pháp Tổ

QUYỀN THƯỢNG²

Nghe như vầy³:

Một thời Phật ở trong núi Diêu⁴, nước Vương xá⁵ cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo.

Bấy giờ vua nước Ma-kiệt⁶ tên là A-xà-thế⁷, không hài lòng với nước Việt-kỳ⁸, muốn đem quân sang chinh phạt. Nhà vua triệu tập quần thần để cùng nhau nghị luận:

“Nước Việt-kỳ giàu có, nhân dân đông đúc, sản xuất nhiều châubáu, không chịu thần phục ta, vậy hãy đem binh chinh phạt nước ấy.”

¹. Bản Hán, *Phật Bát-nê-hoàn kinh*, Tây Tấn, Bạch Pháp Tổ dịch, Đại I, No.5, tr.160b-168a. Tham chiếu, *Phật Thuyết Trưởng A-hàm kinh*, quyển 2. Hậu Tân Hoằng thi niêm Phật-dà-da-xá cộng Trúc Phật Niệm dịch (Đại I, No.1(2) tr.11a-16b).

². Bản Hán: Quyền thượng, No.1(2) sđd.: “Đệ nhất phần Du Hành kinh Đệ nhị, sơ”.

³. Hán: Văn như thị 聞如是.

⁴. Diêu sơn 鷄山 (núi Kên kên); No.1(2) sđd.: Kỳ-xà-quật 耆奢崛.

⁵. Hán: Vương xá quốc 王舍國; No.1(2) sđd.: La-duyết thành 羅閱城; hay La-duyết-kỳ 羅閱祇, tức thành Vương xá, thủ phủ nước Ma-kiệt-dà vào lúc bấy giờ.

⁶. Ma-kiệt 摩竭.

⁷. A-xà-thế 阿闍世; No.1(2), cũng vậy.

⁸. Việt-kỳ 越祇; No.1(2) sđd.: Bạt-kỳ 跋祇, tên một thị tộc, nhà nước thị tộc, vào lúc bấy giờ.

Trong nước có một hiền thần tên là Vũ-xá⁹ thuộc dòng dõi Thệ tâm¹⁰. Ông Vũ-xá tâu:

“Xin tuân lệnh!”

Vua bảo Vũ-xá:

“Đức Phật ở cách đây không xa. Hãy đem lời của ta đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Ngài, hỏi thăm sức khỏe Ngài, ‘Thân thể có bình an không? Ăn uống có bình thường không?’ Hỏi thăm và đánh lễ Đức Phật xong, hãy đem ý của ta mà bạch Ngài: ‘Việt-kỳ nước lớn, khi dễ vua. Nhà vua muốn đem quân sang chinh phạt. Vậy có thể đắc thắng không?’”

Ông Vũ-xá nhận lệnh vua, liền chuẩn bị năm trăm cỗ xe, hai ngàn người cưỡi ngựa, hai ngàn người đi bộ, đến nước Vương xá. Tới con đường đi bộ liền xuống xe, đến trước Đức Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Ngài. Đức Phật chỉ cái ghế bảo ông ngồi, rồi hỏi:

“Thừa tướng từ đâu đến đây?”

Ông thưa:

“Nhà vua bảo con đến đây, lạy dưới chân Đức Phật, hỏi thăm sức khỏe của Ngài, thân thể có bình an không, ăn uống có bình thường không?”

Đức Phật liền hỏi:

“Nhà vua và nhân dân trong nước có an hòa không? Được mùa hay mất mùa?”

Ông thưa:

“Nhờ ơn Đức Phật nên tất cả đều được bình an, hòa thuận, mưa gió đúng thời, nước nhà giàu có.”

Đức Phật bảo:

“Ông đi đường, người ngựa đều bình an không?”

Ông thưa:

“Nhờ ơn Đức Phật, tất cả đi đường đều bình an không có gì xảy ra.”

Rồi ông bạch Phật:

“Nhà vua và nước Việt-kỳ có sự hiềm khích nên nhà vua muốn đem quân chinh phạt, tiêu diệt nước đó. Vậy ý Phật như thế nào? Có

^{9.} Vũ-xá 雨舍; như No.1(2).

^{10.} Thệ tâm 逝心; No.1(2) sđd.: dòng dõi Bà-la-môn, 婆羅門.

thể thắng được không?"

Đức Phật dạy:

"Nhân dân nước Việt-kỳ nếu thọ trì bảy pháp này, nhà vua không thể chiến thắng được; nếu không thọ trì bảy pháp này, nhà vua có thể chiến thắng được."

Đức Phật dạy:

"Ngày trước ta từng đến nước Việt-kỳ. Nước này có Thần xá Cấp-tật¹¹, thỉnh thoảng ta dừng chân trong ấy. Các trưởng lão trong nước Việt-kỳ đều đến nói với ta: 'Vua A-xà-thế muốn đến chinh phạt nước chúng con. Vậy chúng con phải phòng thủ nước thật cẩn thận'."

Đức Phật nói:

"Ta liền bảo các trưởng lão chớ có sầu lo, chớ có sợ sệt. Nếu thọ trì bảy pháp sau đây vua A-xà-thế có đến cũng không thể chiến thắng được các ngươi."

Vũ-xá hỏi Đức Phật:

"Bảy pháp đó là những gì?"

Khi ấy Đức Phật đang ngồi, Tôn giả A-nan đứng quạt hầu phía sau, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

"Ngươi có nghe người nước Việt-kỳ thường cùng nhau tụ hội, giảng giải, luận bàn về chính sự, tu chỉnh, dự bị để tự phòng thủ không?"

A-nan thưa:

"Con có nghe họ thường cùng nhau tụ hội, giảng giải, luận bàn về chính sự, tu chỉnh, dự bị để tự phòng thủ."

Đức Phật dạy:

"Như vậy nước ấy không thể suy thoái được."

"Ngươi có nghe vua tôi nước Việt-kỳ, thường hòa thuận, quan lại trung lương giúp đỡ lẫn nhau không?"

Thưa:

"Con có nghe ở nước ấy vua tôi thường hòa thuận, quan lại trung lương, giúp đỡ lẫn nhau."

"Ngươi có nghe dân chúng nước Việt-kỳ cùng nhau tôn trọng luật

¹¹. Hán: Cấp-tật Thần xá 急疾神舍; xem cht.91. Trong bản Pāli, Phật giảng bảy pháp bất thối này cho những người Vajī tại miếu thần Sārandada.

pháp, hiểu rõ điều quốc cấm, không dám trái phạm không¹²?”

Thưa:

“Con có nghe dân chúng nước ấy cùng nhau tôn trọng luật pháp, hiểu rõ điều quốc cấm, không dám trái phạm.”

“Ngươi có nghe dân chúng nước Việt-kỳ kính cẩn lễ hóa, nam nữ sống riêng biệt, lớn nhỏ thờ kính lẫn nhau không?”

Thưa:

“Con có nghe dân chúng nước Việt-kỳ kính cẩn lễ hóa, nam nữ sống riêng biệt, lớn nhỏ thờ kính lẫn nhau.”

“Ngươi có nghe dân chúng nước Việt-kỳ hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, nghe lời dạy bảo không?”

Thưa:

“Con có nghe rằng dân chúng nước ấy hiếu thuận cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, nghe lời dạy bảo.”

“Ngươi có nghe dân chúng nước Việt-kỳ tôn trọng đất trời¹³, kính sợ xã tắc, phụng sự bốn mùa không?”

Thưa:

“Con có nghe dân chúng nước Việt-kỳ tôn trọng đất trời, kính sợ xã tắc, phụng sự bốn mùa.”

“Ngươi có nghe dân chúng nước Việt-kỳ tôn thờ đạo đức, có các Sa-môn, những vị Ứng chơn¹⁴ ở trong nước hoặc từ các nơi đến, thì được cúng dường áo quần, giường nằm, ngọt cụ và thuốc men không?”

Thưa:

“Con có nghe dân chúng nước ấy tôn thờ đạo đức, có các Sa-môn, những vị Ứng chơn ở trong nước hoặc từ các nơi đến, thì được cúng dường quần áo, giường nằm, ngọt cụ và thuốc men.”

Đức Phật dạy:

“Hãy nước nào thực hành bảy pháp này, khó có thể làm cho nguy hại được.”

Vũ-xá thưa:

^{12.} Hán: vô thủ vô nguyện 無取無願. So sánh Pāli: apaññattam na paññāpenti, “không thiết chế điều không được thiết chế”.

^{13.} Hán: thừa thiên tắc địa 承天則地.

^{14.} Hán: Ứng chơn 應真, chỉ Thánh giả A-la-hán.

“Giả sử nước Việt-kỳ chỉ thực hành một pháp thô, còn không thể công phật nổi, huống chi là thực hành bảy pháp.”

Rồi ông bạch Phật:

“Vì việc nước quá đa đoan, vậy con xin cáo từ Thế Tôn.”

Phật dạy:

“Ông nên biết thời.”

Vũ-xá liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Đức Phật rồi lui ra. Ông đi chưa bao lâu, Đức Phật bảo A-nan:

“Hãy đến trong Diêu sơn gọi tất cả các Tỳ-kheo Tăng tập họp tại giảng đường.”

A-nan liền vâng lời dạy, đến Diêu sơn bảo các Tỳ-kheo Tăng:

“Đức Phật cho gọi các Tỳ-kheo.”

Các Tỳ-kheo đều đến đánh lễ Đức Phật, Đức Phật liền đi trước, vào trong giảng đường, tất cả đều trải tòa rồi ngồi. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy thọ trì bảy giới pháp¹⁵. Những gì là bảy?

“Tỳ-kheo nên thường xuyên cùng nhau tụ tập để tụng đọc kinh điển thì Chánh pháp được lâu dài¹⁶.

“Lúc ngồi, lúc đứng, trên dưới vâng thuận lẫn nhau¹⁷, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Khi ngồi, khi đứng không được nghĩ đến nhà cửa, vợ con, thì Chánh pháp được lâu dài¹⁸.

“Hoặc trong hốc núi, hoặc ở rừng sâu, dưới bóng cây, nơi gò mả, phải tự suy tư về năm điều hủy diệt¹⁹, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Người học đạo tuổi nhỏ, trước phải hỏi các Tỳ-kheo trưởng

¹⁵. Hán: Giới pháp 戒法; No.1(2) sđd.: bất thối pháp 不退法; có bảy pháp bất thối của quốc vương và bảy pháp bất thối của Tỳ-kheo.

¹⁶. Pháp khả cửu 法可久; No.1(2) sđd.: Pháp bất khả hoại 法不可壞.

¹⁷. Hán: thượng hạ tương thừa dụng khởi tọa 上下相承用起坐; văn Hán tối nghĩa; có lẽ Pāli chuẩn: sakkaroti garukaroti māneti pūjeti: cung kính, tôn trọng, thừa sự, cúng dường.

¹⁸. So sánh Pāli: (...) uppannāya taṇhāya ponobhavikāya na vasam gacchanti, “các Tỳ-kheo không bị chi phối bởi khát ái dẫn đến tái sinh đời sau...”

¹⁹. Hán: ngũ diệt 五滅 (?)

lão, kính nể, thừa sự²⁰, học hỏi không mệt mỏi, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Trong tâm phải vâng giữ pháp, kính sợ kinh giới, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Gìn giữ hai trăm năm mươi giới, cứu cánh đắc đạo A-la-hán. Ai muốn đến học hỏi thì đừng từ chối; các bạn đồng tu²¹ thì giúp đỡ lẫn nhau. Người mới đến thì chia sẻ dùng chung áo, chăn, ẩm thực; bệnh hoạn ốm yếu phải chăm sóc cho nhau.

“Tỳ-kheo trì bảy pháp này thì Chánh pháp được lâu dài.

“Lại có bảy pháp, hãy lắng nghe.”

Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe.

“Tỳ-kheo không được ham nằm. Khi nằm không được nghĩ đến chuyện khác²², thì Chánh pháp được lâu dài.

“Thích giữ sự thanh tịnh, không thích pháp hữu vi²³, thì chánh pháp được lâu dài.

“Ưa ngồi chung với người hiền, giữ hạnh nhẫn nhục, cẩn thận không tranh tụng, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Không được mong người đến lễ kính. Giảng kinh cho người không được coi đó là điều ân huệ, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Hiểu được chút đạo, hay có tài năng chớ tự kiêu mạn, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Không được nghĩ đến các dục tình, tâm không bị tác động bởi hành nghiệp hữu dư²⁴, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Không tham lợi dưỡng, thường ưa ở ẩn, lấy cỏ rơm làm giường. Tỳ-kheo giữ như vậy thì Chánh pháp được lâu dài.²⁵”

“Lại có bảy pháp, các ngươi hãy lắng nghe.”

²⁰. Hán: kính úy thừa dụng 敬畏承用, xem cht.17.

²¹. Hán: nhập giả 入者.

²². Hán: tha sự 他事, việc của người khác.

²³. Hữu vi 有爲, đây chỉ pháp thế gian, hay chuyện thế sự. Tham chiếu Pāli: (...) na kammārāmā bhavissanti.

²⁴. Hán: bất đầu dư hành 不投餘行: không bị lôi cuốn bởi các hành hữu dư, tác thành đời sống khác; đưa đến tái sinh. Tham chiếu Pāli: na pāpicchā bhavissanti na pāpikāṇām icchānam vasam gatā.

²⁵. Bảy pháp này, giữa hai bản No.5 và No.1(2) hoàn toàn không giống nhau.

Các Tỳ-kheo nói:

“Kính vâng lời dạy.”

“Có người bố thí tài vật cho người khác, không vì thế khởi tâm oán hận, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Phải biết xấu hổ thì Chánh pháp được lâu dài.

“Không biếng nhác đối với kinh giới²⁶ thì Chánh pháp được lâu dài.

“Khi đứng, hay ngồi tâm không quên kinh pháp²⁷ thì Chánh pháp được lâu dài.

“Lúc ngồi, hay đứng không nhảm chán khổ thì Chánh pháp được lâu dài.

“Lúc ngồi, hay đứng đều hiểu rõ kinh pháp thì Chánh pháp được lâu dài.

“Khi đọc, học kinh điển nên đọc lấy nghĩa sâu của nó, thì Chánh pháp được lâu dài²⁸.

“Lại có bảy pháp:

“Lúc Phật ở thế gian làm thầy các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cung kính giới cấm của Phật dạy, thọ trì giới pháp, luôn luôn nhớ ơn thầy, trì giới pháp của thầy, thì chánh pháp được lâu dài.

“Chưa đạt được đạo bậc thấp²⁹, hãy tùy theo Phật pháp mà tự chế ngự thì Chánh pháp được lâu dài.

“Cung kính Tỳ-kheo Tăng, thọ nhận lời giáo giới của các ngài, phải cung kính, thừa sự³⁰, không có nhảm chán, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Tôn trọng người giữ giới, hay nhẫn nhục, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Tùy thuận kinh giới, tâm không tham ái, phải nghĩ mạng người là vô thường, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Ban ngày không được ham ăn uống, ban đêm nằm ngủ nghỉ không được ham giường tốt, thì Chánh pháp được lâu dài.

²⁶. Hán: kinh giới 經 戒, chỉ Thanh giới.

²⁷. Hán: kinh pháp 經 法, chỉ Thanh Pháp.

²⁸. No.2 và No.1(2) sđd.: có một vài chi tiết giống nhau, ngoài ra hoàn toàn khác nhau.

²⁹. Hán: bất đắc hạ đạo 不 得 下 道; có lẽ Pāli: na oramattakena (...) āpajjanti.

³⁰. Xem cht.17.

“Tự mình thường xuyên tư duy, thế gian là rối loạn, tâm niệm không biếng trễ, không theo ác tâm, không theo tâm tà; lúc tâm tà đến phải tự kiềm chế, không để bị chi phối, hãy giữ tâm đoan chánh. Người thế gian bị tâm lừa dối, Tỳ-kheo chớ có đua theo tâm của người ngu trong thiên hạ.

“Thọ trì bảy pháp này thì Chánh pháp được lâu dài.”

“Lại có bảy pháp.”

Chúng Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng lời dạy.”

“Tỳ-kheo hãy quý trọng kinh³¹ như người ngu quý trọng chậu báu và xem kinh như cha mẹ vì kinh là cha mẹ sinh ra ta. Người ta sống có một đời nhưng kinh điển độ thoát vô số đời, khiến cho người được đạo Nê-hoàn. Do vậy mà Chánh pháp được lâu dài.

“Không được ham chuộng mùi vị ăn uống, không được ăn nhiều, ăn nhiều làm người ta sanh bệnh, ăn ít thì bị đói, ăn vừa no thì thô; không được tham đắm thức ăn, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Nên xem thân như đất, ban ngày ưu tư về sự chết, không thích ở trong đường sanh tử. Đời sống có nhiều ưu lo: lo cho cha mẹ, anh em, vợ con, thân thuộc, nô tỳ, quen biết, súc sanh, ruộng nhà. Những ưu tư như vậy đều là ưu tư của kẻ ngu si. Như người có tội bị quan bắt giữ, tuy có những người thân thuộc cũng không thể nhờ cậy được. Bằng sự ô uế ấy, so sánh thân này với đất, đơn độc đến, đơn độc đi³²; hãy ganh đua với thân này, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Tinh tấn siêng tu, đoan nghiêm nơi thân, khẩu, ý, hành động không lỗi lầm, giữ đạo không cho là khó khăn, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Lo sợ mà hàng phục tâm ý, không nghe theo sáu tình³³, kiềm chế dâm, nộ, si, không có tà hạnh, thì Chánh pháp được lâu dài.

“Ngồi giữa chúng hội mà không thấy xấu hổ với chúng hội, được người đời kính trọng. Nhờ tâm đoan chánh, thanh tịnh nên không sợ sệt, giữ đạo không làm điều tà vạy. Như có người bị người khác vu cáo,

³¹. Hán: kinh 經, đây chỉ giáo pháp của Phật.

³². Hán: đương dữ thân cạnh 當與身競.

³³. Hán: lục tình 六情, hay lục trần, chỉ sáu ngoại cảnh.

quan bắt giữ. Tuy bị quan cầm giữ nhưng người ấy không sợ, vì không có phạm tội. Trì giới thanh tịnh, sơ giới ngữ của Phật, ngồi ở trong đại chúng mà không lo sợ vì tâm thanh tịnh. Nhờ vậy mà Chánh pháp được lâu dài.

“Thận trọng không kiêu mạn, theo người trí tuệ thọ trì kinh giới. Thấy người ngu si nên dạy giới kinh cho họ.

“Tỳ-kheo trì bảy pháp này thì Chánh pháp được trụ thế lâu dài.

“Lại có bảy pháp.”

Các Tỳ-kheo đáp:

“Kính vâng lời dạy.”

“Tỳ-kheo phải thường niệm kinh, xả bỏ tánh tham dâm, thường nghĩ đến con đường giải thoát khỏi thế gian. Phải tự tư duy về thân thể thì Chánh pháp được lâu dài.

“Luôn luôn thọ trì kinh của Phật dạy, giữ mãi trong tâm; đã giữ trong tâm rồi hãy khiến tâm mình luôn đoan chánh, bỏ tâm xấu, giữ tâm tốt. Giống như áo của người ta có nhiều cáu bẩn, dùng nước tro tẩy giặt hai ba lần, làm cho tất cả cáu bẩn sạch hết. Nhớ nghĩ lời Phật dạy, phải trì giới, bỏ ác theo thiện thì Chánh pháp được lâu dài.

“Hãy khuất phục tâm³⁴, không nên thuận theo tâm; tâm hướng tới dâm, nộ, si thì đừng nghe theo; thường tự cấm chế tâm mình, không được theo tâm. Như người tòng quân, kẻ mạnh thì dẫn đầu mọi người, làm quân tiên phong, khó mà quay lui; nếu có ý hối muốn thoái lui liền thấy xấu hổ với người ở sau mình. Người đã thọ tịnh giới phải nên giữ tâm đoan chánh, ý ngay thẳng, hãy đứng trước mọi người, chờ có đứng sau, vị ấy có thể đắc đạo trước tiên. Như vậy thì Chánh pháp được lâu dài.

“Nên biết chỗ thâm nhập của đạo hạnh mình nhiều hay ít, sâu hay cạn, thành thực tâm chí ban đầu. Hãy nên càng ngày càng vui với kinh giáo; không sợ khổ, không kén thức ăn, không chọn giường nằm. Hãy lấy đạo, tự khuyến khích mình và tự ưa thích, nhờ đó Chánh pháp được lâu dài.

“Nên tôn kính người đồng học, hãy xem bạn đồng học như anh em; hãy đoan chánh cả trong, ngoài; bên ngoài là lỗi của thân, miệng,

³⁴. Hán: đương dữ tâm tránh 當與心諍, “hãy cãi nhau với tâm”.

bên trong là lỗ của tâm. Hãy suy tư về hai việc này thì Chánh pháp được lâu dài.

“Lúc ngồi hãy tự suy nghĩ: chín lỗ bài tiết đầy chất dơ. Một lỗ đóng vai chủ bên trong, chín lỗ đều bài tiết đồ bất tịnh; đói, no, nóng, lạnh đều làm cho ta đau khổ cùng cực; thân thể khó làm cho thích nghi, đều là bất tịnh; bên trong chứa đồ bất tịnh; gió nóng, gió lạnh hiện ra bên ngoài; đều là bất tịnh mà tự che đậy; lỗ mũi hiện ra sự lạnh nóng thì trong tâm đều không hoan hỷ; nếu có mùi hôi thối cũng không ghét, không mừng. Tỳ-kheo nên giữ tâm doan chánh trong và ngoài như vậy thì Chánh pháp được lâu dài.

“Hãy quán xem những người trong thiên hạ, vua chúa cũng chết; kẻ nghèo, người giàu, kẻ sang người hèn không ai thoát khỏi cái chết, đồng ở trong con đường sống chết như nhau. Như người nambi mộng thấy nhà đẹp, vườn xinh, giàu sang sung sướng, đến lúc tỉnh giấc thì chẳng thấy gì cả. Những sự giàu, nghèo, sang, hèn ở thế gian cũng như người nambi mộng. Hãy tự suy tư về thế gian, ví như người chiêm bao mà thôi.

“Tỳ-kheo thọ trì bảy pháp này, tư duy không quên thì Chánh pháp được lâu dài.”

“Lại có bảy pháp:

“Tỳ-kheo Tăng³⁵ phải có tâm từ đối với mọi người, có tâm từ đối với Đức Phật. Người ta chửi mắng thì không chửi mắng lại, không sân hận. Hãy giữ tâm từ đối với mọi người. Ví như người ở trong tù thường có lòng từ đối với nhau. Người ta ở trên thế gian cũng nên bằng từ mà chiếu cố cho nhau. Tỳ-kheo hãy giữ tâm, bị người chửi mắng mà không giận, bình thản không mừng rỡ, sanh tâm như vậy, khả dĩ không lo lắng, do đó không tranh chấp với người thế gian. Thí như con trâu cái ăn cỏ non thì sanh ra sữa, từ sữa tạo ra lạc, từ lạc tạo ra tô, từ tô thành đê hồ. Hãy giữ tâm như đê hồ mà phụng trì Giới pháp của Phật, có thể được tồn tại lâu dài.

“Lưỡi không nói dối; lời nói không làm thương tổn người khác; ý và lưỡi phải doan chánh. Lưỡi không doan chánh khiến người ta không thể đắc đạo. Do lưỡi đưa đến việc dao gậy hoặc đưa đến sự tàn diệt.

³⁵. Văn đủ có lẽ là Tỳ-kheo Tăng ngôn thọ giáo 比丘僧言受教 như các đoạn trước.

Cho nên người học đạo phải luôn luôn nói lời đoan chánh thì Chánh pháp được lâu dài.

“Hãy giữ tâm mình được đoan chánh, chớ có nghĩ ác, chớ nghĩ đến dâm; nếu có tâm dâm dục thì không thành đạo A-la-hán. Ban đêm nằm ngủ mà tâm dâm dục muốn khởi lên thì hãy nghĩ đến sự nhơ nhớp của người nữ, ý dâm liền được loại bỏ. Khi tâm sân hận khởi lên, hãy nghĩ: “Con người sống trên mặt đất này có bao lâu đâu”. Làm như vậy thì Chánh pháp được lâu dài.

“Nếu có người mời Tỳ-kheo thọ trai, những người khác không được thì nghĩ rằng: ‘Chỉ có Tỳ-kheo này được mời, còn ta thì không.’ Chớ có những ý nghĩ như vậy. Có Tỳ-kheo bệnh, có người mang thuốc đến cho; những Tỳ-kheo khác không được như vậy, bèn nghĩ: ‘Chỉ chăm sóc người kia mà không chăm sóc mình.’ Chớ có ý nghĩ như vậy. Có người mang y phục đến cho Tỳ-kheo, những người khác không được, không nên nghĩ: “Riêng ta thì không được, sao lại phải đi xin mới có?”. Khi tín thí bỏ đồ ăn vào trong bát, không được nói nhiều hay ít. Giữ tâm như vậy thì Chánh pháp được tồn tại lâu dài.

“Hãy thọ trì giới pháp, thận trọng giới pháp. Nếu đối với giới pháp mà không biết thì nên hỏi vị Tỳ-kheo biết giới. Hãy niệm Phật, niệm Pháp và niệm Tỳ-kheo Tăng không phút nào nghỉ. Cung kính thừa sự lẫn nhau. Nếu trong y phục có chí rận nên khởi lòng thương đối với chúng, như vậy thì Chánh pháp được tồn tại lâu dài.

“Lúc thấy người chết, ta nói: ‘Người này đã chết, mà không biết kinh đạo, cả nhà khóc lóc, các thân thuộc tri thức đều không biết người chết ấy đi về đâu’, nhưng Tỳ-kheo đã đắc đạo có thể biết người chết ấy, thần thức đi về đâu. Đối với kinh điển thì cần phải đọc, đối với đạo thì cần phải học. Con đường tắt trong thiên hạ thì nhiều, nhưng đường của vua là lớn nhất. Phật đạo cũng thế, là đạo Tối thượng. Giống như vài chục người, ai ai cũng cầm cung tên bắn vào ụ đất để tập bắn; có người bắn trúng trước, có người bắn trúng sau. Cứ bắn liên tục, sẽ có mũi tên trúng ngay giữa ụ đất. Người thực hành kinh đạo của Phật cũng giống như thế, chớ biếng nhác, chớ suy nghĩ rằng người trước đã đắc đạo, nay ta không đắc đạo; không được có sự hối tiếc này. Giống như người bắn tên không dừng nghỉ rồi được trúng đích. Hành đạo Tỳ-kheo không ngừng, thì Chánh pháp được tồn tại lâu dài.

“Khi đi, khi đứng phải luôn tôn trọng, cúng dường kinh Phật; hãy đọc tụng và tư duy về nghĩa kinh.

“Tỳ-kheo³⁶, Thanh tín sĩ và Thanh tín nữ thực hành bảy pháp như vậy thì Chánh pháp được tồn tại lâu dài.

“Phụng trì bảy bốn mươi chín pháp này, như nước từ trên trời đổ xuống, nước của khe nhỏ chảy vào khe lớn, nước của khe lớn chảy vào sông, nước của sông chảy vào biển. Tỳ-kheo hãy như dòng nước chảy vào biển; hành đạo không bao giờ dừng nghỉ sẽ được đạo quả A-la-hán.”

Đức Phật từ thành Vương xá bảo A-nan:

“Chúng ta hãy đến xóm Ba-lân³⁷.”

Tôn giả A-nan thưa:

“Dạ.”

Rồi từ nước Ma-kiệt-đà, đi chưa tới xóm Ba-lân, giữa đường là xóm La-trí³⁸, ở đó Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng hãy lắng nghe, các Tỳ-kheo vâng lời dạy. Đức Phật bảo:

“Trong thiên hạ có bốn sự thống khổ³⁹, Đức Phật biết rõ nhưng con người lại không biết. Do con người không biết cho nên cứ bị sanh tử mãi không lúc nào dừng nghỉ. Những gì là bốn? Đó là, sanh là thống khổ, già là thống khổ, bệnh là thống khổ, chết là thống khổ. Vì con người không biết suy tư để chấp nhận bốn sự thống khổ này một cách dũng mãnh nên mới chịu sự sanh tử mãi mãi không bao giờ dừng nghỉ. Đức Phật vì vậy nêu lên bốn sự thống khổ này cho mọi người biết. Tuy có cha mẹ, vợ con, nhưng đều sẽ bị biệt ly, cùng nhau lo buồn, khóc

³⁶. Hán: trừ cẩn 除 罷, “trừ sự đói kém”. Pāli: dubhikkha (?), cùng ngũ nguyên với Bhikkhu: Tỳ-kheo.

³⁷. Xóm Ba-lân 巴 鄰; còn gọi là Ba-lien-phất 巴 連 弗; hay Hoa thị thành, 華 氏 城. No.1(1): Phật khởi hành từ Ma-kiệt-đà đi đến Ca-lan-đà Trúc viên; rồi từ đây đi tiếp đến Ba-lăng-phất. Trong bản Pāli, Phật từ Rājagaha đi Ambalatthika; từ đây đi đến Nālanda, trú trong rừng Pāvārikambavana; rồi từ đây đi đến Pātaligāma (Ba-lăng-phất).

³⁸. La trí 羅 致 (?), có lẽ là Ambalatthi trong bản Pāli; nhưng tại đây Phật giảng về thành tựu của giới-định-tuệ, chứ không giảng về bốn sự khổ như trong bản Hán này.

³⁹. Hán: tứ thống 四 痛.

lúc không thôi. Những việc xấu xa hằng ngày hiện ra ngay trước mắt⁴⁰. Do đó Đức Phật công bố giáo pháp để dứt trừ bốn sự thống khổ, phụng trì tám giới, thân này đáng nhàm chán.”

Đức Phật dạy:

“Một là tho lãnh lời Phật dạy. Hai, xa lìa ái dục, đến với đạo không có ham tranh cãi. Ba, không nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi và nói lời độc ác. Bốn, không được sát sanh, trộm cắp, xâm phạm phụ nữ của người khác. Năm, không được ganh tị, sân hận và ngu si. Sáu, khi ngồi, tự mình tư duy về bốn sự thống khổ ở trong tâm. Bảy, nghĩ tưởng thân thể đều là nhơ nhớp. Tám, quán sự sanh tử, thân này rồi sẽ trở thành đất.

“Đức Phật cũng nghĩ về sự hiện hữu của bốn thống khổ và sự ra đi của chúng. Đức Phật cũng đã nói tám giới này và Phật cũng sẽ nói về tám giới. Hãy suy niệm ý nghĩa sâu xa của kinh Phật.

“Các Tỳ-kheo nếu có nghĩ tưởng về cha mẹ, vợ con, nghĩ về sự sanh hoạt của thế gian thì không thể đạt được đạo giải thoát khỏi thế gian. Nếu ưa thích thế gian thì tâm không ưa thích đạo. Đạo từ tâm mà có, chánh tâm mới có thể đắc đạo. Có chút chánh tâm thì có thể sanh lên cõi trời; hiểu kinh pháp có thể được làm người. Hãy đoạn trừ con đường địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ. Đức Phật vì thiên hạ mà sửa trị con đường sanh tử. Các Tỳ-kheo hãy nên suy tư về việc này.”

Đức Phật từ xóm La-trí⁴¹ bảo Tôn giả A-nan cùng đi đến xóm Ba-lân⁴². A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Liền đi theo sau Đức Phật. Bấy giờ Tỳ-kheo Tăng có một ngàn hai trăm năm mươi vị. Đức Phật đi đến xóm Ba-lân, ngồi bên gốc cây.

⁴⁰. Nguyên văn Hán: Chư sở ác kiến nhụt tại mục tiền, 諸所惡見日在目前; đây muốn nói đến điều mà thành ngữ Hán Phật thường gọi là oán tǎng hội khổ: phải hằng ngày tụ hội với những gì mình ghét. Trong tám khổ, đây chỉ kể bốn khổ tự nhiên và chỉ thêm hai khổ xã hội: xa lìa người mình yêu, chung dung với người mình ghét.

⁴¹. La-trí 羅致; No.1(2), Phật từ Trúc viên 竹園 đi đến Ba-liên-phật 巴連弗.

⁴². Ba lân 巴鄰; No.1(2), Ba-lăng-phật 巴陵弗. Xem cht.25.

Quỷ thần⁴³ của xứ Ba-lân liền báo cho cư sĩ⁴⁴ biết, tất cả đều mang hoặc ghế, nệm lông, đèn đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ trước Đức Phật rồi ngồi qua một bên. Đức Phật bảo các cư sĩ:

“Con người ở thế gian, những ai tham dục, tự mình buông lung, thì có năm điều xấu ác⁴⁵. Những gì là năm? Một, tài sản ngày một hao mòn. Hai, không biết ý đạo. Ba, mọi người không kính nể; lúc chết bị hối hận. Bốn, tiếng xấu đồn khắp, thiên hạ đều nghe. Năm, lúc chết đọa vào địa ngục, trong ba đường ác.

“Nếu ai có thể hàng phục tâm mình, tự mình không buông lung, thì có năm điều lành. Những gì là năm? Một, tài sản ngày một tăng. Hai, có đạo hạnh. Ba, mọi người kính nể, lúc chết không hối hận. Bốn, tiếng tốt đồn khắp ai cũng nghe. Năm, lúc chết được sanh đến cõi trên, đầy đủ phước đức.

“Tự mình không buông lung có năm điều lành như vậy, các ngươi hãy tự mình suy tư về việc ấy.”

Đức Phật thuyết pháp cho các gia chủ cư sĩ, tất cả đều hoan hỷ, lạy Phật rồi đi.

Đức Phật đi đến xóm A-vệ⁴⁶, ngồi bên một gốc cây, dùng đao nhăn thấy chư Thiên trên trời sai các thần Hiền thiện⁴⁷ bảo hộ vùng đất này. Đức Phật từ chỗ ngồi đứng dậy, ra khỏi xóm A-vệ, lại ngồi xuống một chỗ khác. Hiền giả A-nan sửa lại y phục ngay thẳng, từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy Phật xong đứng qua một bên. Đức Phật hỏi A-nan:

“Ai tính toán để xây dựng thành quách ở xóm Ba-lân này?”

Thưa:

“Đại thần Vũ-xá nước Ma-kiệt xây dựng thành này nhằm ngăn chặn quân nước Việt-kỳ.”

⁴³. No.5, Quỷ thần 鬼神; bản No.1(2) không có.

⁴⁴. No.5, Thệ tâm lý gia 誓心理家; chỉ Bà-la-môn và cư sĩ (hay gia chủ); xem cht.10. No.1(2): Thanh tín sĩ 清信士. Tham chiếu Pāli: assosum kho pāṭāligāmikā upāsakā, “các Ưu-bà-tắc thôn Pātaligāma nghe đồn rắng”.

⁴⁵. Tham chiếu Pāli: paññcime gahapatayo ādīnavā dussilassa sīlavipattiyā, “Này các gia chủ, có năm điều tai hại cho những ai ác giới, phá giới”.

⁴⁶. A-vệ 阿衛; chưa rõ địa danh này.

⁴⁷. Hiền thiện thần 賢善神; có lẽ chỉ chủng loại, chứ không phải tên riêng. Các bản khác không có chi tiết này.

Đức Phật nói:

“Lành thay! Ngày A-nan, ông Vũ-xá là người hiền mới biết mưu kế ấy. Ta thấy các vị Trời thần diệu ở trên cõi trời Đao-lợi đều hộ trì đất này. Ai có đất đai mà được chư Thiên trên trời hộ trì, vùng đất ấy chắc chắn sẽ được an ổn, giàu có. Lại nữa, vùng đất này là trung tâm của trời. Vị trời làm chủ bốn phân dã⁴⁸ này tên là Nhân Ý⁴⁹. Nước nào được Nhân Ý hộ trì, nước ấy càng lâu bền, lại càng hưng thịnh. Nước đó chắc chắn có nhiều bậc Thánh hiền, mưu trí mà các nước khác không thể bì kịp, cũng không thể phá hoại được. Thành Ba-lân này sẽ bị phá hoại bởi ba việc: Một, lửa lớn; hai, nước lớn; ba, người trong và ngoài thành thông mưu với nhau.”

Đại thần Vũ-xá nghe Đức Phật cùng chúng Tỳ-kheo từ nước Ma-kiệt du hành đến đây, bèn nương uy của vua, trang nghiêm năm trăm cỗ xe mà ra khỏi xóm Ba-lân, đi đến chỗ Đức Phật; đến phía trước đánh lě rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

“Ngày mai mong ngài cùng đông đủ Tỳ-kheo đến nhà con để dùng bữa ăn nhỏ⁵⁰.”

Đức Phật yên lặng không trả lời. Ông Vũ-xá nói như vậy đến ba lần. Sự yên lặng trong Phật pháp tức là nhận lời. Vũ-xá liền trở về nhà sửa soạn, đặt bày giường ghế, thắp đèn dầu, đồ ăn thức uống đầy đủ để đón rước Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng. Sáng mai, Vũ-xá đến thỉnh Phật. Bấy giờ Đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo Tăng đi đến. Ăn uống xong, Đức Phật liền chú nguyện:

“Mong tín chủ được đắc đạo, không ham thích địa vị quốc công. Tuy đời này không thể từ bỏ quan lại⁵¹, nhưng nay tín chủ cúng cơm cho Phật và Tỳ-kheo Tăng, mong cho đời sau được thoát khỏi việc quan lại. Thế gian có người sáng suốt nên cúng thức ăn cho đạo nhân Hiền thiện, đạo nhân chú nguyện, nếu không bỏ được tâm muốn làm quan, thì quan không nên có tâm tham lam, tâm khốc

^{48.} Tứ phần dã 四分野, tức tọa đời trời, thuật ngữ thiên văn Trung Quốc.

^{49.} Hán: nhân ý 仁意, chưa xác định được ý nghĩa gì.

^{50.} Hán: tiểu thực 小食. Chính xác là ngọ thực. Phật và chúng Tăng chỉ dùng một bữa (nhất tọa thực).

^{51.} Hán: huyện quan 縣官.

hở, tâm cầu cạnh, tâm ham thích dục lạc, tâm khuyên làm điều ác⁵². Bỏ năm tâm này, người giữ việc triều chính có thể sẽ không có lỗi; sau khi chết có thể trừ được tội ác nơi địa ngục. Nay Vũ-xá, hãy tự suy nghĩ lấy.”

Ông thưa:

“Đạ, con xin thọ giáo.”

Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng đều đứng dậy ra đi. Đức Phật đi ra cửa thành, Vũ-xá liền đi theo sau Phật quan sát xem Đức Phật đi ra cửa thành nào để đặt tên cửa thành ấy là Phật thành môn⁵³. Còn cái khe nước nhỏ mà Đức Phật đi qua thì gọi là Phật khê⁵⁴.

Đức Phật đi đến bên bờ sông. Bấy giờ dân chúng nhiều người muốn qua sông; có người dùng thuyền lớn, có người dùng thuyền nhỏ, có người dùng bè tre để vượt qua. Đức Phật ngồi suy nghĩ: “Lúc ta chưa thành Phật, qua sông này, cưỡi lên bè tre để đi qua. Nay thân ta không còn cưỡi lên bè tre để qua sông”. Đức Phật lại tự nghĩ: “Ta là thầy đưa đò người, đưa người vượt qua nẻo đường thế gian, không còn để ai đưa đò nữa”. Nghĩ như vậy rồi các Tỳ-kheo đều vượt qua.

Đức Phật gọi A-nan:

“Tất cả hãy đi đến xóm Câu-lân⁵⁵.”

A-nan thưa:

“Đạ vâng.”

Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo liền đến xóm Câu-lân. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả hãy lắng nghe. Hãy khéo giữ gìn tâm, không tranh cãi với thiên hạ; tự suy tư, để biết vô thường; hãy bằng trí tuệ mà lo cho thân⁵⁶. Hãy khéo giữ tâm, không tranh cãi với thiên hạ; tự suy tư, thì liền được sáng suốt. Người sáng suốt liền trừ bỏ được trạng thái tham dâm, sân nhuế, ngu si. Trừ bỏ được ba trạng thái này rồi liền được vượt

⁵². Hán: quan bất khả hữu tham tâm, khốc tâm, tiến tâm, lạc tâm, khuyến tâm 官不可有貪心, 酷心, 進心, 樂心, 勸心.

⁵³. Phật thành môn 佛城門; No.1(2): Cù-dàm môn, 翟曇門.

⁵⁴. Phật khê, 佛溪; No.1(2): bến đò mà Phật đi qua được đặt tên là “bến Cù-dàm 翟曇渡”.

⁵⁵. Câu-lân, 拘鄰; No.1(2): Câu ly, 拘利.

⁵⁶. Hán: dī tuệ ưu thân 以慧憂身, ý nói, hãy quán sát thân bằng trí tuệ.

khỏi con đường thế gian, không còn sanh trở lại, tâm không còn dong ruỗi nữa. Nhất tâm, không bị vướng mắc. Ví như quốc vương vui thích độc tôn⁵⁷, suy nghĩ: ‘Trong quần chúng đông người này, ta là ông chủ độc nhất.’ Người đắc đạo, đã vượt qua khỏi thế gian, cũng tự nghĩ trong lòng: ‘Dù có trăm ngàn vạn mối rối ren, chỉ có tâm là chủ, giống như quốc vương làm chủ coi sóc muôn dân’.”

Đức Phật lại từ Câu-lân bảo A-nan:

“Tất cả hãy đến nước Hỷ dự⁵⁸.”

A-nan thưa:

“Đạ vâng.”

Đức Phật cùng các Tỳ-kheo đồng đến nước Hỷ dự, ngồi bên gốc cây Kiền-đề⁵⁹. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng:

“Các ngươi hãy đi khất thực ở nước Hỷ dự.

Lúc khất thực xong trở về, các Tỳ-kheo bạch Đức Phật:

“Nước Hỷ dự có nhiều bệnh tật nên dân chúng có nhiều người chết, trong đó có các Ưu-bà-tắc⁶⁰ tên là Huyền Điểu, Thời Tiên, Sơ Động, Thức Hiền, Thực Hiền, Khoái Hiền, Bá Tông, Kiêm Tông, Đức Cử, Thượng Tịnh. Mười vị này⁶¹ đều là Ưu-bà-tắc thọ trì năm giới, nay đều qua đời.”

Các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

“Các Ưu-bà-tắc này chết rồi sanh về đâu?”

Đức Phật trả lời:

⁵⁷. Hán: lạc độc 樂 獨, ưa sự độc tôn hay độc cư.

⁵⁸. Hán: Hỷ dự quốc 喜豫國; No.1(2): Na-dà thôn 那陀村.

⁵⁹. Kiền-đề thọ 捷 提 樹; No.1(2): Kiền-chùy xứ 捷 椎 處; Pāli: Gijjakāvasatha, ngôi nhà gạch.

⁶⁰. Ưu-bà-tắc 優婆塞; Skt.: Upāsaka; No.1(2) sđd.: Cư sĩ 居士; Pāli: Gaha-pati; Skt.: Grha-pati.

⁶¹. Danh sách mười vị Ưu-bà-tắc ở nước Hỷ dự: Huyền Điểu 玄鳥, Thời Tiên 時仙, Sơ Động 初動, Thức Hiền 式賢, Thực Hiền 澈賢, Khoái Hiền 快賢, Bá Tông 伯宗, Kiêm Tông 兼尊, Đức Cử 德舉, Thượng Tịnh 上淨. Danh sách mười hai vị cư sĩ ở Na-dà, theo No.1(2): Già-già-la 伽伽羅, Gia-lăng-gia 加陵加, Tỳ-già-dà 毗伽陀, Già-ly-thâu 伽利輸, Giá-lâu 遮樓, Bà-da-lâu 婆耶樓, Bà-dầu-lâu 婆頭樓, Tẩu-bà-dầu-lâu 蔽婆頭樓, Đà-lê-xá-nâu 陀梨舍耨, Tẩu-đạt-ly-xá-nâu 蔽達利舍耨, Da-thâu 耶輸, Da-thâu-da-lâu 耶輸多樓.

“Huyền Điểu v.v... cả thảy mười người này, chết rồi được sanh vào trong đạo Bất hoàn⁶². ”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng:

“Các ngươi chỉ biết về cái chết của mươi người này. Phật bằng thiên nhãn quán sát xem thấy năm trăm Ưu-bà-tắc đã chết đều sanh trong đạo Bất hoàn. Lại có ba trăm Ưu-bà-tắc như Nan-đề, lúc còn sống đã không còn trạng thái dâm, trạng thái phẫn hận và trạng thái ngu si⁶³, thì lúc chết được sanh lên cõi trời Dao-lợi, đắc đạo quả Câu cảng⁶⁴, chỉ còn bảy lần sanh, bảy lần tử nữa là chứng được đạo quả A-la-hán. Còn Huyền Điểu v.v... cả thảy năm trăm người đều được đạo quả Bất hoàn, tự mình ở nơi cõi trời đạt được đạo Ứng chơn⁶⁵. ”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các ngươi đi khất thực⁶⁶ về, cõi gì lại hỏi đến mươi vị Ưu-bà-tắc ấy? Nếu các ngươi muốn cố ý quấy rầy Phật, cho rằng Phật không muốn nghe điều xấu này. Nhưng Phật đâu có gì e sợ. Đã có sanh thì ai cũng phải chết. Các Đức Phật quá khứ, vị lai và hiện tại đều Bát-nê-hoàn. Nay ta đã thành Phật, cũng sẽ Bát-nê-hoàn. Nhờ thân này mà được làm Phật. Trải qua nhiều kiếp cầu Phật để chấm dứt con đường sanh tử. Khi làm Phật thì nhổ sạch gốc rễ của sanh tử. Biết gốc rễ con người vốn từ si⁶⁷, từ si là hành; từ hành là thức; từ thức là danh sắc⁶⁸; từ danh sắc là lục nhập; từ lục nhập là xúc⁶⁹; từ xúc là thọ⁷⁰; từ thọ là ái; từ ái nén thủ⁷¹; từ thủ là hữu; từ hữu là sanh; từ sanh là già chết, lo, rầu, khổ não, buồn bã, chẳng như ý.

⁶². **Bất hoàn** 不 還; đây chỉ các cư sĩ đã chứng quả Bất hoàn, sau khi chết sinh lên cõi trời Tịnh cư và nhập Niết-bàn ở đó.

⁶³. Chính xác, chỉ trấn áp, làm cho voi mảng đi, chứ chưa diệt trừ hoàn toàn.

⁶⁴. Câu-cảng 溝港, nghĩa đen: “ngòi rãnh” tức đạo quả Dự lưu 預流, hay Tu-dà-hoàn.

⁶⁵. **Ứng-chơn** 應 真, còn gọi là A-la-hán 阿 羅 漢, chứng A-ha-hán và nhập Niết-bàn trên các tầng trời Tịnh cư.

⁶⁶. **Nguyên Hán**: phân-vệ 分 衛, phiên âm; Pāli: piṇḍapāta.

⁶⁷. **Hán**: si 癡, tức vô minh.

⁶⁸. **Nguyên Hán**: tự sắc 字 色.

⁶⁹. **Nguyên Hán**: tài 栽, “trồng trọt”.

⁷⁰. **Hán**: thống 痛, “đau nhức”.

⁷¹. **Hán**: cầu 求, “mong cầu (hay tìm cầu)”.

Như là sự tập khởi của khối lớn đau khổ họp lại⁷².

“Phật do vậy suy tư về nguồn gốc sanh tử, như chiếc xe có bánh, khi xe chạy thì bánh xe không thể ngừng. Con người từ si cho nên mới bị sanh tử. Nếu từ bỏ si thì si diệt, do si diệt thì hành diệt, do hành diệt nên thức diệt, do thức diệt nên danh sắc diệt, do danh sắc diệt nên lục nhập diệt, do lục nhập diệt nên xúc diệt, nhờ xúc diệt nên thọ diệt, do thọ diệt nên ái diệt, do ái diệt nên thủ diệt, do thủ diệt nên hữu diệt, do hữu diệt nên sanh diệt, do sanh diệt nên già chết diệt, do già chết diệt nên ưu bi khổ nã, bất như ý diệt. Như vậy sự tập khởi của khối lớn đau khổ họp lại được chấm dứt.

“Cho nên trước tiên Đức Phật nói cho các ngươi biết, do si mê nên có sanh tử; người có trí giữ đạo thì không còn sanh tử nữa.”

Đức Phật dạy:

“Hãy nghĩ tưởng phụng trì Phật, Pháp, Thánh chúng và tịnh giới. Cung kính, thừa sự lẫn nhau mà dạy dỗ kinh Phật. Hãy tư duy, giữ tâm chánh niệm, thì chẳng còn trở lại nẻo sanh tử, không còn nỗi lo lắng ưu sầu.”

Đức Phật từ xóm Hỷ dự gợi A-nan đi đến nước Duy-da-lê⁷³, Tôn giả A-nan thưa:

“Đạ vâng.”

Đức Phật từ xóm Hỷ dự đi đến nước Duy-da-lê, chưa tới bảy dặm, thì dừng chân nơi vườn Nại⁷⁴. Có một dâm nữ tên Nại nữ⁷⁵, với năm trăm đệ tử là dâm nữ, ở trong thành nghe Đức Phật đi đến hiện ngự nơi vườn Nại, liền bảo đám đệ tử dâm nữ phải lo trang điểm mặc y phục và chuẩn bị xe cộ, rồi từ trong thành đi ra, đến chỗ Phật, muốn yết kiến cùng lễ bái Đức Thế Tôn.

Bấy giờ Đức Phật ở nơi vườn Nại cùng với hàng ngàn vị Tỳ-kheo,

⁷². Hán: hợp đại khổ ấm đọa lập 合大苦陰墮習.

⁷³. Duy-da-lê quốc 維耶梨國; No.1(2), Tỳ-xá-ly 比舍離, hoặc Tỳ-da-ly 比耶離.

⁷⁴. Nại viên 奈園 (vườn xoài, có chỗ nói là vườn láo); đây chỉ khu vườn của kỵ nữ Am-bà-bà-lê, hay Am-ma-la; No.1(2): tại Tỳ-da-ly, Phật ngồi dưới một gốc cây Kỵ nữ Am-bà-bà-lê đến nghe Pháp. Sau đó quy y và cúng khu vườn sở hữu cho Phật.

⁷⁵. Nại nữ 奈女; No.1(2) sđd.: Am-bà-bà-lê 菩婆梨, âm khác: Am-bà-ba-ly 菩婆利, Am-bà-la-bà-ly 菩婆羅婆利, Am-bà-la 菩婆羅; Pāli: Ambapāli-gaṇikā.

đang thuyết giảng kinh cho các vị ấy. Đức Phật thấy Nại nữ cùng năm trăm đệ tử dâm nữ đang đi tới, tất cả đều mặc những bộ y phục đẹp đẽ, có trang điểm. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Các ngươi đã thấy Nại nữ cùng với năm trăm dâm nữ đệ tử, thấy đều hãy cúi đầu, tâm doan chánh. Họ tuy trang điểm, ăn mặc đẹp đẽ đến đây, ví như cái bình vē, bên ngoài tô vē rất đẹp, nhưng bên trong chứa toàn là đồ nhơ nhớp, đã được phong kín không đáng để mở ra; nếu ai mở ra thì toàn là những thứ bất tịnh xú uế. Đó chính là Nại nữ; cả đám đều là những cái bình vē. Vậy các Tỳ-kheo phải có khả năng quán sát⁷⁶. Quán sát những gì? Đó là bỏ ác theo thiện, không chạy theo trạng thái ham muốn của lòng dâm, thà tự mình bị chém xương, phá tim, thiêu đốt thân thể chớ quyết trọn đời không bao giờ đồng lõa với vọng tâm làm ác. Không chỉ là lực sĩ mới có nhiều sức mạnh, mà tự mình giữ tâm chánh niệm thì còn hơn cả lực sĩ. Đức Phật chế ngự tâm mình đến nay đã trải qua vô số kiếp, không chạy theo vọng tâm, siêng năng tinh tấn để tự đạt đến quả Phật. Vậy các Tỳ-kheo hãy tự làm cho tâm mình ngay thẳng, doan nghiêm. Tâm từ lâu ở trong chỗ bất tịnh, thì hiện tại cũng có thể tự mình nhổ bỏ. Hãy tự tư duy năm tặng trong thân thể cũng có thể đình chỉ được pháp sanh tử. Hãy quán xem bên ngoài cũng khổ, bên trong cũng khổ, hãy khiến cho tâm mình luôn chính đáng.”⁷⁷

Nại nữ đến nơi, xuống xe đến chỗ Đức Phật, đánh lễ rồi ngồi qua một bên. Các Tỳ-kheo đều cúi đầu. Đức Phật hỏi:

“Do nhân duyên gì mà đến đây?”

Nại nữ thưa:

“Con thường nghe Phật là Bậc tôn quý hơn chư Thiên nên con đến để lễ bái.”

Đức Phật nói:

“Này Nại nữ! Có thích làm thân người nữ chăng?”

⁷⁶. Hán: kiến lực 見力, tức Pāli: vipassana.

⁷⁷. Văn dịch không rõ ràng. Nhưng, trên đây là bài giảng về việc Tỳ-kheo tu tập sống trong chánh niệm, chánh trí, bằng cách tu bốn niệm xứ: quán nội ngoại thân, v.v... Bài giảng có mục đích khiến các Tỳ-kheo nghiệp tâm để sê khỏi bị sắc đẹp của kỹ nữ Am-bà-bà-lê tác động.

Nại nữ thưa:

“Trời bắt con làm thân người nữ, nhưng con không thích.”

Đức Phật dạy:

“Nếu cô không thích làm thân người nữ, vậy ai khiến cô nuôi tới năm trăm đệ tử dâm nữ?”

Nại nữ thưa:

“Họ đều là những dân nghèo, con nuôi dưỡng và bảo hộ cho họ.”

Đức Phật nói:

“Chẳng phải như thế! Nếu không nhảm chán về bệnh khổ của người nữ, hoặc như kinh nguyệt bất tịnh, lại bị nhiều thứ ràng buộc, đánh đập, không được tự tại. Đã không nhảm chán thân nữ của cô lại còn nuôi chứa đến năm trăm người nữ nữa?”

Nại nữ thưa:

“Con ngu si nên mới như vậy. Người có trí thì không làm như vậy.”

Đức Phật nói:

“Biết suy xét như thế là tốt.”

Nại nữ liền quỳ mopies, bạch Phật:

“Sáng mai con mời Đức Phật và chúng Tỳ-kheo Tăng đến nhà con thọ trai.”

Đức Phật yên lặng không trả lời. Nại nữ rất sung sướng, liền đứng dậy đảnh lễ Đức Phật rồi đi ra.

Nại nữ ra khỏi chưa bao lâu thì các Lý gia⁷⁸ thuộc dòng họ danh giá của thành Duy-da-lê, nghe Đức Phật cùng đông đủ các Tỳ-kheo Tăng đang đi đến đây, cách thành bảy dặm, ở trong vườn Nại, liền dựa vào oai lực của nhà vua, sửa sang xe cộ rồi ra đi, muốn đến yết kiến để cúng dường Đức Phật. Trong đó có toàn cưỡi ngựa xanh, xe xanh, áo xanh, dù lọng xanh, tràng phan cũng xanh, các viên quan đều mặc màu xanh. Toán cưỡi ngựa vàng, xe vàng, áo vàng, lọng vàng, tràng phan vàng, quan thuộc đều mặc màu vàng. Có toàn thì cưỡi ngựa đỏ, xe đỏ, áo đỏ, lọng đỏ, tràng phan đỏ, quan thuộc đều dùng màu đỏ. Có toàn thì cưỡi ngựa trắng, xe trắng, áo trắng, dù lọng trắng, tràng phan trắng, quan thuộc đều dùng màu trắng. Có toàn thì cưỡi ngựa đen, xe đen, áo

⁷⁸. Lý gia 理 家 tức gia chủ; gần âm với No.1(2), Lệ-xa 隸 車 một bộ tộc hùng mạnh vào lúc bấy giờ, thủ phủ ở Tỳ-xá-ly. Xem cht.10 và 44.

đen, lọng đen, tràng phan đen, quan thuộc đều mặc màu đen. Đức Phật từ xa trông thấy đoàn xe ngựa khoảng chừng mươi vạn người đang đi đến, liền bảo các Tỳ-kheo:

“Các ngươi muốn thấy trong vườn của Đế Thích, trên cõi trời Đao-lợi, đám thị tùng ra vào đông đúc ra sao, thì hãy nhìn các Lý gia này. Chúng giống nhau, chẳng khác gì cả.”

Các Lý gia tới đâu đường đều xuống xe, đi đến chỗ Đức Phật. Người đến trước gần Đức Phật thì quỳ, người ở giữa đều cúi đầu, còn đám người sau cùng thì đều chắp tay rồi ngồi xuống.

Đức Phật hỏi:

“Các vị từ đâu đến đây?”

Các Lý gia thưa:

“Chúng con nghe Đức Phật ở chỗ này cho nên đến đây để lễ bái.”

Trong đoàn có một người tên là Tân Tự⁷⁹, đứng dậy đi đến trước Đức Phật, nhìn Ngài thật kỹ. Đức Phật hỏi:

“Ông nhìn những gì ở nơi ta?”

Tân Tự thưa:

“Khắp trên trời dưới đất đều rung động hướng về Ngài, cho nên con nhìn Đức Phật không hề biết chán.”

Đức Phật nói:

“Này Tân Tự, ông hãy nhìn Phật thật kỹ. Về lâu xa lại có Phật ra đời nữa. Lúc có Phật nên theo lời Phật dạy.”

Trong nhóm có bốn năm trăm Lý gia nói:

“Tân Tự có phước đức lớn, cùng được hầu chuyện Đức Phật.”

Tân Tự nói:

“Từ xa tôi được nghe nói tới kinh Phật. Tôi nghĩ kinh ấy từ lâu rồi, cho đến hôm nay tôi mới được gặp. Tôi có tâm từ hiếu đối với Đức Phật.”

Đức Phật nói:

“Người trong thiên hạ ít có ai như Tân Tự, từ hiếu đối với thầy.”

Đức Phật bảo Tân Tự:

“Phật xuất hiện trong thiên hạ, biết rõ con đường sanh tử của muôn người, thuyết giảng kinh để mở bày, giáo hóa. Trên trời dưới trời

⁷⁹. Tân tự 賓自 (?); No.1(2) sđd.: Tịnh ký 幷暨 (?)

và các loài quỷ, rồng v.v... không ai là không nghiêng mình. Đó là oai thần thứ nhất của Phật.

“Nếu ai đọc tụng kinh Phật, tự mình giữ tâm ngay thẳng, thì đạt được đạo. Đó là oai thần thứ hai của Phật.

“Phật thuyết giảng kinh cho muôn người. Những người hiền trí thấy đều hoan hỷ. Những người đến nghe không ai là không vui mừng. Những người tu học cùng chỉ dạy lẫn nhau, cùng nhau dẫn dắt, cùng nhau giúp cho tâm được ngay thẳng. Đó là oai thần thứ ba của Phật.

“Ai học kinh Phật cũng đều hoan hỷ, như người ngu được vàng. Kẻ thượng trí được đạo Ứng chơn. Hạng thứ hai có thể được quả Bất hoàn, hạng thứ ba có thể được quả Tân lai⁸⁰, hạng thứ tư có thể được Câu cảng,⁸¹ hạng thứ năm là giữ năm giới của Ưu-bà-tắc, có thể được sanh lên cõi trời, giữ ba giới thì có thể được làm người. Đức Phật xuất hiện ở thế gian, nhân đó mới xuất hiện đạo này. Đó là oai thần thứ tư của Đức Phật.”

Đức Phật bảo Tân Tự:

“Ông đến nhìn Phật thật kỹ. Ông nói rằng đã từng nghe danh hiệu của Phật nhưng ít thấy Phật. Lúc bấy giờ, trong số hàng chục vạn người đang ngồi ở đó, đều không hỏi Phật, mà chỉ riêng ông hỏi Phật. Đó là oai thần thứ năm của Phật.”

Đức Phật bảo Tân Tự:

“Người có trí huệ trong thiên hạ rất ít, người không hiểu đạo⁸² thì nhiều. Thọ trì kinh giáo của Phật, thọ trì những lời hay của thầy, giữ giới pháp của thầy, thì các loài quỷ, thần, rồng không ai là không hộ vệ, chăm sóc, khiến không ai dám phỉnh phờ, dối gạt⁸³.

⁸⁰. Tân lai 頻來, Nhất lai 一來 (dịch âm: Tư-đà-hàm, 斯陀含), “người chỉ tái sinh dục giới nhiều lần (chính xác: một lần nữa) trước khi đắc quả A-la-hán và nhập Niết-bàn.

⁸¹. Ở trên là Tứ quả Sa-môn 四果沙門: Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán (Tu-dà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán) là quả vị tu đạo của các hàng Thanh văn tiểu thừa Phật giáo.

⁸². Nguyên Hán: phản phục 反復, có lẽ muốn chữ kinh Dịch, quẻ Phục: phản phục chi vị đạo 反復之謂道, “đi rồi trở lại, đó là Đạo”.

⁸³. Hán: bất cảm vọng triệu hô 不敢妄召呼, có lẽ muốn nói “không bị ma quỷ ám ảnh hay quấy nhiễu”.

Hãy từ hiếu đối với thầy. Làm thầy không nên theo những yêu sách của đệ tử. Trước mặt thầy phải nén cung kính, sau lưng thì nên khen ngợi thầy. Thầy chết thì luôn luôn tưởng nhớ. Hiện nay Tân Tự là người tài giỏi trong loài người, khéo ưa thích pháp, giỏi thanh tịnh."

Các vị Thệ tâm Lý gia⁸⁴ ở Duy-da-lê mời Đức Phật sáng mai cùng các Tỳ-kheo vào thành để cúng dường. Đức Phật nói:

"Sáng mai Nại nữ đã thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng rồi."

Các Thệ tâm Lý gia đều trở về.

Sáng sớm, Nại nữ đi đến chỗ Đức Phật, thưa:

"Con đã đặt tòa ngồi, đồ ăn uống cũng đã dọn xong, mong đức Thiên Tôn thể hiện oai thần hạ cố."

Đức Phật nói:

"Hãy về đi, ta sẽ đến!"

Đức Phật đứng dậy, mặc y ôm bát cùng đông đủ Tỳ-kheo đi vào thành. Ở trong thành có mấy mươi vạn người đến xem, trong đó có các Ưu-bà-tắc Hiền thiện, họ đều khen: 'Đức Phật như trăng sáng, các đệ tử ngài như sao sáng vây quanh mặt trăng.'

Đức Phật đến nhà Nại nữ, ngồi xuống, dùng nước rửa tay chân. Đức Phật và các Tỳ-kheo Tăng thọ trai, rửa tay xong xuôi, Nại nữ lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi trước Đức Phật. Đức Phật bảo Nại nữ:

"Các bậc Thánh nhân và những người giàu có, phú quý được tôn kính trong thiên hạ chỉ thích tịnh giới, rõ biết các kinh của Phật; những điều họ nói ra trong chúng hội, ai cũng ưa nghe; những việc họ làm, ai cũng kính yêu. Nay được làm người trong thiên hạ, đừng tham tiền, sắc, vâng theo sự giáo hóa của Phật, lúc chết tất được sanh lên cõi trời."

Đức Phật bảo Nại nữ:

"Hãy khéo giữ mình, thọ trì năm giới."

Đức Phật và chúng Tỳ-kheo ra đi.

Đức Phật ra khỏi nước Duy-da-lê, bảo A-nan:

"Tất cả hãy đến xóm Trúc phương⁸⁵."

⁸⁴. Thệ tâm lý gia, tức Bà-la-môn cư sĩ, hay gia chủ Bà-la-môn. Xem cht.10.

⁸⁵. Trúc phương 竹芳; No.1(2) sđd.: Trúc lâm, 竹林.

Tôn giả A-nan thưa:

“Đạ vâng.”

Lại nghe ở xóm Trúc phương bấy giờ lúa thóc khan hiếm, các Tỳ-kheo đi khất thực khó khăn, Đức Phật ngồi suy nghĩ: ‘Nước Duy-da-lê đang hồi đói kém, lúa thóc ít ỏi, đất đỏ, còn ở xóm làng này thì nhỏ hẹp, không đủ để các Tỳ-kheo đi khất thực.’ Đức Phật nghĩ, muốn bảo các Tỳ-kheo hãy phân bố ra nước khác, nơi lúa thóc dồi dào hơn để khất thực. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng:

“Ở xóm Trúc phương này lúa thóc không nhiều, việc khất thực khó khăn, còn bên nước Sa-la-đề⁸⁶ thì khá giả, sung túc hơn. Chung quanh nước Duy-da-lê này thì lúa thóc rất đắt đỏ. Riêng ta cùng A-nan thì ở lại xóm Trúc phương.”

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều đi đến nước Sa-la-đề, còn Đức Phật và A-nan thì đến xóm Trúc phương. Lúc này, Đức Phật bị bệnh nặng, muốn nhập Nê-hoàn. Đức Phật tự nghĩ: “Các Tỳ-kheo đều đi khỏi cả, riêng ta nhập Nê-hoàn, không có lời dạy dỗ nào sao?”

A Nan ở bên một gốc cây, đi đến chỗ Đức Phật hỏi thăm:

“Thánh thể không điều hòa, nay có bớt không?”

Phật nói:

“Chưa bớt. Bệnh rất nặng. Ta muốn nhập Nê-hoàn.”

A-nan thưa:

“Xin Phật hãy khoan nhập Nê-hoàn. Hãy chờ các Tỳ-kheo tụ tập đông đủ đã.”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Ta có kinh điển và giới luật⁸⁷. Các ngươi hãy vâng theo kinh, giới mà tu hành thì cũng như ta hiện có trong chúng Tỳ-kheo Tăng. Các Tỳ-kheo Tăng đều đã biết sự chỉ dạy của Phật. Ta đã dạy cho đệ tử phép thờ thầy. Các đệ tử hãy nên thọ trì, dốc tâm tu học. Nay toàn thân ta đau đớn. Ta đã vận dụng oai thần của Phật, trị bệnh không cho tái phát; trụ tâm nghiệp phục bệnh, như có phần thuyên giảm.”

⁸⁶. Sa-la-đề 沙羅提; No.1(2) sđd.: đến hai nước, Tỳ-xá-ly 毗舍離, Việt-kỳ 越祇.

⁸⁷. Hán: kinh giới 經戒, chỉ Pháp và Luật.

Đức Phật bảo A-nan:

“Nay ta đã già rồi, tuổi đã tám mươi. Ví như chiếc xe cũ kỹ không còn cứng cáp. Thân thể ta cũng như vậy, không còn cứng cáp nữa. Ta há chẳng từng nói với các ngươi: ‘Không có cái gì trên mặt đất này mà không chết. Có một cõi trời thật cao tên là Bất tưởng nhập⁸⁸, họ đến tám mươi ức bốn ngàn vạn kiếp, cuối cùng cũng phải chết.’ Do đó nên ta mới giảng kinh chỉ dạy cho mọi người để đoạn trừ cội gốc của sanh tử. Sau khi ta đã Bát-nê-hoàn, các ngươi không được lìa bỏ kinh giới này; hãy cung kính, tôn trọng nhau; hãy tự quán sát nội thân; giữ tâm chánh niệm, thực hành chánh chánh; hãy giữ giới pháp, khiến cho trong và ngoài vẫn như thường. Trong bốn chúng đệ tử, ai thọ trì giới pháp, thảy đều là đệ tử Phật. Nếu ai học kinh giáo của Phật cũng đều là đệ tử của Phật. Đức Phật đã bỏ ngôi vị Chuyển luân vương lo cho mọi người trong thiên hạ; cũng tự lo bệnh tật của chính mình; luôn xả bỏ mọi trạng thái dâm, nộ, si.”

Đức Phật từ xóm Trúc phương, bảo A-nan:

“Chúng ta hãy trở lại nước Duy-da-lê⁸⁹.

A-nan vâng theo lời dạy. Đức Phật trở lại nước Duy-da-lê, ôm bát vào thành khất thực, tìm đến ngồi ở khoảng đất trống dưới một gốc cây Cấp-tật thần⁹⁰ ở khoảng đất trống suy tư về việc sanh tử. A-nan thì ngồi dưới một gốc cây khác cách xa đó mà suy nghĩ về những điều ám ảnh⁹¹; rồi đứng dậy đi đến chỗ Đức Phật; đánh lễ Phật xong, đứng bạch Phật:

“Sao Ngài chưa nhập Niết-bàn?⁹²”

Đức Phật bảo A-nan:

⁸⁸. Bất-tưởng-nhập 不想入, tức Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

⁸⁹. Duy-da-lê 維耶梨; No.1(2) sđd.: di đến tháp Giá-bà-la tháp 遮婆羅塔.

⁹⁰. Hán: Cấp-tật thần thọ hạ 急疾神樹下 (xem cht.4), có lẽ muốn nói là gốc cây ở gần tháp Giá-bà-la; Pāli: Cāpāla-cetiya. No.1(2) sđd.: không có tên này.

⁹¹. Nguyên văn: tư duy âm phòng chi sự 思惟陰房之事, nghĩa đen: “suy nghĩ về căn buồng bị che tối”. Ý muốn nói, A-nan bị Ma-vương che lấp tâm trí nên không biết think Phật trụ thế lâu hơn. No.1(2) sđd.: Ma sở tể 魔所蔽.

⁹². Có sự nhầm lẫn trong bản Hán dịch này. Thay vì là ma Ba-tuần nói câu này, chứ không phải A-nan.

“An vui thay nước Duy-da-lê. An vui thay nước Việt-da.⁹³ An vui thay đất của thần Cấp Tật. An vui thay cửa thành Sa-đạt-tráh. An vui thay những con đường trong thành. An vui thay đền thờ Danh-phù-phát. An vui thay thiên hạ Diêm-phù-lợi. An vui thay nước Việt-kỳ. An vui thay nước Giá-ba. An vui thay cửa Tát-thành. An vui thay nước Ma-kiệt. An vui thay Mân-phát. An vui thay Uất-đề. An vui thay suối Tây-liên. An vui thay núi Xuất kim. Năm sắc⁹⁴ sanh ra trong nội địa Diêm-phù-lợi như bức họa; an vui thay những ai sanh trong đó.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào, họ trì bốn pháp⁹⁵, tư duy cho thuần thực, chánh tâm, không lệ thuộc vào vọng tâm, bên ngoài cũng nghĩ tốt, bên trong cũng nghĩ tốt, tâm không còn tham đắm dục lạc, không kinh sợ, cũng không còn dong ruỗi nữa, thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đó đã giữ vững ý chí mình. Tu tập bốn pháp như vậy gọi là bốn thân túc⁹⁶; nếu muốn sống đến một kiếp cũng có thể được.”

Bấy giờ, Ma đã nhập vào bụng⁹⁷ của A-nan. Đức Phật lại bảo A-nan:

“Như vậy hãy còn có thể được.”

A-nan lại nói:

“Vì sao Phật chưa nhập Nê-hoàn? Bây giờ là đúng lúc Nê-hoàn!”

Đức Phật lại nói:

“An vui thay Diêm-phù-lợi. Nếu ai biết bốn thân túc này thì có

⁹³. Danh sách các địa phương Phật đi qua và khen ngợi vẻ đẹp của chúng như là báo hiệu Ngài sắp nhập Niết-bàn. Việt-da quốc 越耶國; Danh-phù-phát 名浮沸; Diêm-phù-lợi 閻浮利; Việt-kỳ 越祇; Giá-ba quốc 遮波國; Tát thành 薩城; Ma kiệt 摩竭; Uất-đề 鬱提; Tây-liên-khé 鹽連溪; Xuất-kim sơn 出金山. So sánh liệt kê của bản Pāli: thành Vesāli, miếu Udena, miếu Gotamaka, miếu Sattambaka, miếu Bahuputta, miếu Sārandada, miếu Cāpala. №.1(2) không nêu danh sách này.

⁹⁴. Hán: ngũ sắc 五色; đây không chỉ màu sắc của thị giác, mà chính xác nói đến màu da, tức chỉ năm sắc dân, yếu tố phân chia đẳng cấp xã hội của Ấn Độ cổ đại.

⁹⁵. Tứ pháp 四法, chỉ cho Tứ thân túc, 四神足.

⁹⁶. Xem cht.88.

⁹⁷. Nguyên Hán: A-nan phúc 阿難腹.

thể sống trong trời đất này một kiếp, hoặc hơn thế nữa.”

Ngài lại bảo A-nan như vậy cho đến lần thứ ba mà A-nan vẫn không trả lời về việc bốn thân túc. Đức Phật bảo A-nan:

“Hãy nêu ngồi bên gốc cây mà tự suy tư.”

Đức Phật đứng dậy đi đến bên dòng suối Hê-liên⁹⁸, ngồi cạnh gốc cây. Ma⁹⁹ đi đến chỗ Phật nói:

“Tại sao Ngài không nhập Nê-hoàn?”

Đức Phật bảo:

“Này Tệ ma¹⁰⁰, ta chưa thể nhập Nê-hoàn, vì còn chờ bốn chúng đệ tử của ta có trí tuệ sáng suốt, đắc đạo; còn chờ chư Thiên trên trời, dân chúng noi thế gian và các hàng quý thần đạt được trí tuệ, đắc đạo; chờ cho kinh pháp của ta được truyền bá khắp mọi nơi chốn, cho nên ta chưa thể nhập Nê-hoàn.”

Ma biết Phật sẽ nhập Nê-hoàn nên vui mừng ra đi. Đức Phật ngồi tự suy tư: ‘Ta nay có thể xả bỏ tuổi thọ¹⁰¹.’ Khi ngài muốn xả bỏ tuổi thọ, bấy giờ trời đất chấn động mạnh, hàng quý thần thảy đều kinh hãi. Lúc đó, A-nan đang ngồi bên gốc cây lo sợ vội đứng dậy đi đến chỗ Phật ngự, cúi đầu đánh lỗ sát chân Phật rồi đứng qua một bên, thưa:

“Con đang ngồi bên gốc cây, bỗng nhiên trời đất chấn động mạnh. Con kinh hãi đến nỗi lông tóc trong người đều dựng đứng. Con không biết vì lý do gì mà đại địa chấn động như thế?”

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Phàm đại địa rung động có tám nhân duyên. Những gì là tám? Vì đất ở trên nước, nước ở trên gió, gió duy trì nước. Như từ mặt đất mà nhìn lên trời, hoặc có lúc gió làm rung động nước, nước làm rung động đại địa, đại địa nhân đó bị chấn động. Đó là nguyên nhân thứ nhất.

“Hoặc có bậc A-la-hán tôn quý, muốn thử oai thần của mình, ý muốn khiến cho đại địa chấn động, nên lấy hai ngón tay ấn trên mặt

⁹⁸. Hê-liên khê 鹽 連 溪, phiên âm khác: Hi-liên-thiền hà 希(熙)連禪河; tức Pāli: sông Hiraññavatī (Kim hà) Kusināra.

⁹⁹. Ma 魔; No.1(2) sđd.: Ma Ba-tuần, 魔 波旬; Pāli: Māra pāpimant, ma ác, hay thần chế kẻ gây ra tội ác, xúi dục người khác làm ác.

¹⁰⁰. Tệ ma 弊魔, chỉ ác ma; xem cht.100.

¹⁰¹. Nguyên văn: Diệc khả phóng khí thọ mạng 亦可放棄壽命; No.1(2) sđd.: Xả mạng trụ thọ 捨命住壽.

đất làm cho đất trời bị chấn động mạnh. Đó là nguyên nhân thứ hai.

“Trong khoảng không có vị trời oai thần lớn lao ý muốn làm cho đại địa rung động, tức thì đại địa liền bị chấn động mạnh. Đó là nguyên nhân thứ ba.

“Khi Đức Phật còn làm Bồ-tát từ cõi trời Đâu-thuật¹⁰² nhập mẫu thai, lúc đó đất trời bị chấn động mạnh.

“Khi Bồ-tát từ hông bên hữu của mẹ hạ sanh thì đất trời bị chấn động mạnh.

“Khi Bồ-tát đắc đạo thành Phật, đất trời bị chấn động mạnh.

“Lúc Phật bắt đầu thuyết giảng kinh giáo hóa chúng sanh thì đất trời bị chấn động mạnh.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Sau ba tháng nữa thì Phật sẽ Bát-nê-hoàn, trời đất sẽ lại chấn động. Đó là nguyên nhân thứ tám khiến cho đại địa chấn động.”

A-nan nghe Đức Phật nói thời hạn là ba tháng nữa sẽ nhập Nê-hoàn liền khóc lóc, hỏi:

“Phải chăng Ngài đã xả bỏ thọ mạng?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Ta đã xả bỏ thọ mạng rồi.”

A-nan bạch Phật:

“Con từng nghe từ kim khẩu của Phật nói: Nếu Tỳ-kheo nào có bốn pháp này, gọi là bốn thần túc, nếu muốn kéo dài mạng sống trong một kiếp cũng có thể được. Uy đức của Đức Phật còn cao hơn bốn thần túc nữa, tại sao không kéo dài mạng sống hơn một kiếp?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Đó là do lỗi của ngươi, là điều người đã làm. Vì ta đã ba lần nói với ngươi: ‘An vui thay trong cõi Diêm-phù-lợi!’ nhưng ngươi vẫn im lặng không trả lời. Ta thấy ngươi tài năng¹⁰³, tại sao lại để cho Tệ ma nhập vào trong người mình? Ta không thể dừng lại được, sau ba tháng ta sẽ nhập Nê-hoàn.”

A-nan liền đứng dậy nói với các Tỳ-kheo Tăng:

“Sau ba tháng nữa Đức Phật sẽ nhập Nê-hoàn.”

¹⁰². Đâu-thuật 兜術; No.2(1) sđd.: Đâu-suất 兜率; Pāli: Tusita; Skt.: Tusita.

¹⁰³. Nguyên văn: Ngā kiến nhược đầu giác 我見若頭覺.

Đức Phật bảo A-nan:

“Hãy tập hợp tất cả các Tỳ-kheo lại trong đại hội đường.

A-nan bạch:

“Tất cả các Tỳ-kheo Tăng đã ở trong đại hội đường rồi.”

Đức Phật liền đứng dậy đi vào đại hội đường. Các Tỳ-kheo đều đứng dậy, cung kính đánh lễ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Mọi vật trong trời đất đều vô thường, không có gì vững chắc. Con người vẫn ham muốn sanh tử, không mong tìm con đường giải thoát khỏi thế gian, thảy đều do si mê cả. Cha mẹ rồi cũng phải biệt ly, tưởng nhớ đến mà buồn thương. Người càng ân ái, tham luyến nhau càng nhiều bi ai. Trong thiên hạ, không có cái gì có sanh mà không có chết. Ta từng giảng nói nơi kinh: Hễ có sanh thì phải có chết; chết rồi lại sanh, sầu khóc lẫn nhau chẳng lúc nào thôi. Núi Tu-di rồi cũng sụp đổ. Chư Thiên trên trời cũng phải chết. Làm vua cũng chết; nghèo, giàu, sang, hèn, cho đến loài súc sanh cũng vậy. Không có gì sanh mà không chết. Đừng kinh ngạc khi biết Đức Phật sau ba tháng nữa sẽ nhập Nê-hoàn. Dù Phật không còn, hãy thọ trì giới kinh. Phật còn tại thế cũng phải thọ trì giới luật kinh pháp, mong cầu thoát khỏi cuộc đời không còn trở lại nẻo sanh tử nữa, cũng không còn ưu sầu khổ nữa. Để cho kinh Phật được trường tồn, sau khi Phật diệt độ, các bậc Hiền giả trong khắp mọi nơi hãy cùng nhau thọ trì giới, kinh. Người trong thế gian mà tự làm cho tâm mình được ngay thẳng chính đáng thì chư Thiên trên trời thảy đều hoan hỷ hỗ trợ, khiến người đó được phước. Đối với kinh của Phật phải đọc phải tụng, phải học, phải thọ trì, phải tư duy, phải khiến cho tâm ý luôn chân chánh, hãy cùng truyền dạy cho nhau.

“Có bốn việc: đoan nghiêm thân, đoan nghiêm tâm, đoan nghiêm chí, đoan nghiêm miệng.

“Lại có bốn việc: lúc muốn sân hận thì nhẫn, niệm ác khởi lên thì diệt trừ, có tham dục thì diệt bỏ, phải nên luôn luôn lo nghĩ về sự chết.

“Lại có bốn việc: tâm muốn tà vạy thì đừng nghe theo, tâm muốn dâm dục thì đừng nghe theo, tâm muốn làm điều ác thì đừng nghe theo, tâm muốn sự giàu sang, phú quý cũng đừng nghe theo.

“Lại có bốn việc: tâm phải nên lo nghĩ về sự chết, tâm muốn làm điều ác thì đừng nghe theo, phải kiềm chế tâm; tâm phải tùy thuộc người, người đừng tùy tâm; tâm làm mê hoặc người; tâm giết thân, tâm

làm bậc La-hán, tâm lên trời, tâm làm người, tâm làm súc sanh, trùng kiến chim thú, tâm vào địa ngục, tâm làm ngạ quỷ. Tất cả hình dạng tướng mạo đều do tâm làm ra cả.

“Tâm, thọ và mạng, ba thứ theo nhau. Tâm là vị thầy dẫn đầu. Mạng tùy tâm, thọ tùy mạng. Đó là ba thứ theo nhau. Nay ta làm Phật, được trên trời dưới trời tôn kính, cũng đều do tâm mà ra. Hãy nên nghĩ đến sự thống khổ của sanh tử, lìa bỏ mọi sự ràng buộc của gia đình. Nên nhớ nghĩ đến tám việc để suy tư về kinh Phật:

“Một, hãy lìa bỏ vợ con mà tìm con đường vượt khỏi thế gian; không tranh cãi với người đời; không có tâm tham.

“Không được nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói dối, thêu dệt, ngâm vịnh ca hát.

“Không được sát sanh, trộm cắp tài vật người khác và nhớ nghĩ đến sự dâm dục.

“Không được ôm lòng sân hận, ngu si và tham lam.

“Không được ganh ghét, khinh mạn người khác.

“Không được nghĩ tưởng làm ác, làm cho người khác thêm đau khổ.

“Không nên có thái độ buông lung; không được biếng trễ, nằm dài, nghĩ tới chuyện ăn uống.

“Hãy nên lo lắng, thân sanh rồi sẽ già, bệnh và chết.

“Thọ trì tám việc này, tự doan nghiêm tâm, không tranh cãi cùng mọi người, được giải thoát khỏi thế gian.

“Này các Tỳ-kheo! Hãy nên suy tư về tám việc này và bốn nguồn gốc thống khổ thì kinh Phật được tồn tại lâu dài.”

Đức Phật từ nước Duy-da-lê, bảo A-nan, hãy đi đến xóm Câu-lân¹⁰⁴. A-nan bạch:

“Dạ vâng!”

Đức Phật từ nước Duy-da-lê ra đi, ngoại nhìn lại thành. A-nan liền đến trước thưa:

“Đức Phật đâu có vô cớ xoay người để nhìn lại thành này?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Ta không hề vô cớ xoay người lại để ngắm. Phàm làm Phật thì không vô cớ quay lại để ngắm.”

¹⁰⁴. Câu-lân 拘鄰, xem cht.55.

A-nan thưa:

“Vậy Đức Phật quay nhìn như vậy là ý gì?”

Đức Phật nói:

“Hôm nay tuổi thọ của ta đã dứt, không còn trở lại để vào thành này nữa, cho nên ta quay lại nhìn.”

Có một vị Tỳ-kheo tiến đến trước, gần chỗ Phật hỏi:

“Từ hôm nay Thế Tôn không còn đi vào trong thành này nữa sao?”

Đức Phật nói:

“Ta sắp nhập Nê-hoàn, không còn thấy lại nước Duy-da-lê nữa. Ta sẽ đi đến quê hương Hoa thị¹⁰⁵. ”

Đức Phật đến xóm Câu-lân, trong đó có khu vườn tên là Thi-xá-hoàn¹⁰⁶. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy giữ tâm tinh khiết, an tọa luôn tự tư duy, biết trong cuộc sống người có trí tuệ khiến cho tâm đoan chánh, do tâm chánh trực mà ba thứ độc là dâm, nộ, si được trừ sạch. Tỳ-kheo ấy tự nói rằng đã đoạn trừ cội gốc của sanh tử, đắc quả A-la-hán, nhất tâm không còn gì để lo lắng, lại không còn lo sợ về sanh tử. Tuy còn khổ¹⁰⁷ nhưng vẫn đạt được con đường không sanh tử¹⁰⁸. ”

Đức Phật từ xóm Câu-lân bảo Tôn giả A-nan đi đến xóm Kiền-lê¹⁰⁹.

Tôn giả A-nan thưa:

^{105.} Hoa thị hương thổ 華氏鄉土, có lẽ đồng nhất với Lực sĩ sanh địa 力士生地, tức “quê hương của những người lực sĩ” hay cũng gọi là Mạt-la quốc, mà thủ phủ là thành Câu-thi-na, nơi Phật sẽ nhập Niết-bàn. Phạm: Malla: lực sĩ, Malya: tràng hoa.

^{106.} Thi-xá-hoàn 尸舍洹; No.2(2) sdd.: Thi-xá-bà 尸舍婆 tên một loại cây; Pāli: Sīmsāpa; tên khoa học: Dalbergia sisu; No.1(2): Phật dừng lại trong rừng cây Thi-xá-bà, phía Bắc thành Phụ-di. (Theo tài liệu Pāli, có một khu rūng Sīnsāpavāna tại Kosambī).

^{107.} Hán: tuy cánh khổ 雖更枯苦, không rõ ý.

^{108.} Văn dịch không chuẩn về thành cú chuẩn liên hệ sự chứng quả A-la-hán. Hán dịch thường gặp: sanh dĩ tận, phạm hạnh dì lập, sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hưu 生已盡梵行已立所作已辨不受後有.

^{109.} Kiền-lê 捷梨; No.1(2) sdd.: Phật từ tháp Giá-bà-la đi đến thôn Am-bà-la, rồi đến thôn Chiêm-bà, rồi đến thôn Kiền-đồ. Trong bản Pāli: từ miếu Cāpālā-cetiya, Phật trở vào thành Vesāli, từ đó đi đến thôn Bhandagāma, đến thôn Hatthigāma, thôn Ambagāma, Jambugāma, dừng chân tại thị trấn Bhoganagara...

“Dạ vâng.”

Đức Phật cùng Tỳ-kheo Tăng đi đến xóm Kiền-lê. Từ xóm Kiền-lê Đức Phật bảo A-nan đồng đi đến Kim tụ¹¹⁰, cùng với đồng đù Tỳ-kheo Tăng. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nào tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm có trí tuệ, tâm tự tư duy, thì người đó có trí biết kinh, đó là gốc của tâm trí tuệ; và tâm dâm, tâm hận, tâm si đều được trừ diệt. Ba tâm đã thanh tịnh, nếu muốn thoát khỏi cuộc đời thì không phải là chuyện khó. Khi đắc quả A-la-hán thì các thứ dâm, nộ, si đều được tiêu trừ. Nên tự nói: ‘Đã trừ diệt ba thứ này thì không còn tạo pháp sanh tử nữa’.”

Đức Phật từ Kim tụ bảo A-nan lại đến xóm Thọ thủ¹¹¹. A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Liền cùng đồng đù các Tỳ-kheo đi đến xóm Thọ thủ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy để tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ¹¹². Nếu ai tâm ý được thanh tịnh thì tâm liền ngay thẳng, tâm trí tuệ liền sanh, trí tâm liền hiểu rõ, khai mở, không nghĩ về dâm, không nghĩ đến hận, không còn si mê nữa, tâm đã được khai mở.”

Các Tỳ-kheo tự nói:

“Những điều mong ước của ta đã đạt được, nhơn đó thấy được đạo A-la-hán.”

Đức Phật từ xóm Thọ thủ bảo A-nan đi đến xóm Yêm-mᾶn¹¹³, A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Tôn giả liền cùng đồng đù các Tỳ-kheo đi đến xóm Yêm-mᾶn. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo Tăng¹¹⁴:

¹¹⁰. Kim tụ 金聚; tức No.2(2) sđd.: thôn Chiêm-bà 瞳婆; Pāli: Jambugāma. Ở đây, jambu được hiểu là jambunada hay jambodana, Diêm-phù-đàn kim, tên loại vàng lấy từ cát ở Jambu, do đó dịch là Kim tụ, hay Xóm vàng.

¹¹¹. Thọ thủ 授手; Pāli: Hatthigama.

¹¹². Chính xác, đoạn này Phật giảng về sự tu tập cùng lúc ba môn giới, định và tuệ.

¹¹³. Yêm-mᾶn 掩滿; Pāli: Ambagāma.

¹¹⁴. Tham chiếu No.1(2): tại thôn Am-bà-la, Phật giảng, tu tập giới-định-tuệ đưa đến giải thoát dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Bản Pāli, tại thôn Bhandagāma, nội dung cũng tương đồng.

“Phương pháp của tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ dẫn tới việc dứt hết các thứ dâm, nộ. Đạt được con đường của tâm thanh tịnh, cùng với tâm tư duy, tâm trí tuệ liền sanh ra con đường để tâm tư duy¹¹⁵. Nếu có tâm thanh tịnh, tâm trí tuệ liền khai mở được con đường của tâm trí tuệ. Có tâm thanh tịnh, tâm tư duy liền được sáng suốt¹¹⁶. Người đời dùng vải dạ để nhuộm màu, nếu vải dạ sạch sẽ thì màu nhuộm đẹp, đó là do dạ sạch. Tỳ-kheo có ba tâm: tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ. Tâm thanh tịnh là thi-đại¹¹⁷, tâm tư duy là tam-ma-đề¹¹⁸, tâm trí tuệ là băng-mạn-nhã¹¹⁹. Tâm thi-đại là không dâm, không giận dữ, không tham. Tam-ma-đề là tâm được thu nhiếp khiến không còn dong ruối. Băng-mạn-nhã là tâm không còn ái dục.

“Người thọ trì kinh giới của Phật ví như người có tấm vải dạ. Tấm vải ấy nếu bị bẩn, muốn nhuộm lấy để có màu sắc thì màu sắc không được tươi tốt. Tỳ-kheo nếu chẳng an định đối với tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ mà muốn đạt đạo thì thật là khó. Vì tâm của vị ấy không được cởi mở. Tỳ-kheo tâm tự cởi mở, bằng tâm tư của mình vị ấy liền thấy cả việc trên trời, biết rõ ý niệm của tâm người, cũng thấy họ sẽ sanh vào các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thiện, ác. Giống như dưới nước trong có cát, đá màu xanh, vàng, trắng, đen... tất cả đều hiện rõ do nhờ nước trong. Cầu con đường giải thoát khỏi thế gian, phải để tâm thanh tịnh như vậy. Thí như khe nước đục ngầu thì cát, đá ở dưới không thể thấy được, cũng không thể biết là nước cạn hay sâu. Tâm Tỳ-kheo mà không thanh tịnh thì không thể đạt được con đường giải thoát, vì tâm của Tỳ-kheo ấy luôn bị ô trược.”

¹¹⁵. Tham chiếu No.1(2): tu giới đặc định, được phước lớn; Pāli: định cùng tu với giới đưa đến kết quả lớn.

¹¹⁶. Tham chiếu No.1(2): do tâm (định) và trí (tuệ) được tu tập đồng thời, sẽ giải thoát, dứt sạch các lậu hoặc: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Bản Pāli cũng vậy.

¹¹⁷. Hán: thi đại 尸大, phổ thông phiên âm là thi-la 尸羅, tức Pāli: giới.

¹¹⁸. Hán: tam-ma-đề 三摩提, phiên âm phổ thông là tam-ma-địa hay tam-muội, tức định hay chánh định.

¹¹⁹. Hán: băng-mạn-nhã 崩曼若, phiên âm phổ thông: bát-nhã, tức tuệ hay trí tuệ.

Đức Phật từ xóm Yêm-mān bảo Tôn giả A-nan cùng đi đến xóm Hỷ dự¹²⁰. A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Rồi cùng đông đủ các Tỳ-kheo đi đến xóm Hỷ dự. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có tâm thanh tịnh, tâm tư duy, tâm trí tuệ thì đối với những điều thầy truyền dạy, đệ tử phải nêu học. Nếu không những điều suy nghĩ của thầy không thể đi vào trong tâm của đệ tử, làm cho tâm của đệ tử được đoan nghiêm. Tỳ-kheo hãy tự làm thanh tịnh lấy mình, tâm đoan nghiêm mới là tâm. Tâm đoan nghiêm thì được giải thoát khỏi thế gian. Hãy tự nói: ‘Ta đã được giải thoát khỏi thế gian, đoạn trừ cội gốc của sanh tử’.”

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Hãy đi đến xóm Hoa thị¹²¹.”

A-nan thưa: “Dạ vâng!” Liền cùng đông đủ các Tỳ-kheo đi đến xóm Hoa thị. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tâm có ba thứ cầu uế, đó là cầu uế về tham dâm, cầu uế về giận dữ và cầu uế về si mê. Giữ tâm thanh tịnh thì trừ được cầu uế về tham dâm, giữ tâm tư duy thì trừ được cầu uế về giận dữ, giữ tâm trí tuệ thì trừ được cầu uế về si mê. Bấy giờ Tỳ-kheo tự tuyên bố: Đã thoát khỏi thế gian, đoạn trừ được cội gốc của bao thứ khổ não nơi sanh tử.”

Đức Phật lại từ xóm Hoa thị bảo A-nan cùng đi đến thành Phu-diên¹²².

A-nan thưa: “Dạ vâng!” Rồi cùng đông đủ các Tỳ-kheo đi đến phía Bắc thành Phu-diên, ngồi dưới một gốc cây. A-nan ngồi kế bên gốc cây, dốc tư duy quán tưởng nội tâm, thì đại địa chấn động mạnh. A-nan liền đứng dậy đi đến chỗ Đức Phật, thưa:

¹²⁰. Hỷ dự 喜豫; Pāli: Ānanda-cetiya, chứ không phải là Nādika, No.1(1) Na-dà thôn, như thấy ở cht.58.

¹²¹. Hoa thị tụ 華氏聚; No.2(2) sđd.: Ba-bà 波婆; Pāli: Pāvā. theo tài liệu Pāli, Pāvā là một đô thị của bộ tộc Malla (xem cht. 106). Phật từ Bhoagagāma đi đến Pāvā. No.1(2), Phật từ Phù-di (Pāli: Bhogagāma?) đi đến Pāvā.

¹²². Phu-diên 夫延; No. 2(2) sđd.: Phụ-di 負彌. Tức Pāli: Bhogagāma.

“Đại địa vì sao lại chấn động mạnh?”

Đức Phật đáp:

“Đại địa chấn động có bốn nguyên nhân:

“Đất ở trên nước, nước ở trên gió, gió động làm nước chuyển động, nước chuyển động làm cho đất chấn động. Nhân đó đại địa rung động. Đó là nguyên nhân thứ nhất.

“Nếu có bậc A-la-hán muốn tự thử đạo lực của mình, dùng hai ngón tay ấn xuống mặt đất, khiến đại địa rung động. Đó là nguyên nhân thứ hai.

“Ở trong khoảng không có một vị trời với oai thần lớn lao muốn khiến cho đại địa rung động, tức thì đại địa liền rung động. Đó là nguyên nhân thứ ba.

“Đức Phật không bao lâu nữa sẽ nhập Nê-hoàn, đại địa lại chấn động mạnh. Đó là bốn nguyên nhân làm đại địa rung động¹²³.

A-nan thưa:

“Do oai thần của Phật, Đức Phật nhập Nê-hoàn nên đại địa mới chấn động mạnh như vậy?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Oai thần của Phật vời vợi, rất tôn quý, hóa độ soi sáng cho vô lượng chúng sanh. Vậy người có muốn biết oai thần của Phật chăng?”

A-nan thưa:

“Con mong muốn được nghe biết điều ấy.”

Đức Phật nói:

“Ta đi khắp mọi nơi chốn. Dân chúng trong quận huyện mà Ta đến, ai biết thì đi đến chỗ Đức Phật. Thân Phật tự biến hóa theo ngôn ngữ, y phục của dân nước ấy. Ta xem thấy dân chúng ở nước ấy thực hành những pháp gì, biết những kinh, giới gì; Phật liền thuyết giảng kinh giới để đem lại lợi ích cho họ. Nhưng những dân chúng ấy đều chẳng biết Ta là ai, cũng chẳng biết Ta từ trên trời hay dưới đất đến. Dân chúng đều hết sức cung kính Ta.

“Ta lại biến hóa đến chỗ các quốc vương, quốc vương hỏi Ta: ‘Khanh là ai?’ Ta đáp: ‘Tôi là đạo nhân ở trong nước này.’ Quốc vương lại hỏi: ‘Ngài nói kinh gì?’ Ta nói: ‘Ngài muốn hỏi kinh gì, xin cứ hỏi,

¹²³. Bốn nguyên nhân khiến cõi đất chấn động: Ở đây được lập lại như trên.

tôi đều trả lời tất cả.’ Quốc vương rất hoan hỷ. Ta vì nhà vua thuyết giảng rộng khắp xong, Ta liền biến mất, không thấy. Quốc vương sau đó đều chẳng biết Ta là ai.

“Ta đến các nước Thệ tâm¹²⁴, Ta cũng biến hóa thành người Thệ tâm với y phục, ngôn ngữ của như họ. Ta hỏi: ‘Các người nói những giới kinh gì?’ Ta biết tâm của các họ, biết tiếng nói của họ, Ta đem kinh và giới ra giáo hóa họ rồi biến mất. Những người ấy sau đó suy nghĩ về lời nói và hình tướng của Ta, họ hỏi: ‘Đó là người gì? Là trời, là quỷ hay là thần?’ Họ đều chẳng biết Ta là ai. Ta cũng không nói với họ Ta là Phật.

“Ta đã du hành khắp thiên hạ, truyền trao kinh, đạo mọi nơi rồi lên cõi trời thứ nhất chỗ ở của Tứ thiên vương, Ta cũng mặc y phục như trời và nói tiếng của trời. Ta hỏi trời: ‘Ngài thọ trì kinh gì?’ Trời thưa: ‘Tôi chẳng biết kinh.’ Ta liền thuyết giảng kinh cho họ nghe xong rồi biến mất, trời cũng chẳng biết Ta là ai.

“Ta lại lên cõi trời thứ hai là Dao-lợi thiên, hóa ra như y phục và tiếng nói của cõi trời Dao-lợi. Ta hỏi trời Dao-lợi: ‘Ngài đã nói những kinh gì?’ Trời Dao-lợi thưa: ‘Tôi không biết kinh.’ Ta liền thuyết giảng kinh cho họ nghe xong rồi biến mất. Trời cũng chẳng biết Ta là ai.

“Ta lại lên cõi trời thứ ba là Diêm¹²⁵, hóa ra y phục và tiếng nói của cõi trời Diêm. Ta hỏi trời Diêm: ‘Ngài thọ trì kinh gì?’ Trời thưa: ‘Tôi không biết kinh.’ Ta thuyết giảng kinh cho họ nghe.

“Ta lại lên cõi trời thứ tư là Đâu-thuật¹²⁶, hóa ra y phục và tiếng nói của trời ấy. Ta hỏi: ‘Ngài thọ trì những kinh gì?’ Vị trời ấy thưa: Ngài Di-lặc nói kinh cho tôi nghe.’ Ta cũng lại nói kinh cho họ nghe.

“Ta lên cõi trời thứ năm là Bất kiêu lạc¹²⁷, cũng mặc y phục và nói tiếng của cõi trời ấy. Ta hỏi trời ấy: ‘Ngài có biết kinh không?’ Vị trời ấy thưa: ‘Tôi không biết kinh.’ Ta liền giảng nói kinh cho vị ấy

¹²⁴. Thệ tâm quốc, chỉ cho chúng hội những người Bà-la-môn.

¹²⁵. Đệ tam Diêm thiên 第三鹽天, Diêm cõi trời thứ ba, trong sáu cõi trời dục giới, cũng âm là Diêm-ma thiêん 焰摩天.

¹²⁶. Đệ tứ Đâu-thuật thiêん 第四兜術天; Đâu-thuật cõi trời thứ tư, trong sáu cõi trời Dục giới, tức thường gọi Đâu-suất thiêん,

¹²⁷. Đệ ngũ Bất kiêu lạc thiêん 第五不橋樂天; Bất kiêu lạc cõi trời thứ năm, trong sáu cõi trời Dục giới, còn gọi là Hóa tự tại thiêん 化自在天.